

Tam tở HÀNH TRẠNG

BẢN DỊCH CỦA
Á - nam TRẦN TUẤN KHẢI



TỦ SÁCH CỔ VĂN — ỦY BAN DỊCH THUẬT

TAM TỔ HÀNH TRẠNG

BẢN DỊCH CỦA
Á-nam TRẦN TUẤN KHAI

Nguyên bản chép tay
số MC 4207 TG
của Chi Nhánh Văn Khố Dalat



TỦ SÁCH CỜ VĂN
ỦY BAN DỊCH THUẬT
PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN HÓA
XUẤT BẢN
1971

TAM - TỒ HÀNH - TRẠNG

Lời Giới Thiệu

THEO sự nhận xét thô cận của dịch-giả, những loại sách nói về Thích-giáo do chính người Việt soạn ra, có lẽ phải kể bộ kinh KHÓA-HU-LỤC do vua Thái-Tông nhà Trần soạn thảo vào đầu thế-kỷ 13 là cuốn tiên-phong trước nhất. Trong pho Kinh này, theo bài tựa của Thận-Hiến Nguyễn Tiên-Sinh (pháp-danh Đại-Phương, nguyên là Ninh-Thái Tổng-Đốc) viết trên bản in năm Canh-Tý đời Minh-Mạng (1901), trong đó nói « Vua Trần (tức vua Thái-Tông), tuy thân ở nơi vạn-thặng, mà lòng mộ đạo tam-tôn, bỏ còn miện mặc áo nông-phu, xa ngọc ngà ngồi nơi chiếu cỏ..., tự thân khắc khổ tu-trì, lại soạn ra một tập Sám-Hối Kệ-Văn để lưu truyền cho người hậu-học » thì đủ thấy cái chân giá-trị của cuốn sách Thiền-học do người Việt soạn ra là như thế nào vậy.

Thứ nữa tới bộ TAM-TỔ HÀNH-TRẠNG mà dịch giả phiên dịch để cống hiến độc-giả sau đây, có lẽ một tập sách thứ 2 trong ngành Thiền-học do chính tay người Việt soạn ra. Nội-dung pho sách chia làm hai phần khác nhau :

Phần thứ Nhất : Lược thuật về hành-trạng tu-trì của ba vị Tổ trong Thiền-phái Trúc-Lâm, một Thiền-phái do chính người Việt sáng-lập vào đầu thế-kỷ thứ 13: Vị Tổ thứ Nhất là Điều-Ngự Giác-Hoàng, tức là đức vua Nhân-Tông nhà Trần; vị Tổ thứ hai là Pháp-Loa Tông-giả Đồng-Kiên-Cương và vị thứ ba là Huyền-Quang Tôn-giả Lý-Đạo-Tái.

Ba vị này đều là những bậc Thiền-sư đã chứng-đắc diệu-pháp tối cao của Phật, có thể làm ngọn đèn soi sáng cho những người tu-hành đạo pháp sau này để cùng được thoát ly khổ-hải.

Phần thứ Hai : Ghi chép giáo-lý cao siêu, căn cứ vào 24 THANH VIÊN GIÁC, do Hải-Lượng Đại-Thiền-Sư đề xướng, có các vị cao-tăng như Hải-Âu Hòa-thượng và Hải-Hòa-tăng bàn luận thêm vào. Nội-dung văn chương và nghị-luận, chứa đựng rất nhiều triết-lý cao siêu của Phật-giáo và cả Nho-giáo, khiến hai học-thuyết đi song với nhau, tạo nên một căn bản vững vàng để cùng xây dựng một nền tảng triết-lý nhân-sinh thực là tinh minh tường tận.

Ta hãy đọc trong chương Nhất-Thanh, trên lời phát-đoan có nói « nhà Nho nói « lý vô nhị thi » (lý không có hai chiều phải) tức là NHẤT; nhà Thích nói « Bất nhị pháp-môn » (không có hai pháp-môn), cũng tức là NHẤT ». Kể đó lại có đoạn nói « Chương này đem Nho và Thích gộp gở một nơi, đó là Đại-Thiền-Sư hiểu thấu cái nghĩa NHẤT-QUÁN mà phát ra những đại-nghi-luận đại-văn-chương 24 THANH đây, há phải lấy con mắt tầm thường mà đờm ngó NỖI ».

Đọc qua mấy đoạn trên đây, ta có thể nói pho sách này thật là một bộ TAM-KINH do các bậc Nho Thích uyên thâm của đất Việt tinh-hoa đã thảo soạn ra, hầu để dẫn dắt chúng-sinh theo đó dần dần giác-ngộ, đề cùng men vào khuôn cửa quảng-dại từ-bi, cùng hưởng thụ chân-thú cuộc sống ở đời, vĩnh viễn xa lìa ác trọc tham-sân mà thoát khỏi A-lý địa-ngục.

Có điều đáng tiếc, tập TAM-TỒ HÀNH-TRẠNG lại là một bộ sách chưa được khắc thành ấn-bản, lại cuối sách tuy có ghi tên những người sao lục, nhưng tịnh không thấy có đề niên-hiệu soạn ra, nên không được rõ hẳn là sách đó soạn từ bao giờ. Duy khi đọc tới chương Không-Thanh, trong bài bản của Hải-Hóa-Tăng có nói « Điều-Ngự Giác-Hoàng là bậc Tổ thứ nhất trong phái Trúc-Lâm, cho tới ngày nay đã trải hơn 500 năm, vậy mà hư-không hiển-hiện ở nơi dưới góc Cờ-dạm... », ta có thể đoán cuốn sách này viết vào sau 500 năm khi các vị Tổ đã hòa-tịch rồi, tức là vào khoảng cuối thế-kỷ thứ 18 này, mà chính là quãng cuối triều nhà Lê sang triều nhà Nguyễn cũng nên.

Dù sao, sách này, một tập sách viết tay, trong đó tránh sao không có một vài chỗ thiếu sót sai lầm, mà không có tập nào khác để so tìm doan đích. Hơn nữa, dịch-giả lại tài học thô sơ, ít được thấm nhuần Thiền-học, tuy có hết công tra khảo sưu-tầm, gập chữ khó chữ lắm cũng hết công tìm hỏi, nhưng thực vẫn ǎn năn là chưa được thấu-đáo hoàn-toàn. Vậy rất mong sau đây, hoặc có các bậc tài học cao minh, xét thấy những điều khuyết-diểm mà chỉ chính giúp cho thì dịch-giả lấy làm hân hoan cảm tạ vô cùng.

Viết tại lầu tranh Bình-Thời, Sài-Thành
Ngày tháng quý-hạ Phật-lich 2515 (1971)

Dịch-giả cán chí

TAM TÔ HÀNH TRẠNG

NGŨ - LỤC
[Iở 1a] (Ghi lời nói)

HUYỀN - QUANG Tôn-giả húy là Lý-Đạo-Tài, nguyên quán ở huyện Gia-Định, tỉnh Kinh-Bắc (tức tỉnh Bắc-Ninh thuộc Bắc-phần). Là một bậc thiền-tư thông-tuệ, sớm hiểu giáo-lý nhà Thiền (nhà Phật), thi đậu Tam-Giáo Trạng-nguyên về triều nhà Trần. Sau liền xuất gia tu đạo, đi theo Điều-Ngự Giác-Hoàng (tức vua Nhân-Tông nhà Trần), trụ-trì trong núi Yên-Tử (thuộc tỉnh Hải-Dương, Bắc-phần) và thị-tịch (mất) ngay tại đó.

Sau khi ngài thị-tịch, các đồ-đệ liền suy tôn người làm vị Sư-Tổ thứ Ba trong cảnh Trúc-Lâm.

Có câu Kệ đề lại như sau :

Suốt thấu người, Trời ;

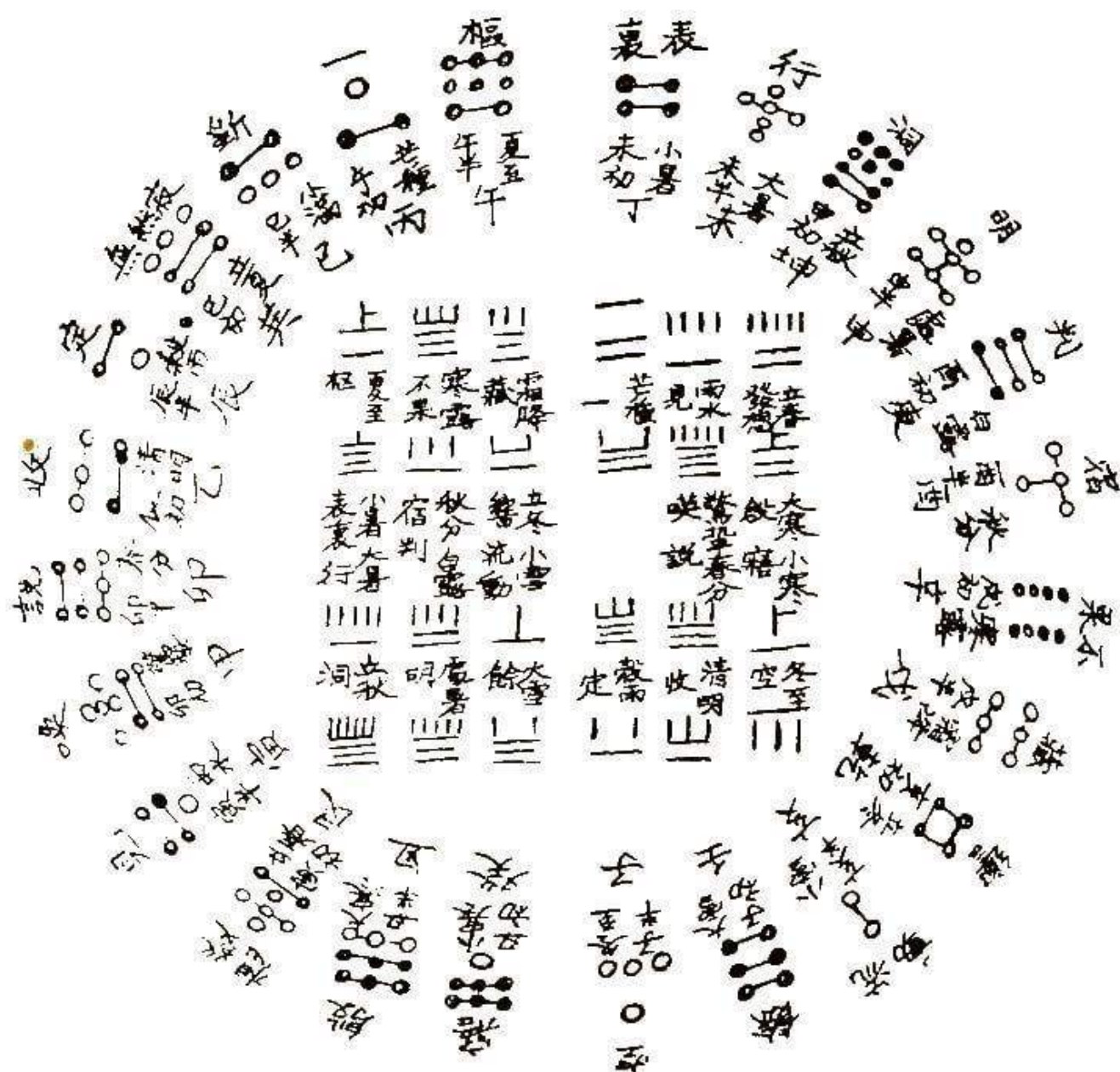
Truyền - độ ba đời.

Hư - không sáng tỏ

Huyền - diệu tuyệt vời.

[Từ 2a] BÀN ĐỒ HAI-MƯƠI-BỐN THANH HỢP VỚI KHÍ ỨNG VỚI SƠN

[Từ 2a] BÀN ĐỒ HAI-MƯƠI-BỐN THANH HỢP VỚI KHÍ ỨNG VỚI SƠN



[Iở 3a] **HAI-MƯƠI-BỐN VỊ BỒ-TÁT**
TRONG TƯỚNG-THANH

KHÔNG-THANH TƯỚNG :

Na-Mô Không-không Quan-tâm Quán-Thế-Âm Bồ-Tát.

NGỘ THANH TƯỚNG :

Na-Mô Ngộ-hiện-tác Bồ-Tát Quán-thế-Âm Bồ-Tát.

ẨN-THANH TƯỚNG :

Na-Mô Ẩn-du-Chư-Quốc-thồ Độ-thoát-chúng-sinh Quán-Thế-Âm Bồ-Tát.

PHÁT-TƯỚNG-THANH-TƯỚNG :

[Iở 3b] Na-Mô Phát-tướng Cụ-bất-khả-tư-nghị Thần-uy Quán-Thế-Âm Bồ-Tát.

KIỆN-THANH TƯỚNG :

Na-Mô Nhược-dục-Kiến-Phật Đương-dữ-kiến-Phật Quán-Thế-Âm Bồ-Tát.

HOÁN-THANH TƯỚNG :

Na-Mô Hoán-tốc-linh-Thanh-văn Chứng-quả Quán-Thế-Âm Bồ-Tát.

THUYẾT-THANH TƯỚNG

Na-Mô Thuyết-Năng-Linh Địa-Ngục-Môn-khai Tội-Nhân-Giải-Thoát Quán-Thế-Âm Bồ-Tát.

THU-THANH TƯỚNG :

[Iờ 4a] Na-Mô Thu-Sở-Hữu Quyển-Thuộc-Hòa-Thuận
Quán-Thế-Âm Bồ-Tát.

ĐỊNH-THANH TƯỚNG :

Na-Mô Định-Dữ Ngã Tốc-Đắc Giới-Định-Đạo Quán-Thế-
Âm Bồ-Tát.

TỊCH-NHIÊN VÔ-THANH TƯỚNG :

Na-Mô Tịch-Nhiên-Vô Vô-Vi-Tâm Quán-Thế-Âm Bồ-Tát.

TRÁC-THANH TƯỚNG :

Na-Mô Trác-Vô-Nhiễm-Tâm Quán-Thế-Âm Bồ-Tát.

NHẤT-THANH TƯỚNG :

[Iờ 4b] Na-Mô Nhất-Nhất-Thiết Diệu-Cu Giai-Tự-Trang-
Nghiêm Quán-Thế-Âm Bồ-Tát.

KHU-THANH TƯỚNG :

Na-Mô Khu-Thiền-Định-Tạng Quán-Thế-Âm Bồ-Tát.

BIỂU-LÝ-THANH TƯỚNG :

Na-Mô Biểu-Lý Sở-Văn Chánh-Pháp Ngộ-Thậm-Thâm-
Nghĩa Quán-Thế-Âm Bồ-Tát.

HÀNH-THANH TƯỚNG :

Na-Mô Hành-Năng-Linh-Quốc-Hoàn-Chánh-Trị Quán-Thế-
Âm Bồ-Tát.

ĐỒNG-THANH TƯỚNG :

[Iờ 5a] Na-Mô Đồng-Bất-Vi Phi-Tự-Phận-Hại-Tử Quán-
Thế-Âm Bồ-Tát.

MINH-THANH TƯỚNG :

Na-Mô Minh-Phổ Minh-Chiếu-Thế-gian Quán-Thế-Âm
Bồ-Tát.

PHÁN - THANH TƯỚNG :

Na - Mô Phán - Dĩ - Thực - Quan - Chúng - Sinh Quán - Thế - Âm Bồ-Tát.

TÚC - THANH TƯỚNG :

Na-Mô Túc-Thường-Trụ-Tạng Quán-Thế-Âm Bồ-Tát.

BẤT - QUẢ - THANH TƯỚNG :

[Iở 5b] Na-Mô Bất-Quả Đắc-Như-Thị-Y Quán-Thế-Âm Bồ-Tát.

TÀNG - THANH TƯỚNG :

Na-Mô Tàng-Quán-Thế-Âm Tâm-Bi-Mật-Dũ-Nguyên Quán-Thế-Âm Bồ-Tát.

HƯỚNG - THANH TƯỚNG :

Na - Mô Hưởng-Văn-Kì-Thanh-Âm Nhi-Đắc-Giải-Thoát Quán-Thế-Âm Bồ-Tát.

LƯU - ĐỘNG - THANH TƯỚNG :

Na - Mô Lưu - Động-Kỳ-Thần - Thông - Lực Quán - Thế - Âm Bồ-Tát.

DƯ - THANH TƯỚNG :

[Iở 6a] Na-Mô Dư-Linh Tứ-Quả Đắc-Quả Quán-Thế-Âm Bồ-Tát.

[Tờ 7a] TAM TỒ HÀNH - TRẠNG
(Hành-trạng của Ba Vị Sư-Tồ trong Trúc-Lâm)

VỊ TỒ THỨ NHẤT

ĐIỀU-NGỰ Giác-Hoàng (1), trong lúc còn làm Thái-Tử, có lần đi theo đức vua-cha là Thánh-Tông Hoàng-đế ra chơi ở núi Yên-Tử, thuộc tỉnh Hải Dương. Ngài đã ngỏ ý xin vua cha cho phép nhường ngôi để vào núi tu hành, song đức vua-cha không chấp-thuận.

Được ít lâu Ngài được đức vua-cha cho lên nối ngôi Hoàng-đế. Ngài liền cùng với vị đại sư Huệ-Trung giảng cứu về các kinh-điển nhà Phật và các quy-tắc nội-thiền. Từ đó Ngài quyết ý tu theo Phật-pháp và tự đặt pháp-hiệu gọi là Điều-Ngự Đầu-đà.

Trong thời gian trị vì, Ngài thường đi chu-du khắp các Đạo (tức các tỉnh trong nước), loại bỏ những ngôi đền thờ quỷ-thần không được chính-đáng và bố-thí đạo-pháp cùng thuốc men cho khắp dân-gian. Lúc đó được có Pháp-Loa đến bái-yết, Ngài khen là một người có đạo-cốt, liền dắt cho lên núi và nói với Pháp-Loa rằng :

*Chim kêu máu chảy nơi vô-dụng,
Mây xế non tây vẫn cứ trôi.*

Pháp-Loa thưa lại rằng :

- Trong khi muôn dặm mây thu lại thì như thế nào ?
- Mưa tầm-tã.

— Đến khi muôn dặm mây khóa kín thì như thế nào ?

— Trắng vắng-vắc.

Pháp-Loa lại hỏi :

— [Iở 7b] Thế nào gọi là 32 Tướng và 80 điều tốt đẹp ?

Ngài đáp :

— Nếu lấy sắc-tướng mà trông cái TA và lấy tiếng-tâm mà tìm cái TA thì con người ấy là làm theo tà-đạo, không thể thấy được đức Như-Lai.

Pháp-Loa hỏi ;

— Thế nào là Phật ?

— Tám cảm ở dưới cội già.

— Thế nào là cái ý Tồ-sur ở từ phương tây đến ?

— Cùng hồ không có đất khác.

— Trong lúc « Có câu (câu văn hay lời nói) không câu, như sợi mây bám vào cây » thì như thế nào ?

— Có câu không câu, mây khô cây đổ. Mấy thầy chùa đốt, đập đầu đập óc. Có câu không câu, thề lộ gió vàng. Sốt cát Căng-Già (tên sông thuộc xứ Tây-vực, bắt đầu từ đầm A-Nậu-Đạt ở phía nam Hương-sơn, phía bắc Lôi-sơn, chu-vi 800 dặm, theo phía đông-nam chảy ra bể gọi là con sông Căng-Già), va dao chạm nhọn. Có câu không câu, lập tồn lập chỉ ; đánh ngựa dùi dũa, trèo non lội nước. Có câu không câu, chẳng có chẳng không. Khắc thuyền tìm Kiếm, kiếm ngựa theo đồ (2). Có câu không câu, [Iở 8a] chẳng có chẳng không ; không giúp lẫn nhau ; nón tuyết đầy hoa, ôm cây đợi thỏ (3). Có câu không câu, tự cổ tới nay, giữ tay quên tháng, đất bằng chết đuối. Có câu không câu, như thế, hư thế, tám chữ phá tung, toàn không vơ-viu. Có câu không câu, quanh tả quanh hữu,

nơi a-thích-thích, nơi náo quất-quất. Có câu không câu, điều-điều đất-đất, cắt đứt sẵn mây, đó đây khoái-hoạt.

Pháp-Loa nghe những lời dạy, nhận được tâm-ấn (lấy lòng Phật làm ấn tín) vua bèn cho mở chùa để trụ-trì và giảng dạy bộ Truyền-Đăng-Lục (4). Sau đó Ngài cùng với đầy-tớ tam-bảo cũng lên bên cạnh Tử-Vân am, xây ngôi Thạch-thất Ngô-Ngũ-viện và chỉ để một người đệ-tử giỏi nhất là Bảo-Sá theo hầu.

Hồi này Ngài lại đi khắp các ngọn núi. Bảo-Sá nhân tiện rằng :

— Tôn-đức năm nay tuổi đã khá cao, vậy mà Ngài cứ xông pha sương tuyết, thì đối [tờ 8b] với vận mạng Phật-pháp sẽ ra thế nào ?

Nhà vua đáp rằng :

— Rồi đây thì giờ sẽ đến, vì thế ta muốn làm cái kế lâu dài một chút mà thôi.

Vào khoảng niên-hiệu Hưng-Long năm thứ 16 (tức năm Mậu-thân-1308), ngày 5, tháng 10, có tên gia-đồng của Thiên-Thụy Công-chúa lên núi tâu với vua rằng :

— Thiên-Thụy Công-chúa bị đau nặng, muốn được gặp Điều-Ngự...

Vua nghe nói ra đáng ngậm ngùi mà rằng :

— Cũng là thì tiết mà thôi.

Nói đoạn Ngài liền chống gậy xuống núi, duy có một người đi theo với Ngài. Sang ngày mùng 10, Ngài về tới kinh-đô. Tới ngày 15 dặn-dò các việc xong xuôi, Ngài lại quay về núi, buổi chiều nằm nghỉ ở chùa Siêu-Loại.

Tờ-mờ sáng hôm sau, Ngài đi bộ tới chùa làng Cổ-Pháp và tự tay đề mấy câu như sau :

— « Số đời một hơi thở,
 Tình đời hai bề ngân (bạc).
 Cung ma đâu sá kè ?
 Nước Phật biết bao xuân ? »

Sang ngày ¹⁷12, nhà vua nằm nghỉ ở chùa Sùng-Nghiêm, được lệnh của Tuyên-Tử Hoàng-thái-hậu thỉnh đến am Bình-Dương để thiết trai. Nhà vua nghe tin ra đáng vui vẻ mà nói :

— Đây là lần cuối cùng của ta đây.

Đoạn, lập tức nhận lời đi ngay. Qua ngày 18, Ngài lại đi bộ tới [tờ 9a] chùa Tú-Lâm trên ngọn núi An-Sinh Kỳ đặc. Tới đây Ngài thấy nhức đầu, bèn bảo hai vị sư Tử-Mãn và Hoàn-Trung rằng :

— Ta muốn lên trên núi Ngọa-Vân, nhưng chân yếu không thể đi nổi, vậy làm thế nào bây giờ ?

Hai nhà sư thưa rằng ;

— Đệ-tử có thể giúp Ngài đi lên được.

Hai người cùng đỡ Ngài lên núi Ngọa-Vân. Khi vừa tới nơi, Ngài vội cảm ơn hai vị sư và giục xuống ngay để tu-hành, không nên đề ý đến sự sống chết làm chi.

Qua ngày 19, Ngài sai người hầu là Pháp-Không lên am Tử-Tiên, thúc giục Bảo-Sá phải tới ngay nơi đó. Bảo-Sá vâng lời đi tới chỗ Doanh-tuyền thì thấy một trận mây đen bay từ núi Ngọa-Vân qua núi Lôi-Thạch sà xuống dưới suối, rồi thấy nước suối dâng cao lên tới mấy trượng, nhưng lại lập-tức giẹp xuống ngay. Liền đó lại thấy có 2 con rồng đầu to như đầu ngựa, cất cao lên tới hơn một trượng, hai mắt sáng quắc như sao, rồi vụt biến đi mất. Mãi tới ngày 21, Bảo-Sá mới tới núi Ngọa-Vân. Nhà vua thấy Bảo-Sá tới, cười mà nói rằng :

— Ta sắp đi đây. Sao ngươi đến chậm thế ? Nhà ngươi đổi

với [tờ 9b] Phật-pháp còn có điều gì chưa thấu, thì mau mau nói cho ta biết ?

Bảo-Sá tâu rằng :

— Hằng ngày châu Phật, hằng tháng châu Phật, vậy tiếng tăm và ý-chí thế nào ?

Vua cất tiếng quát to lên rằng :

— Năm đời Đế ba đời Vương là thế nào ?

Bảo-Sá thưa rằng :

— Chỉ như hoa rắc-rỡ này gấm rắc-rỡ ; trúc đất nam này cây đất bắc, lại sinh sống thế nào ?

Nhà vua lại quát :

— Chọc mù mắt nhà ngươi, giết chết mới thôi...

Liền đó trong mấy ngày, trời đất mù mịt, gió lớn nổi lên, mưa tuyết đầm đìa, khỉ vượn quanh am, chim rừng buồn hót. Sang ngày mùng 1, tháng 12 bỗng thấy đêm quang sao sáng, rồi nhà vua chợt hỏi Bảo-Sá :

— Bây giờ là giờ gì đây ?

Bảo-Sá thưa rằng :

— Bây giờ là giờ Tý.

Nhà vua nghe đoạn, giơ tay mở cửa sổ trông ra mà nói :

— Đây là giờ của ta đó.

Bảo-Sá liền hỏi :

— Điều-Ngự định đi nơi nào ?

Vua đáp rằng :

— Nhất-thiết Pháp không sinh, nhất-thiết Pháp không

diệt ; nếu biết được như thế, chư Phật thường hiển hiện. Vậy còn có gì là đi với đến ?

[Iđ 10a] Nói dứt lời, Ngài liền phủ-phục như hình con sư-tử và tắt thở ngay tại sơn-am.

Pháp-Loa vâng theo di-chức của Ngài, kính phụng ngọc-hải đem vào hỏa-táng, lấy được hơn một ngàn viên xá-ly mang về trong triều. Vua Anh-Tông là con Ngài đem một phần xá-ly táng vào Đứơc-lăng, còn một phần để trấn ở tháp vàng trên núi Yên-Tử, và sửa sang lại ngôi chùa ở núi, đặt kim-tượng đức Điều-Ngự để thờ.

Trong tập Khóa-Hư chép là đức Điều-Ngự xa lìa trần-lục, dời bỏ cung vua, ngồi ngự cửa non, nghiêm-nhiên còn mãi, đó tức là chùa Long-Động ở nơi cửa núi vậy.

CHÚ - THÍCH :

(1) Theo trong Đại-Việt Sử-ký : Vua ~~Nhân~~ Nhân-Tông nhà Trần, húy là Khâm, con trưởng vua Thánh-Tông và bà Nguyên-Thánh Thiên-Cấm. Hoàng-Thái-hậu. Ngài đản sanh giữa ngày 11 tháng 11, năm Mậu-ngọ, tức năm thứ 8 niên-hiệu Nguyên-Phong (1258) đời vua Thánh-Tông nhà Trần. Khi Ngài giáng sinh được có tinh-anh của thành-nhân, có thuần-túy về đạo-mạo, dáng sắc tía đỏ, thề chất vẹn toản, thần-khí sáng-sủa, nên hai cung (tức hai bà phi) đều lấy làm kỳ và gọi là Kim-Tiên Đồng-Tử. Trên vai bên tả của Ngài có nốt ruồi đen cho nên Ngài có thể gánh vác được những công việc lớn lao. Năm 21 tuổi, Ngài được đức vua-cha truyền cho lên kế vị Hoàng-Đế, tức giữa năm Kỷ-mão (1279) là năm thứ Nhất niên-hiệu Thiệu-Bảo. Ngài ở ngôi vua được 14 năm, đến niên-hiệu Trùng-Hưng năm thứ 9 tức năm Quý-tý (1293) thì nhường ngôi cho con trai là Anh-Tông Hoàng-Đế. Cách mấy năm sau là năm Ất-tý, Ngài tu đạo xuất gia ở tại hành-cung Vũ-Lâm rồi sau ra ở riêng tại chùa Ngọa-Vân trên núi Yên-Tử thuộc tỉnh Hải-dương và tọa-hóa tại đây. Nhân-Tông là một vị vua nhân từ hòa-nhã, cố kết lòng dân, sự-nghiệp trùng-hưng làm thêm rạng tỏ nếp xưa, thực là một bậc vua Hiền của triều nhà Trần.

Về việc văn-học, nhà vua có lập nhà học tại ngay phủ Thiên-Trường là nơi quê quán của Ngài để khuyến khích nhân dân theo học. Trong đời Ngài lúc nào cũng trọng học-thuật nên đã trưng dụng ông Đoàn-Nhữ-Hải ra giúp việc nước. Lại ra sắc lệnh đòi họ cho Nguyễn-Thuyên ra là Hàn-Thuyên đề gia thưởng cho bài văn nôm đuổi cá sấu và gây nên phong trào trọng dụng quốc-văn từ đấy.

Về võ-bị thì chính nhà vua đã đích-thân đem các vương-hầu điều động các quân thủy và bộ đi rèn tập chiến sự. Ngài đã từng hội các vương-hầu ở vũng Trần-xá thuộc Bình-lhan để bàn những việc đánh giữ đối với quân Nguyên. Ngài lại mở hội-ng nghị Diên-Hồng, triệu tập các phụ-lão thiết đãi cơm rượu và thảo luận công cuộc đánh phá giặc Nguyên, mở một trang lịch-sử về dân-quyền trong xã-hội nước ta. Kết quả trong một đời Ngài đã hai phen đánh thắng quân Nguyên và đem lại độc-lập tự-do cho dân-tộc. Những bậc anh-hùng nổi tiếng như Hưng-Đạo đại-vương Trần-Quốc-Tuấn, Trần-Quang-Khải, Trần-Nhật-Duật, Trần-Quốc-Toản, Trần-Bình-Trọng, Phạm-Ngũ-Lão, Đoàn-Nhữ-Hải vân vân đều là nhân vật ở trong thời đại vua Nhân-Tông đã xuất hiện ra.

(2) Theo sách Lã-Thị Xuân-Thư, có người nước Sở đi thuyền bỗng bị thanh kiếm rớt xuống nước ; chàng ta bèn ghi vào chỗ mạn thuyền rằng « chỗ này là nơi cái kiếm bị rớt ». Rồi khi thuyền tới bến đậu, chàng ta liền cứ theo chỗ ghi chữ đó mà lặn xuống nước để mò kiếm thì không thấy kiếm ở đó. Lại có người trông thấy người ta vẽ bức họa con ngựa rất đẹp liền vác bức họa đi để tìm con ngựa nhưng rút rúc không thấy ngựa. Hai tích này đều ngụ ý chê kẻ làm những truyện ngo-ngàn hão-huyền mà rút cục là vô ích.

(3) Trong sách Hàn-Phi-Tử kể chuyện một chàng nông-phu đương cày ruộng, chợt trông thấy có con thỏ ở gốc cây kia chạy ra, chàng ta liền đến ngồi ôm gốc cây, định chờ con thỏ đến thì bắt, nhưng chờ mãi cũng chẳng thấy gì. Câu này cốt chê những kẻ cố-chấp mà không thông hiểu lẽ đời.

(4) Truyền-Đàng-Lục bắt đầu soạn ra do Ngô sa-môn từ năm đầu niên-hiệu Cảnh-Đức đời vua Chàn-Tôn nhà Tống bên Trung-Quốc, toàn bộ 30 cuốn, ghi chép những pháp-phục và pháp-ngữ của các tổ từ đời đức Thích-Ca trở xuống. Sau đó các môn phái nhà Thiền cũng bắt chước mà soạn những Truyền-Đàng-Lục của riêng từng phái. (Phật-Học Từ-Điền).

VỊ TỔ THỨ HAI

PHÁP-LOA Tôn-giả, là người họ Đồng. Trước đây mẫu-thân của Tôn-giả có một đêm nằm mộng thấy một người lạ trao cho một thanh thần-kiếm, bà lấy làm ưa thích liền vâng nhận và cất giữ lấy. Được ít lâu, bà có mang, nhưng lại ghét là thường sinh con gái nhiều, nên lại dùng thuốc để cho truy thai, nhưng cũng vô hiệu. Đến kỳ mãn-nguyệt khai-hoa hạ sinh Tôn-giả thì thấy trong nhà [tờ 10b] sức nức nhang thơm hàng tháng không hết mùi thơm. Bà mẹ có ý mừng rỡ liền đặt tên cho là Kiên-Cương (thứ kim-cương bền chắc).

Khi lớn lên, Tôn-giả rất thông minh khác hẳn người thường và khi ăn lại không ưa những thức ăn tanh hôi thịt cá.

Khoảng niên-hiệu Long-Hưng thứ 12 (1305), vua Nhân-Tông xuất-gia, ra chơi mạn sông Nam-Sách (thuộc huyện Nam-Sách, tỉnh Hải-Dương Bắc-Phần) thấy Tôn-giả đến bái yết. Ngài cho là con người có đạo-nhơn, sau này tất là đắc-pháp và mừng là đã biết đến với Ngài nên đặt tên cho gọi là Thiện-Lai (sự đến rất hay). Đoạn Ngài cho đến ở với nhà sư Tính-Giác để thu-giới. Trong khi theo học trụ-tri tại đó, nhà sư Tính-Giác chưa dạy bảo được điều gì, song Tôn-giả một mình lần đọc bộ kinh Hải-Nhơn, dần dần hiểu thấu đại-nghĩa trong đó. Lại nhân một hôm Tôn-giả trông thấy cái hoa đèn rụng xuống, người tỉnh ngộ việc đời và quyết thề tu theo giới-hạnh Thập-nhị Đầu-đà.

Được ít lâu, người theo vua Nhân-Tông đến thụ-giới tại lều Kỳ-Lân trên núi Linh-Sơn và nhà vua đặt cho pháp-hiệu gọi là Pháp-Loa.

Năm thứ 16 niên-hiệu Hưng-Long, vua Nhân-Tông lên trú tại ngôi am trên đỉnh núi Ngọa-Vân và cho Pháp-Loa kế-tiếp tu-pháp ở đó. Bắt đầu khi ấy, vua Nhân-Tông sai khai đàn làm lễ truyền-thụ có cả vua Anh-Tông (con trai vua Nhân-Tông) cùng các triều-thần chứng lễ. Trong khi làm lễ, vua Anh-Tông đứng khách-vị ở một bên, các quan từ tể-tướng trở xuống đều đứng cả ở dưới sân. Vua Nhân-Tông lên đàn thuyết pháp, cho Pháp-Loa ngồi chấp tay trước đàn, hỏi các nghĩa khó trong luật tu-hành và khoác pháp-y (tức áo cà-sa) cho Pháp-Loa mặc.

Qua tháng 12 năm đó, vua Nhân-Tông nhập-diệt (tức băng hà) Pháp-Loa phụng mạng đem xá-ly của đức Nhân-Tông về trong Nội (cung vua trong kinh-thành). Đoạn người lại trở về làm bài tụng Thạch-Thất Ngộ-Ngũ, thuật lại những pháp-ngữ của vua Nhân-Tông trong lúc Ngài lưu ở tu-viện.

Sang năm thứ 19 niên hiệu Long-Hưng, người tu sửa thêm 800 ngôi già-lam để phụng sự Phật-pháp. Các vương-công cùng quý-khách tranh nhau quỳn cúng vàng bạc ruộng đất rất nhiều. Liền đó cứ lệ ba năm lại một lần phổ-độ tăng-chúng có tới hàng hơn ngàn người.

Sau đó Pháp-Loa xin giảm dần những số quỳn cúng và ngay các thuyền bè của nhà nước cung cấp để thời-thường đi lại, người cũng từ chối không nhận.

Trong thời-gian này, cả đức Bảo-Tử Hoàng-Thái-Hậu cùng quan tư - đồ Văn - Huệ - Vương cũng đều xuất - gia thụ-giới. Ngay đến vua Anh-Tông mỗi khi viết thư đến Pháp-Loa cũng xưng là đệ-tử. Ngoài ra đệ-tử trong nước theo đòi học tập càng ngày lại càng đông đúc. Trong hàng đệ-tử có được nhà sư Huyền-Quang là hay giỏi nhất. Thử đến các vị như Cảnh-Nguyên, Cảnh-Huy, Huệ-Nhiên, Huệ-Chúc, và [từ 11b] Hải-Ấn đều

là theo được pháp-thuật của người. Nhân đó, Người lại sáng lập ra Quỳnh-Lâm-viện và Hồ-Thiên-Chân-Lạc-am để chia cho các đệ-tử tru-trì.

Ngoài những nơi ấy, Người lại mở thêm các cảnh ở Côn-Sơn và Thanh-Mai-sơn, đến đâu cũng làm thành danh-lam thắng-cảnh. Người có bài thi nhan đề là « Luyến Thanh-San » (Ham cảnh Thanh-San) 4 câu 5 chữ như sau :

*« Thừa gầy làn nước vút,
Chợt vọt ánh soi trong.
Ngàng dầu coi chẳng hết,
Đường tới lại trùng trùng. »*

Vào năm thứ 4 niên-hiệu Đại-Khánh (1317) đời vua Minh-Tông nhà Trần, Người bị yếu nặng, liền đem bộ pháp-y của vua Nhân-Tông trao cho ngày trước và viết bài tâm-kệ trao lại cho Huyền-Quang, đồ pháp-bảo cùng trụ-trượng (gậy của nhà sư) trao cho Cảnh-Nguyên, Phật-tử trao cho Cảnh-Huy, gậy trúc trao cho Huệ-Quan, pháp-thư trao cho Huệ-Nhiên, kim-linh (chuông nhỏ bằng vàng) trao cho Hải-Ấn và kim-tích (sênh bằng vàng) trao cho Huệ-Chức.

Được ít lâu, người lại khỏi đau, được nhà vua hạ chiếu cho lập đàn đảo-vũ (cầu mưa) và được ứng-nghiem trời rưới mưa ngay. Sau đó lại vâng mạng vua đến dự hội An-lạc, nhưng bệnh cũ lại tái phát lên. Lúc đó, Huyền-Quang đến thăm Pháp-Loa, thấy người nằm ngủ mà lại kêu lên ba tiếng. Huyền-Quang liền hỏi Tôn-giả :

— Có phải Tôn-giả nói mè chẳng ?

Pháp-Loa đáp :

— [Iở 12a] Ngủ thì mới nói mè, không ngủ thì không nói mè.

Huyền-Quang lại hỏi tiếp :

— Sao cho được khi ngủ cùng khi tỉnh, thấy đều không đau ốm ?

Pháp-Loa liền đáp :

— Đau ốm không cần nó, không đau ốm cũng không cần nó.

— Nhưng mà đã có tiếng nói ra ngoài ?

— Cái đó có để ý làm gì ? Gió động rung cây, kẻ sy-ngốc cũng có cảm động vì tiếng gió ở cây hay sao ?

Tôi khi bệnh thế quá nặng, Huyền-Quang liền thưa rằng :

— Các vị ngày xưa, gặp những lúc này đều có lời Kệ đề lại về sau, vậy có lẽ thầy lại không có hay sao ?

Cách chừng giờ lâu, Pháp-Lao mới ngồi dậy, cầm bút viết mấy câu :

*« Muốn duyên cắt đứt, một thân nhân
Hơn bốn mươi năm giấc mộng trần,
Nhấn bảo người đời đừng gắng hỏi
Bên kia trăng gió rộng man man ».*

Viết xong liền nhắm mắt thị-tịch ngay lúc bảy giờ. Năm đó người hưởng thọ 44 tuổi. Sau khi mất liền được truy tôn là Tĩnh-Trí Đại-Tôn-Giả và các đệ-tử phụng di-hải đem về an trí ở núi Thanh-Mai.

Vua Anh-Tông được tin Pháp-Loa viên-tịch, có làm bài thơ viếng trong có mấy câu như sau :

*« Pháp-Lou từ bỏ cõi đời,
[tờ 12b] Khắp trong thiên hạ ai người chán tu ? »*

Trong đời Pháp-Loa Tôn-giả có trước tác bộ Tham-Thiền Chỉ-Yếu, bộ Kim-Cương-Trường Đà-La-Ny kinh ; lại chú thích xong bộ Pháp-Hoa kinh-khoa và bộ Bát-Nhã HỮU-Tâm kinh-khoa. Ngoài ra còn có bài văn Phát-nguyện (đại-lược có những lời như : « Các Phật Bồ-Tát, có những việc làm và ý-nguyện, đối với nhất-thiết chúng-sinh, dù khen, dù chê, dù khinh, dù trọng, dù bố-thí hay là xâm-đoạt, song khi chạm vào mắt nghe tới tên cũng đều bỏ hết, đề cùng lên cõi Bồ-Tát, v. v... »)

Hiện nay ngôi chùa Hương-Hải tức là di-tích của Tôn-giả Pháp-Loa còn để lại thiên-niên bất dịch vậy.

[10 12b] **VỊ TỔ THỨ BA**

HUYỀN-QUANG Tôn-giả là một trang thiếu-niên thông-mẫn. Khi lên 9 tuổi, người đã thành thạo các lối thơ văn, và chuyên tập về lối văn-chương cử-nghiệp (lối thi-cử ngày xưa). Năm 19 tuổi người bắt đầu tham-gia vào Phật-học và thi đậu Tam-giáo Trạng-nguyên dưới triều-đại nhà Trần.

Sau khi thi đỗ, người không chịu ra làm quan, mà xin phép nhà vua cho về núi đề tu hành Phật-pháp, rồi thụ-giới ở cảnh chùa Quỳnh-Lâm. Khi vua Nhân-Tông ra vãng cảnh Quỳnh-Lâm, trông thấy Huyền-Quang thì đem lòng yêu thích. Vì đó, Pháp-Loa liền dẫn Huyền-Quang cho làm một người theo hầu nhà vua.

Sau khi vua Nhân-Tông thị-tịch, Pháp-Loa [10 13a] bảo Huyền-Quang :

— Đức Điều-Ngự dặn nhà ngươi thế nào, ngươi đã quên hay sao ?

Huyền-Quang nghe nói chợt tỉnh nhớ lại, liền giốc tâm theo học không lúc nào ngơi.

Khoảng tháng 2 năm thứ 4 niên-hiệu Đại-Khánh đời vua Minh-Tông (1318) khi Pháp-Loa bị yếu nặng, bèn đem pháp-y của đức Nhân-Tông và viết lời Tâm-kệ trao cho Huyền-Quang. Dần dần bệnh thể Pháp-Loa đã thuyên giảm. Đến tháng 12

năm ấy lại dựng ngôi chùa gọi là Quỳnh-Lâm-viện và ra ở nơi đó.

Năm thứ nhất niên-hiệu Khai-Thái tức năm Giáp-tý (1324), sau khi vua Du-Tông nhập-diệt, Huyền-Quang liền vâng di-giáo sang trụ-trì bên cạnh Sơn-viện, dựng lên am Quỳnh-động, phỏng theo lối đức Điều-Ngự đã làm ngày trước. Sau những khi thuyết-pháp có thì giờ rảnh rỗi, người thường ngu tình vào những bài ngâm-vịnh. Khi tịch-diệt rồi, có để lại tập Ngọc-Tiên do chính người soạn ra, song bị thất lạc không còn giữ được. Hiện nay chỉ thấy còn lại một bài làm lối cổ-thi và 20 bài thi theo lối cận-đại như sau :

[Tơ 13b] I — (BÀI CỒ-THÈ)

NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN :

舟 中 作
—○—

一	葉	扁	舟	湖	海	客
撐	出	葦	行	風	感	感
微	茫	四	顧	晚	潮	生
江	水	連	天	一	鷗	白

PHIÊN ÂM :

Chu trung tác

*Nhất điệp thiên-châu hồ hải khách:
Sanh xuất vi hàng phong thích thích.
Vi mang tứ cổ văn trào sinh
Giang thủy liên thiên nhất âu bạch.*

DỊCH QUỐC-VĂN :

Làm ở trong thuyền

*Một chiếc thuyền con khách hồ-hải
Qua hàng lau, gió vi-vu thổi.
Mênh mang bốn mặt sóng trào dâng
Sóng nước ngang trời, âu trắng nổi.*

11 — CÁC BÀI THEO LỐI THƠ CẬN-THỂ

[Iđ 13b] 1 — NGUYỄN HÁN-VĂN:

延祐寺作 (今一柱寺)

上	方	秋	夜	一	鐘	關
月	色	如	波	風	樹	丹
鷗	吻	倒	眠	方	鏡	冷
塔	光	雙	峙	玉	尖	寒
萬	緣	不	擾	城	遮	俗
半	點	無	憂	眼	放	寬
參	透	是	非	平	等	相
魔	宮	佛	國	好	生	觀

PHIÊN ÂM:

Diên-Hựu tự tác (Kim Nhất-Trụ tự)

Thượng phương thu dạ nhất chung lan
 Nguyệt sắc như ba phong thụ đan.
 Chi vãn đảo miên phương kính lãnh
 Tháp quang song trĩ ngọc tiêm hàn.
 Vạn duyên bất nhiễu thành già tục
 Bàn diêm vô ưu nhân phóng khoan.
 Tham thấu thị phi bình-đẳng tướng
 Ma-cung Phật-quốc hảo sinh quan.

DỊCH QUỐC-VĂN:

Làm ở chùa Diên-Hựu (Nay là chùa Một-Cột)

Đêm thu chùa đồ tiếng chuông khuya
 Sóng tựa màu trắng, phong đỏ lờ
 Chiếc quạ ngủ say gương lạnh ngắt
 Đồi hàng tháp đứng ngọn tròn xoe
 Bức thành ngăn tục duyên không vương
 Tầm mắt buông xa dạ chẳng hề.
 Bình-đẳng thị phi đã thấu rõ
 Cung ma nước Phật khác nhau chi?

2 - NGUYÊN VĂN CHỮ HÁN :

安	子	山	庵	作
—○—				
庵	遙	青	宵	冷
門	開	雲	上	層
已	竿	龍	洞	日
狻	尺	虎	溪	冰
抱	拙	無	餘	策
扶	衰	有	瘦	藤
竹	林	多	宿	島
過	半	伴	閒	僧

PHIÊN ÂM :

An-Tử San Am tác

Am bức thanh tiêu lãnh
 Môn khai vãn thượng tầng.
 Dĩ can Long-dộng nhật
 Do xích Hồ-khe băng.
 Bão chuyết vô dư sách
 Phù suy hữn sâu đẳng.
 Trúc-lâm đa túc điều
 Quá bán bạn nhàn tăng.

DỊCH QUỐC-VĂN :

Ở Am Yên-Tử

Chiếc am cao lạnh lẽo
 Cửa mở giữa tầng mây.
 Trời Động Ròng đã đứng,
 Băng Khe Hồ còn giầy.
 Kém tài không mọo dấu,
 Nhờ gậy đỡ thân gầy.
 Rừng Trúc nhiều chim ngủ
 Phần đông bạn các thầy

3 — NGUYÊN HÁN-VĂN :

午 睡 作
—○—
雨 過 溪 山 淨
楓 林 一 夢 涼
反 觀 塵 世 界
開 眼 醉 茫 茫

PHIÊN ÂM :

Ngộ Thụy Tác

Vũ quá khe san lĩnh
Phong lâm nhất mộng lương.
Phản quan trần thế-giới
Khai nhãn túy mang mang.

DỊCH QUỐC-VĂN :

Ngủ trưa

Mưa tạnh khe non vắng,
Rừng phong một giấc trưa ;
Cõi trần quay ngoắt lại
Mở mắt những say mờ.

4 — NGUYÊN HÁN-VĂN :

石 室 作
—○—
半 間 石 室 和 雲 住
一 領 毳 衣 經 歲 寒
僧 在 禪 床 經 在 案
爐 殘 滑 拙 日 三 竿

PHIÊN ÂM :

Thạch-Thất Tác

Bán gian thạch-thất hòa vân trụ,
Nhất lĩnh thuế-y kinh tuế hàn.
Tăng tại thuyền sàng kinh tại án
Lô tàn cốt-dốt ~~nguyệt~~ tam can.

DỊCH QUỐC-VĂN :

Làm ở Thạch-Thất

Nửa gian nhà đá lẫn mây vào
 Mảnh áo qua mưa lạnh lẽo sao ?
 Sư ở trên giường, kinh ở án
 Lò tàn đầu cúi, mặt trời cao.

5 — NGUYÊN HÁN-VĂN :

次 寶 慶 寺
—○—

荒	草	烟	[Tờ 14a]	雲	野	思	多
南	樓	北	館	夕	陽	斜	
春	無	主	惜	詩	無	伴	
愁	絕	東	風	殘	樹	花	

PHIÊN ÂM :

Thứ Bảo-Khánh Tự

Hoang thảo yền vân dã từ đa
 Nam-lâu bắc-quán tịch-dương tà.
 Xuân vô chủ tịch, thi vô bạn
 Sầu tuyết đông-phong kỷ thụ hoa !

DỊCH QUỐC-VĂN :

Trọ ở Chùa Bảo-Khánh

Mây cỏ hoang mờ rợn từ quê
 Lâu nam quán bắc bóng chiều tà.
 Xuân không chủ tiệc, thơ không bạn
 Buồn rứt đông-phong mấy khóm hoa.

6 — NGUYÊN HÁN-VĂN :

地 爐 即 事 作
—○—

煨	餘	桴	拙	獨	黃	香
口	答	山	童	問	短	章
手	把	吹	商	和	木	鐸
從	教	人	道	老	師	忙

PHIÊN ÂM :

Địa - Lô Túc - Sự Tác

Ồi dư cốt-đốt độc hoàng hương
 Khẩu đáp sơn-đồng bản đoán chương.
 Thủ bả xuy thương hòa mộc-đạc
 Tùng giao nhân đạo lão-lãng mang.

DỊCH QUỐC-VĂN :

Túc Cảnh Cái Hòa - Lò

Đầu củi cháy tàn tro khói hương
 Trả lời trẻ nui hỏi từng chương.
 Tay cầm sáo thổi cùng cây mõ
 Người nói sự già rất nhộn nhàng.

7 — NGUYỄN HÁN-VĂN :

因 事 題 究 蘭 寺

德 薄 常 慚 繼 祖 燈
 空 教 寒 枕 起 寃 幘
 爭 如 逐 伴 歸 山 去
 疊 嶂 重 巖 萬 萬 層

PHIÊN ÂM :

Nhân Sự Đề Cứu-Lan Tự

Đức bạc thường tàm kế tổ - đưng
 Không giao hàn chẩm (1) khởi oan-mãng.
 Tranh như trục bạn quy san khứ
 Diệp chương trùng loan vạn vạn tầng.

DỊCH QUỐC-VĂN :

Nhân việc Đề ở Chùa Cứu-Lan

Đức mỏng then mình theo gót Tổ
 Luống xui gối lạnh tỉnh chiêm bao.

(1) Nguyên bản viết chưa là: « thiếu một chữ », dịch-giả tạm thêm chữ CHẨM là cái gối để dễ dịch.

Sao bằng theo bạn về non ở
Muôn lớp muôn trùng chót vót cao.

8 — NGUYỄN HÁN-VĂN :

梅 花 作
—○—

欲	向	蒼	蒼	問	所	從
凜	然	孤	峙	雪	山	中
折	來	不	爲	遮	青	眼
願	借	春	思	慰	病	翁

PHIÊN ÂM :

Mai-Hoa Tác

Dục hương thương-thương vấn sở tòng ?
Lẫm nhiên cô-trĩ tuyết-san trung.
Chiết lai bất vị giả thanh-nhân
Nguyên tá xuân-tư úy bệnh-ông

DỊCH QUỐC-VĂN :

Vịnh Hoa Mai

Toan tới xanh kia hỏi đến đâu ?
Ngọn non tro-trọi tuyết phau-phau.
Bẻ về không phải vì che mắt
Muốn mượn xuân này đỡ lão đau.

9 — NGUYỄN HÁN-VĂN :

畫 眠 作
—○—

祖	父	田	園	任	自	勑
千	青	盤	屈	繞	吾	虛
木	犀	牕	外	千	鳩	寂
一	枕	青	風	畫	夢	餘

PHIÊN ÂM :

Trú Miên Tác

Tồ Phụ điền viên nhiệm tự sừ
Thiên thanh bàn khuất nhiều ngổ-lư.

Mộc-tê song ngoại thiên cư tịch
Nhất chầm thanh-phong trú mộng dư.

DỊCH QUỐC-VÂN :

Ngủ Ngày

Vườn ruộng Ông Cha thích cấy cày
Quanh nhà non biếc khắp bao vây.
Ngoài hàng cửa gỗ chim yên tiếng
Gió mát trưa nằm một giấc say.

10 — NGUYÊN HÁN-VÂN :

山 宇 作
—○—

[Tờ 14b] 秋 風 午 夜 拂 簷 牙
山 宇 蕭 然 枕 綠 簾
已 是 成 禪 心 一 片
蛩 聲 唧 唧 爲 誰 多

PHIÊN ÂM :

San Vũ Tác

Thu phong ngọ-dạ phát thiền nha
San vũ tiêu nhiên chầm lục-la.
Dĩ thị thành Thiền tâm nhất phiến
Cùng thanh tức-tức vị thùy đa ?

DỊCH QUỐC-VÂN :

Nhà & Núi

Gió thu đêm vắng thoáng hiên ngoài
Nhà vắng trong non gối lẻ loi.
Một dạ tu-thiền nay đã vững
Tiếng trùng eo óc gọi kêu ai ?

11 — NGUYÊN HÁN-VÂN :

哀 俘 虜 作
—○—

割 血 書 成 欲 寄 音
孤 飛 寒 雁 塞 雲 深

幾 家 愁 對 青 宵 月
兩 處 悵 然 一 種 心

PHIÊN ÂM :

Ai Tù - Lỗ Tác

*Khó huyết thư thành dục kỷ âm
Cô phi hàn-nhạn tái vân thâm.
Kỷ gia sâu đối thanh-tiêu nguyệt
Lưỡng xứ mang nhiên nhất chủng tâm.*

DỊCH QUỐC-VĂN :

Thương bạn tù tội

*Rach huyết biên thư muốn nhắn nhau
Ái xa chiếc nhận vút mây sâu.
Đêm nay trăng sáng bao nhà ngắm
Hai chốn cùng chung một mối sầu.*

12 — NGUYỄN HÂN - VĂN :

泛 舟 作
—○—

小 艇 乘 風 泛 渺 茫
山 青 水 綠 又 秋 光
數 聲 漁 笛 蘆 花 外
月 落 波 心 江 滿 霜

PHIÊN ÂM :

Phiếm Chu Tác

*Tiểu đĩnh thừa phong phiếm điều-mang
San thanh thủy lục hựu thu quang.
Số thanh ngư-dịch lư hoa ngoại.
Nguyệt lạc ba tâm giang mãn sương.*

DỊCH QUỐC-VĂN :

Dong Thuyền

*Thuyền con theo gió lướt mênh mang
Nước biếc non xanh thu sáng choang.*

*Ngoài khóm hoa lau chài nổi sào
Trăng chìm lòng sóng, sóng đầy sương.*

13 — NGUYỄN HÁN-VÂN :

題	洞	軒	鉉	越	假	山
—○—						
花	太	寅	緣	種	作	山
籠	烟	罩	月	落	花	寒
從	茲	念	慮	都	無	俗
羸	得	清	風	一	枕	安

PHIÊN ÂM :

Đề Động-Hiên Huyền-Việt Giả-San

*Hoa mọc di-duyên chung tác san
Lung yền tráo nguyệt lạc hoa hàn.
Tùng ty niệm-lự đồ vô tục.
Doanh đắc thanh-phong nhất chẩm an.*

DỊCH QUỐC-VÂN :

Vịnh Non-Bộ ở Hiên-Động

*Hoa lẫn cùng cây chắt ngọn non
Khỏi che hoa rụng lấp trắng tròn.
Từ đây tan sạch không trần-tục
Giỏ mát riêng mình một giấc ngon.*

14 — NGUYỄN HÁN-VÂN :

過 萬 劫 作

涼	州	人	物	水	流	東
百	歲	光	陰	樵	指	中
回	首	故	山	疑	望	處
數	行	歸	鴈	帖	晴	空

PHIÊN ÂM :

Quá Vạn-Kiếp Tác

*Lạng-châu nhân vật, thủy lưu đông
Bách tuế quang-âm nhiên chỉ trung.*

*Hồi thủ cố-san ngưng vọng xứ
Sở hàng quy-nhận thiệp tình không.*

DỊCH QUỐC VĂN :

Qua Vọng-Kiếp

*Người châu Lạng, nước xuôi đông
Trăm năm thăm thoát trong vòng đốt tay.
Non xưa ngoảnh lại những ngày
Nhận về mấy lớp tung bay sát trời.*

15 — NGUYỄN HÁN-VÂN

贈 仕 途 子 弟

—○—

富	貴	浮	雲	遲	未	到			
光	陰	[Tờ 15a]	流	水	急	相	催		
何	如	小	隱	林	泉	下			
一	榻	松	風	茶	一	杯			

PHIÊN ÂM :

Tặng Sỹ-Đồ Tử-Đệ

*Phù quý phù-vân tri vị đáo
Quang-âm lưu-thủy cấp tương thôi.
Hà như tiểu-ân lâm tuyền hạ
Nhất tháp tùng-phong, trà nhất bôi.*

DỊCH QUỐC-VĂN :

Tặng Con Em Bọn Làm Quan

*Mây nổi giàu sang chạm chưa đến,
Tháng ngày thăm-thoát nước trôi luôn.
Sao bằng tiểu-ân (1) nơi rừng suối :
Giò mát một giường, trà một chuông.*

(1) Tiểu-ân là người ăn vào hạng nhỏ. Theo lời thơ của Bạch-Cư-Dị: bạc đại-ân ăn ở triều-thị, tiểu-ân ăn ở núi rừng, trung-ân ăn ở chức quan nhỏ.

16 — NGUYỄN HÁN-VĂN :

題 淡 水 寺

—○—

淡 水 亭 邊 野 草 多
 空 山 雨 霽 夕 陽 斜
 欲 因 輦 路 投 禪 室
 推 梵 殿 鐘 揀 落 花

PHIÊN ÂM :

Đề Đạm-Thủy Tự

Đạm-thủy đình biên dã thảo đa
 Không san vũ tế tịch-dương tà.
 Dục nhân liên-lộ đầu Thiền thất
 Thời phạm xao chung giản lạc hoa.

DỊCH QUỐC-VĂN :

Đề Chùa Đạm-Thủy

Bên chùa Đạm-Thủy cỏ tràn tươi
 Non vắng mưa tan bóng xế soi.
 Muốn rồi đường xe vào cửa Phật
 Khua chuông đọc kệ nhật hoa rơi.

17 — NGUYỄN HÁN-VĂN :

早 秋 作

—○—

夜 氣 分 涼 入 畫 屏
 蕭 蕭 庭 樹 報 秋 聲
 竹 堂 忘 適 香 初 燼
 (欠 四 字) 調 月 明

PHIÊN ÂM :

Tảo Thu Tác

Dạ khí phân lương nhập họa-bình
 Tiêu-tiểu đình thụ báo thu thanh.
 Trúc đường vong thích hương sơ tẫn,
 (Khiếm tứ tự) điệu nguyệt-minh.

DỊCH QUỐC-VĂN :

Đầu Mùa Thu

Lạnh-lẽo hơi đêm lọt cánh màn
 Cây sùn xào xạc báo thu sang.
 Nhà tre khuấy khỏa hương vừa hết
 (Thiếu bốn chữ) trắng sáng choang.

18 — NGUYỄN HÁN-VĂN :

菊 花 作
 —○—

松	聲	蔣	翊	先	生	徑
梅	景	西	湖	處	士	家
義	氣	不	同	難	苟	合
故	園	隨	處	吐	黃	花

PHIÊN ÂM :

Cúc Hoa Tác

Tùng thanh Tượng-Dực tiên-sinh kinh
 Mai cảnh Tây-Hồ xử-sỹ gia.
 Nghĩa-khi bất đồng nan cầu hợp
 Cố viên tùy xứ thồ hoàng-hoa.

DỊCH QUỐC-VĂN :

Hoa Cúc

Thông reo ngõ tiên-sinh Tượng-Dực
 Mai nở nhà xử-sỹ Tây-Hồ.
 Nghĩa-khi khác nhau khôn gượng hợp
 Hoa vàng vườn cũ nở từng khu.

19 — NGUYỄN HÁN-VĂN :

又

大	江	無	夢	浣	枯	腸
百	詠	梅	花	釵	好	粧
老	去	悲	秋	吟	未	穩
詩	歌	定	爲	菊	花	慳

PHIÊN ÂM :

Hựu

*Đại giang vô mộng hoãn khô tràng
 Bạch vịnh mai hoa nhượng hảo trang.
 Lão khứ bi thu ngậm vị ôn
 Thi biểu thực vị cúc hoa mang.*

DỊCH QUỐC VĂN :

Lại đề trên

*Sông to không đủ rười lòng khô
 Trăm vịnh hoa mai luống đợi chờ.
 Già tới thương thu ngậm chữa ôn
 Chỉ vì hoa cúc nhộn bầu thơ.*

20 — NGUYỄN HÁN VÂN :

又

忘	身	忘	世	已	都	忘
坐	久	蕭	然	一	榻	涼
歲	晚	山	中	無	曆	日
菊	[Tở 15b]	花	開	處	即	重 陽

PHIÊN ÂM :

Hựu

*Vương thân vương thế dĩ đô vương
 Tọa cửu tiêu nhiên nhất tháp lương.
 Tuế vãn sơn trung vô lịch nhật
 Cúc hoa khai xứ tức trùng-dương.*

DỊCH QUỐC VĂN :

Lại đề trên

*Bằng quên thân-thế chẳng hề vương
 Lặng-lẽ ngồi lâu lạnh thấu giường.
 Năm hết trong non không sẵn lịch
 Nơi hoa cúc nở tức trùng-dương (1)*

(1) Ngày 9 tháng 9 âm-lịch gọi là tiết Trùng-dương.

21 — NGUYỄN HÁN VÂN :

又

年	年	和	露	向	秋	開
月	淡	風	光	淡	寸	懷
堪	笑	不	明	花	好	處
滿	頭	隨	例	插	歸	來

PHIÊN ÂM :

Hựu

*Niên niên hòa lộ hương thu khai
 Nguyệt đạm phong quang thiếp thốn hoài
 Kham tiểu bất minh hoa hảo xứ
 Mãn đầu tùy lệ sáp quy lai.*

DỊCH QUỐC-VĂN :

Lại Đề Trên

*Hàng năm thu đến lại tung ra
 Gió mát trăng trong hợp ý ta.
 Cười kẻ chưa sành hương vị cúc
 Khi về theo lệ dặt đầy hoa.*

22 — NGUYỄN HÁN-VÂN :

又

花	在	中	庭	人	在	樓
焚	香	獨	坐	自	忘	憂
主	人	與	物	渾	無	覺
花	向	羣	芳	出	一	頭

PHIÊN ÂM :

Hựu

*Hoa tại trung đình nhân tại lâu
 Phần hương độc tọa tự vương ưu.
 Chủ-nhân dữ vật hỗn vô giác
 Hoa hương quần phương xuất nhất đầu.*

DỊCH QUỐC VĂN :

Lại Đề Trên

Hoa ở giữa sân người ở lâu
 Đốt hương ngồi lắng những lo âu.
 Chủ cùng mọi vật đều không biết
 Bỗng nổ tung ra một đóa đầu.

23 - NGUYỄN HÁN VĂN :

又

春	秋	黃	白	各	芳	菲
憂	艷	憐	香	亦	似	時
徧	界	繁	花	金	墜	地
後	調	顏	色	屬	東	籬

PHIÊN ÂM :

Hựu

Xuân thu hoàng bạch các phương phi
 Ưu diễm liên hương diệp tự thì
 Biến giới phần hoa kim trụ địa
 Hựu điều nhan sắc thuộc đông ly.

DỊCH QUỐC VĂN :

Lại Theo Đề Trên

Xuân, thu, vàng, trắng tự khoe bông
 Tiếc đẹp thương hương thi-tiết chung.
 Khấp côi phồn-hoa vàng chặt đứt
 Điều-tân sau rút thuộc tường đông.

Ngoài các thơ-văn này còn nhiều những bài khác thấy đều ngu có phong độ ăn-dật tu-hành, không thể chép hết.

Riêng về sự tích của tôn-giả Huyền-Quang ta thường thấy thế-gian cũng có nhiều bản ghi chép, nhưng tựu-trung đều có tính cách hoạt-kê (khôi-hài) nên ở đây đều lược mà không nói tới.

ĐẠI CHÂN VIÊN GIÁC THANH

[Tờ 16a] (Những tiếng chân thực và hiểu thấu)

KHÔNG THANH

(Tiếng Không)

TIẾNG là do ở sự gõ đập mà ra. Gõ lớn thì tiếng lớn, gõ nhỏ thì tiếng cũng nhỏ, đều vì có cơ mà mới phát ra. Sự phát ra đã vì có duyên cơ thì cũng có lúc phải im bất đi. Nhưng nếu ở giữa khoảng không mà nầy có tiếng thì cái tiếng đó không bởi đâu mà đến và cũng không biết là đi về đâu, muốn đón nhưng không biết bắt đầu từ đâu và muốn theo cũng không biết tới đâu là hết. Choang-choang, xoang-xoảng, không lúc nào ngừng.

Khi vận Tý chưa khai, vận Sửu chưa đóng thì tiếng đó ở trong nơi hỗn-độn mịt mờ. Khi khi Dương đã giáng khi Âm đã thăng thì tiếng đó ở khắp trong vũ-tru bao la. Từ cổ chí kim, từ hành tới thực thấy đều ở trong cái tiếng KHÔNG, chỉ có thể nghe mà thấy nhưng không có thể kiểm tìm cho ra. Như thế mới [tờ 16b] gọi là KHÔNG. KHÔNG ấy tức là chứa ở trên trời mà là cái Tiếng không-có-tiếng vậy.

oOo

Hải-Lượng Đại-thiền-sư dâng lễ ba vị Tổ Trúc-Lâm ở trong quán Huyền-Thiên, bên tả có nhà sư Hải-Hòa, bên hữu có nhà sư Hải-Tĩnh cùng 24 người đồ-đệ. Bọn đồ-đệ bạch với Đại-sư rằng :

— Nhà Nho nói rằng LÝ, vậy thế nào gọi là LÝ ?

Đại-sư đáp : — LÝ tức như cái lý của từng đốt cây kia.

Đồ-đệ lại bạch : — Vậy nói là DỤC thì thế nào là DỤC ?

Đại-sư đáp : — DỤC tức như cái đục về nước thì chảy xuôi xuống thấp mà lửa thì lại bốc lên cao.

— Vậy khi theo đúng LÝ thì như thế nào ?

— LÝ không thể nào mà theo hết được.

Các tăng-đồ nghe vậy, liền quay lưng vào cái án mà ngồi. Đại-sư lúc đó thở-hắt một hơi rồi co một chân lại. Nhà sư bên tả là Hải-Hòa liền bạch Đại-sư rằng :

— Sao Đại-sư lại chỉ co một chân như thế ?

— Muôn nước đều đông, nước Nhược tây. Cúc hoa khác hẳn các hoa kia.

— Nước chảy đông tây [tờ 17a] xe chuyển trục ; Hoa khai sớm muộn, kiến quanh bàn.

Đại-sư nghe đoạn cất tiếng quát :

— Dậy, dậy, dậy, đánh không dậy. Ngủ, ngủ, ngủ, mắng bèn ngủ.

Nhà sư phía bên hữu là Hải-Tĩnh liền đứng dậy bạch rằng :

— Thuyền thả nước xuôi, cương ngừng lối bi, một dừng một đi, đâu ta đề ý ?

Mới đây Điều-Ngự Giác-Hoàng ở dưới cây Cồ-đàm hóa làm vô-số hoa Cồ-đàm ; nở không nở, gió bèn nở ; tàn không tàn, mưa mới tàn. Nhưng có con chim xanh ngậm hoa bay đi, rồi hoa vụt lẫn vào chim, cánh chim đều nẩy ra hoa. Đại-sư liền trông chim mà nhận thấy cánh hoa. Lời kệ

nói : « Chim không phải chim, Hoa không phải hoa ; Đi đừng mặc chúng ; ta làm gì ta ? ».

Nhà sư bèn hữu bèn chấp tay niệm :

— Ấy sắc không phải sắc, ấy là KHÔNG.

Nhà sư bèn tả liền tiến lên mà nói :

— Ngựa gặp phẳng đường đi chẳng vấp ; Cây nơi gốc rần gổ không ra.

[Tờ 17b] Nhà sư bèn hữu lại xắn tay áo bèn mặt mà đáp :

— Đường phẳng là ngựa thuận với LÝ, cây rần là trái với LÝ. Có thuận có nghịch đó là nếu không biết lẽ KHÔNG CHẤP-TRƯỚC thì tức là không thể mà tuân theo được.

Lúc đó Đại-sư liền chống ngược cây gậy trúc rồi lên dăng lẽ Đức Thế-Tôn.

Hải-Âu Hòa-thượng bàn rằng :

LÝ cũng như cái lý của giống cây, tức là nên có lý vậy, mà lý chỉ có một mà thôi. Cứ theo sự thường mà nói thì LÝ không có hai phải. Con trai con gái không thể chính tay trao đổi cho nhau, đó là lý vậy. Nhưng đến khi người chị dâu bị đuổi mà người em trai thò tay để cứu vớt lên thì có thể cho là phi-lý được chăng ? Người quân-tử đối với kẻ ác thì phải cứu vớt. Trần-Thực đến viếng Lưu-Nhượng mà cứu cái họa đảng-cổ (1) ; Khang-Hải ra mắt Lưu-Cẩn mà thoát ra khỏi Mộng-Dương (2) ; đó đều là không theo LÝ vậy. Nhưng những cái đó chỉ có thể nói được với những hạng thực-giả mà thôi.

Muôn ngọn nước chảy về hướng đông, trăm thứ hoa nở về mùa xuân là đúng [tờ 18a] LÝ vậy. Phương đông là nơi thở hút nên các ngọn nước đều dồn về ; mùa xuân là mùa sinh-dục nên các giống hoa đều đua nở. Nhưng nước Nhượng

thì có thể chim được cái lông là vì cô-giới mà không dùng được vật khác ; hoa cúc thì có thể xông pha sương tuyết là vì cao-ngạo mà không giống các cây kia. Vì cứng rắn cho nên cô-giới mà tụ vào phương tây là một nơi rất vững bền cứng rắn ; vì mạnh khỏe cho nên cao-ngạo mà nở về mùa thu là cái mùa rất tiêu-diêu xơ-xác. Nếu không phải là hạng nước hơn cả các nước, hoa hơn cả các hoa thì làm thế nào mà được đặc-biệt khác hẳn các loài như thế ? Những câu đó là nói sơ qua cái nghĩa « không thể theo hết LÝ » được. Tuy nhiên cũng chỉ là những bậc có đại-lực-lượng ở đời mới có thể không cần theo hết vào LÝ mà thôi.

Đến câu « đánh không dây, mắng mới ngủ » là để phát minh thêm cái ý trước chưa được nói hết... Nói về nước chảy dòng tây, bánh xe chuyển trục, hoa nở sớm muộn, kiến bám quanh mâm, thì tựa như hơi tỏ được cái ý « theo lý » nhưng chưa thể thấy rõ được cái nghĩa không thể hết theo LÝ được.

[Tơ 18b] Thuyền thả xuôi dòng, cương ngừng đường bi, là có thể hiểu được cái thứ ngoài sự vật với ta liền dính vào nhau. Nhưng thích dòng nước xuôi mà đi, sợ con đường bi mà ngừng thì cũng là chưa tới được cõi « vô ý-thức », vì nếu không có sự chỉ-điểm thêm vào thì chẳng hóa ra đã mờ tối lại càng thêm mờ tối hay sao ?

Giác-Hoàng hóa làm vô số hoa Cồ-đàm (hoa Cồ-đàm là ở nước Phật) một thứ hoa ngàn năm không nở không tàn ; thế mà khi nở vì gió khi tàn vì mưa, vậy rút cục Cồ-đàm cũng có lúc không được tự-do. Cứ xem thế thì cái nghĩa « LÝ cũng không thể theo hết được » có thể rõ vậy.

Tuy nhiên, LÝ không thể theo được là khi ứng với công việc thì như thế đó. Nhưng đến như có việc mà không nhận việc ở việc, có vật mà không thấy vật ở vật thì duy chỉ có bậc chân-tính Bồ-Tát mới có thể làm được.

Chim ngậm hoa đi, hoa hóa cánh chim, huyễn-cảnh rồi

trí, mê loạn mắt lòng, nếu không phải là bậc linh-căn tuệ-nghiệp thì ít không [từ 19a] lầm lẫn, ứng tiếp với cảnh trước mắt, làm rối loạn cánh chim cùng hoa là thực hay hư.

Đại-Thiền-sư xem chim mà nhận thấy cánh và hoa, biết rằng thân chim không phải là chim, hồn hoa không phải là hoa. Chim ngậm hoa bay vẫn cứ bay ; Hoa-Đâm không giữt vẫn là hoa , chim tự là chim, hoa tự là hoa ; lại qua trước mắt, chỉ bợn đến người !

Tới đó các sư đi theo mới hiểu thấu SẮC KHÔNG mà cũng nhờ đó mới biết được cái nghĩa VÔ CHẤP-TRƯỚC. Lúc ấy đại-sư mới chống ngược cây gậy trúc, lên am lễ đức Thế-Tôn. Toàn bộ tinh-thần lại chú trọng ở hai chữ « lộn ngược » và « tiến lên am » trong những đoạn trên.

Cả một bài này là phát minh sự chia rẽ về LÝ và DUC, THUẬN và NGHỊCH, cùng sự thích hợp về CO hay DUỖI, ĐI hay NGỪNG, tức là ở đời tùy cảnh gặp mà yên vui, cùng với sự vật cùng dung hòa, tuy rằng mình không cần dự vào đó nhưng cái chân-tính vẫn không mờ được.

Nhà sư Hải-Hòa bàn rằng :

Làm sáng sự mờ kín của LÝ, mở rõ cánh cửa của TÂM, là một việc thứ nhất của nhà Thiền. Đây phải đem [từ 19b] thuyết của nhà Nho ra mà nói, là thực cho rằng đạo chỉ có một mà thôi. Cái chỗ huyền diệu của Nho tức là Thiền, mà cái chỗ tác dụng của Thiền lại tức là Nho. Gạt bỏ những tỷ-mỷ về văn từ và tầm thường về giới hạnh mà tìm tới sự cầu đạo thì có thể là nhất-quán mà thôi.

Nói về LÝ là như thế nào? Nghĩa là tựa theo sự việc thì nên như thế. Nói DUC là thế nào? Nghĩa là dựa theo trong tâm mà phải đến như thế. LÝ sở dĩ thành ra LÝ là có ngang dọc thẳng cong, cũng ví như nước vậy. Nếu LÝ mà có thể cứ theo nhất mực thì còn cần chi phải đặt ra khuôn phép

mức thước và còn cần chi phải có những hang người như Công-Thâu, Lô-Ban cùng Ly-Lâu kia nữa (3).

Đại-sư xử thế dùng đao Nho, xuất thế theo đao Thiền, đầu phải là cổ thốt ra những lời làm cho người đời kinh ngạc. Đó tức là ưu-du ở trong cái LÝ ấy mà lại vượt hẳn ra [ở 20a] ngoài LÝ ấy; cũng vì thấy được đích xác rõ ràng cho nên nói toang ra được.

Điều-Ngự Giác-Hoàng là bậc Tổ hàng Nhất trong Trúc-Lâm, cho tới ngày nay đã trải hơn 500 năm, vậy mà hư không hiển hiện ở nơi dưới gốc Cồ-đàm, người ngoài không do đâu mà trông thấy được. Duy có Đại-sư ta cùng hai vị tăng tâm tâm là Phật cho nên mới thấy được Phật. Người đời ngoài miệng vẫn niệm Nam-Vô-Phật, mà trong tâm thực là vô Phật thì sao đủ để nói việc ấy.

Tương truyền cây ưu-đàm không có hoa, khi có hoa là giảng đức Di-Đà và sinh đức Thích-Ca; duy triều nhà Trần có 3 lần nở hoa và cho tới nay cũng ít được thấy. Nếu khi được thấy thì tức là chính-ấn vậy.

Hoa Đam tàn nở, nó với mưa gió có can thiệp gì; nay có gió mà nở có mưa mà tàn, tức là từ-tâm của đức Giác-Hoàng chỉ muốn cho người đời [ở 20b] hiểu rõ được vật. Vật vốn có một lẽ trời tự nhiên, nhưng nếu mà theo LÝ không được thông thì lại thành ra bế-tắc.

Lại khi hiện ra chim xanh với bông hoa, biến hóa không thường, Phật-pháp thần-thông cũng là như thế. Chim bắt tất đã là chim, hoa bắt tất phải là hoa, nếu đem đặt một LÝ vào đó thì lại là một cái bấu, phỏng còn theo vào đâu được?

Tuy nhiên, LÝ có thuận có nghịch, không thể cái gì cũng theo LÝ; song những cái thuận mà có thể theo đó tức là LÝ. Ta không thấy ngọn trúc thì phải hướng lên trên đó là cái LÝ tự-nhiên. Nhưng khi chặt ra làm gậy, thì tay cầm đẳng

gốc lên trên mà ngọn lại quay xuống dưới ; như thế là LÝ chẳng, hay không phải là LÝ chẳng ? Đại-sur tay cầm cây gậy là LÝ chẳng, hay không phải LÝ chẳng ?

Trước đây đức Bồn-Sur Thích-Ca cầm bông hoa, mà Tôn-giả Ca-Diếp (4) mỉm cười hiểu thấu ý-nghĩa, không đợi phải lấy lời nói để truyền bảo. Ngày nay chân-không chẳng gì chướng-ngại, đức Phật cùng đồ-dệ thuyết-pháp, [tờ 21a] phải nói đến cả những điều rất nhỏ ở sắc, phát ra ở thanh, nhưng mọi người công-phu chưa kỹ, ma-chướng còn nhiều, đến nỗi nghe lời thầy nói lại quay lưng vào mà ngồi. Vậy nếu không hết sức tìm cách nói ra thì phỏng làm sao mà hiểu được ? Bởi vậy lại phải đặt ra những lời vấn đáp để làm cho chúng hết ngờ. Đó cũng là một đoạn từ-bi rất khổ tâm vậy.

CHÚ - THÍCH

(1) Theo trong Từ-Hải : Trần-Thực là người đất Hứa thuộc đời Đông-Hàn, trong khi mắc tội vào một đảng, nhưng sau khi đến viếng Trương-Nhượng thì lại được tha (Từ-Hải).

(2) Khang-Hải và Lưu-Cần chưa biết xuất-xứ ở đâu, xin đợi bậc thức-giả bổ khuyết.

(3) Lỗ-Ban cùng Công-Thâu đều là những tay thợ dõ ở Trung-Quốc thời xưa, tương-truyền hai người đều chế được con diều bằng gỗ đề cưỡi mà bay lên cao. Ly-Lâu là một người rất tinh mắt, đứng xa ngoài trăm dặm có thể trông thấy cả cái bụi rất nhỏ.

(4) Tức là Ma-Ha Ca-Diếp, một vị đệ-nhất La-Hán trong số 10 Đại-đệ-tử của nhà Phật (Phật-Học Từ-Điền).

NGỘ - THANH

(Tiếng Ngủ)

NGUỒI ta làm người, sáng dậy đêm ngủ ; dậy mà làm việc, làm việc mà có động ; động cho nên có tiếng. Nói năng cười khóc, phàm có tiếng phát ra là mọi người đều được biết cả. Đến như ngủ mà yên, yên mà lặng, lặng mà không có tiếng. Nhưng trong chỗ không có tiếng mà thốt-nhiên lại có tiếng, đó tức là ngủ mà không biết vậy. Cái thanh đó tức là cái tiếng hồn-nhiên của tạo-hóa không tiết-lộ ra, không phải cái tiếng tầm-thường [tờ 21b] cười khóc nói năng vi được.

Làm rồng làm rắn, làm chim âu, làm Thố-tôn, thầy đều là cái tiếng chưa thường nghe thấy, đó tức là NGỘ-THANH. Ông Âu-Dương có nói : « Sao trắng vắng vặc, sông sáng trên trời, không có tiếng người, tiếng ở đám cây », đó tức là NGỘ-THANH của trời. Vậy đây NGỘ-THANH của Đại-thiền-sư ta há không phải là cái tiếng thiên-lãi (sáo trời) hay sao ?

oOo

Hải-Lượng Đại-Thiền-sư ngồi trên đàn Thạch-Bì thuyết-pháp. Đồ-đệ lại bạch sư rằng :

— Lý không thể theo hết, nhưng DỤC có thể diệt hết được không ?

— Không giết hết thì hết, giết hết thì không hết.

*Cuồn cuộn nước trôi, trôi sẽ cạn ;
Lom đom lửa giáp, giáp càng lên.*

Đồ-đệ lại bạch :

— Nước nào không phải là nước ?

— Thấy nước mà cho là nước, nước ấy không phải là nước thực.

— Lửa nào không phải là lửa ?

— Trông thấy lửa mà cho [tờ 22a] là lửa, lửa ấy không phải là lửa thực. Nước thực thì có thể nóng, lửa thực thì có thể lạnh. Cho nên có lòng DỤC tức là vô-dục, mà không có lòng dục tức là có dục.

— Trong thiên-hạ, cái gì là tốt đẹp ?

— Vật gì cũng tốt đẹp. Các đồ vật những cái mà thích muốn thì là tốt đẹp ; cái gì không thích muốn tức là không tốt đẹp. Vì thế, có cái tốt mà không tốt, có cái không tốt mà lại tốt.

Đồ-đệ nghe tới đó mà vẫn chưa hiểu. Lúc đó, Pháp-Loa cùng Thế-Tôn đều ở trong núi muôn cây thông ở Quỳnh-Lam, vì trời nắng quá, trong miệng bị khát mà không có nước để uống. Mãi sau tìm kiếm cái hang để lấy nước, thì thấy có một con rắn, liền bắt con rắn mà nuốt để cho đỡ khát. Liền đó con rắn hóa ra con rồng, phun nước rất nhiều làm cho Thế-Tôn bị trôi nổi lênh đênh. Lập tức Thế-Tôn lại hóa làm một con chim âu bơi lội ở trên mặt nước. Đại-sư lúc đó giơ tay trở vào con chim âu và niệm :

— « *Na-Mô Thích-Ca Mâu-Ny Phật ;*

« *Na-Mô Văn-Thù Bồ-Tát,*

« *Na-Mô Phổ-Hiền Bồ-Tát,*

« *Na-Mô Quán-Thế-Âm Bồ-Tát* ».

[Tờ 22b] Các nhà sư lúc ấy cũng đều chấp tay đứng lặng. Đại-sư bấy giờ lại bắt đầu thuyết-pháp như trước.

Hải-Âu Hòa-thượng bàn rằng :

Trong kinh Thượng-thư có nói : « Trời sinh người có lòng ưa muốn (DỤC) » và lại nói : « các cái ưa muốn đó cùng tu hợp với nhau ». Lòng ưa-muốn là cái tính tự-nhiên vậy. Những việc thường dùng hằng ngày như là đói ăn khát uống đều không thể nào mà không có được. Duy, có lòng DỤC mà không bị lòng DỤC che lấp thì lòng DỤC tất là giữ hần. Nhưng nếu phải nói rằng « ta giữ lòng DỤC khiến cho không còn có lòng DỤC nữa » tức là ý muốn giữ lòng DỤC vậy. Như thế lại hóa ra trong chỗ không mà nầy thêm cái có, chẳng hóa ra lại thêm một tầng ma-chương hay sao ?

Ngọn nước cuộn cuộn vẫn thực là lớn, nhưng cứ dễ cho theo cái bản-tích của nó mà cứ chảy mãi mãi thì tất có lúc phải khô. Ngọn lửa lom đom thực là nhỏ, nhưng muốn cho tắt đi mà lại đập vào nó thì nó tất bùng cháy ngay lên. Nước là chất ÂM nhưng bản-tính lại là DƯƠNG. Lửa là chất DƯƠNG nhưng bản-tính lại là ÂM. Bởi thế, lửa có thể lạnh mà nước có thể nóng, như vậy mới đủ được tính chất ÂM DƯƠNG.

Có lòng DỤC tức là có tính chất làm người. Nhưng giữ được trong trắng thì [từ 23a] là liêu là ngộ, là định là tuệ ; mà liêu ngộ định tuệ tức là bậc thượng-thăng vô-dục vậy. Không có lòng DỤC là người không có tính chất ; nhưng để cho mờ tối thì là hôn, là mộng, là xuân, là ngu ; mà hôn mộng xuân ngu tức là những ác-căn của kẻ có lòng DỤC vậy.

Nói ngược nói xuôi đối chọi như thế là cốt bày rõ cái ý không giữt mà giữt, giữt mà không giữt.

Trong khoảng đời này không vật gì là không tốt đẹp. Tốt đẹp cũng là một bản-tính vậy ; nhưng cái gì có thể muốn thì mới là tốt mà cái gì không muốn thì tức là không tốt. Đó là tùy theo cái tính mà ứng vào, chứ các vật không có thể nhất-định là tốt hay nhất-định là không tốt vậy. Bởi thế những người ở nơi rừng núi thì lấy cái áo may bằng

cỏ, đào hang để ở, cho là tốt đẹp; nếu đem những mũ-áo và văn vật ra để nói với họ thì họ tất ngạc-nhiên mà cho là lạ. Những người ở xứ nương-mán ăn bốc bằng tay, uống nước hằng mũi, nuốt vật sống và uống máu tươi, nếu trông thấy cỗ bàn la-liệt thì tất buồn nôn.

Nước Tần khi trước cắt đất 15 thành để đổi lấy viên ngọc Bích của nước Triệu, nhưng người ở châu Ninh thì dùng viên ngọc đỏ làm [tờ 23b] vật ném chim. Giống người Xá-quốc lấy việc căng mũi cả răng làm đẹp, mà khi gặp những người mặt mày sáng sủa thì lại kêu gào mà chạy tránh ngay. Gõ tiếng sênh lên thì chim rừng bay tránh; giở xiêm áo ra thì khỉ vượn tan. Nói hết các lẽ ấy tức là có cái tốt mà không tốt, có cái không tốt mà lại tốt vậy.

Suốt một đoạn này cốt ý sáng tỏ cái ý nghĩa của bài văn trên. Nhưng phạm vi trong thiên-hạ, có thương mà lại có biến, nhưng chế được cái biến mà không làm mất tính chất thiên-nhiên, đó lại phải là những bậc đại-lực-lượng mới có thể làm được. Nhà sư Pháp-Loa cùng đức Thế-Tôn gặp khi nắng khát, vào hang tìm nước, thấy con rắn dài liền bắt rắn mà nuốt. Nhưng cũng chỉ riêng có Thế-Tôn mới có thể dám nuốt mà thôi. Tới khi con rắn hóa rồng phun nước trời ngập Thế-Tôn thì tức là ma-chương đã cao lên một bậc; nhưng Thế-Tôn lại hóa ra con chim âu lội bơi trong nước, rồi sau không thấy Thế-Tôn và cũng không thấy chim âu đâu nữa. [tờ 24a] Khi đó Đại-thiền-sư trở chỗ con chim âu mà niệm các danh Thích-Ca, Văn-Thù, Phổ-Hiền, Quán-Âm, thì tức là ngàn Phật làm một Phật, ba thân làm một thân, Thế-Tôn là chư Phật mà con chim âu tức là Thế-Tôn. Làm trời, làm nước, làm rắn, làm rồng, cái mờ-ảo vẫn là mờ-ảo, cái chân-thật vẫn là chân-thật. Na-Mô Đại-Tuệ-Nhơn Bồ-Tát, các tăng chấp tay hoan-hỷ, Đại-thiền-sư cũng hoan-hỷ... Đại-thiền-sư nhận được Thế-Tôn cũng là mình bạch dễ thấy... (1)

Nhà sư Hải-Hòa bàn rằng :

Đức Điều-Ngự ở ngôi cao vạn-thống, phi tần đầy rẫy, châu báu chứa chan, vậy mà coi sáu cung (phi tần) như hạt bụi, bỏ ngôi vua như giẻ rách, tịnh không một mây may luyến tiếc. So với người đời, có kẻ khắc khổ ăn chay nhưng gặp có chút lợi còn con thì lại không thể nào giứt bỏ ra được.

[Tơ 24b] Bởi vậy, có thể biết rằng : xem nước đã đành là lạnh, nhưng cái lạnh đó chưa hẳn đã phải là nước. Khi thời tiết nhất-dương vừa đến thì nước đã nóng ấm trước tiên, vậy có thể bảo nước là lạnh hay chẳng? Thấy lửa đã đành là nóng, nhưng cái nóng đó chưa hẳn đã phải là lửa thực. Khi cây gỗ kia chưa đui ra, miếng đá kia chưa chém vào thì hai thứ đó vẫn là lạnh ngắt, vậy có thể bảo lửa là nóng hay chẳng?

Cổ-nhân có nói « thiên hạ không có sắc nào là chính » duy thứ nào có thể ưa muốn thì là tốt đẹp mà thôi. Nếu không thể ưa muốn được thì tức như cái viên ngọc Lang của nhà Thương, cái đỉnh của nhà Chu cũng khó lòng có thể bán cho một kẻ nông-phu. Mùa đông áo thưa, mùa hạ áo cừu, tất là trái với tính chất các vật. Vì tốt thì tốt thực nhưng không thể ưa muốn mà dùng được thì còn nói làm chi?

Ta lại thử nghĩ : khi miệng khát mà muốn uống nước thì nước là tốt mà rắn là không tốt. Nhưng không có nước mà thấy con rắn, thì lại thêm muốn con rắn, mà con rắn lại là tốt. Đến khi có nước mà lại trôi cả Thế-Tôn thì Thế-Tôn không ưa muốn có nước mà nước lại thành ra không tốt. [Tơ 25a] Chim Âu là không tốt, nhưng Thế-Tôn hiện ra chim Âu thì chim Âu lại là tốt. Rồi đó trở vào chim Âu mà niệm Phật, vậy chim Âu há không phải là một sự biến hóa rất tốt trong nơi nước Phật hay sao?

Nhà sư tự ở trước đàn, Thế-Tôn tự ở trong núi, vậy khi Đại-sư giơ tay trở con chim Âu thì Đại-sư ở trước đàn chẳng,

hay là ở trong núi chăng? Ta thường nghe nói ánh hào quang Phật-giáo Tây phương soi sáng đến tận phương đông, có lẽ chính là ý đó.

Ôi, Pháp-Loa cùng Thế-Tôn còn vì khát mà muốn uống nước để giải khát. Khi giải rồi thì thôi, nhưng lại lâm vào cái cảnh lênh đênh trên nước, vậy tức là tư-linh không-không, còn lòng DỤC đâu mà phải giết.

CHỮ THỊCH

(1) Câu ở cuối cũng có lẽ người trước chép lầm, không có nghĩa nên xin lược mà không dịch.

[Tờ 25a] **ẨN - THANH**

(Tiếng ầm)

ẨN tức là ầm-ầm mà phát ra. Trong kinh Thi có nói « Ẩn ký lời, tại Nam-san chi dương » nghĩa là ầm tiếng sấm dậy ở phía bên đông Nam-san (1) tức là thế. Khi Thiền-sư [tờ 25b] im-lặng mà ngủ, tức là rất tĩnh. Nhưng vut chốc trông-quang hóa ra và khô mọc lên, đó là rất tĩnh mà sau rất động, mà tức là ẩn-thanh vậy.

Ôi, từ khi một nguyên-khí bao la, hỗn-độn chưa phân biệt thì muôn đường đều bắt đầu ở chỗ **KHÔNG**. KHÔNG ấy là một thái-cực vậy. Tới khi hai khí âm dương tụ lại mà thành ra triệu-trâm thì là cái cơ phát ra ở chỗ ngũ. Ngũ tức là thái-cực sinh ra lưỡng-nghi vậy. Kịp khi hình và khí đã phân biệt thì khí trời giáng xuống mà khí đất bốc lên mà sinh ra cái cơ biến-hóa vô-cùng.

Đó tức là như trên trời có sấm mà cái thề của nó là đại-trắng, cái đức của nó là ẩn (2). Ẩn tức là lưỡng-nghi sinh ra tứ-tượng vậy. Trời với người cùng một lý cho nên đem việc hiện-thân của ba vị Tồ nêu lên trên đây ; cứ nom đó tức có thể biết được trời vậy.

oOo

Hải-Lượng đại-thiền-sư đi vân-du tới trai-phòng của một vị bác-sỹ. Vị bác-sỹ cùng học trò mặc lối y-phục nhà Nho ra đón tiếp [tờ 26a] thiền-sư, và bạch với thiền-sư rằng :

— Phật nói là không sinh, vậy sao lại có sinh? Phật nói là không diệt, vậy sao lại có diệt?

Đại-thiền-sư đáp rằng :

— Có sinh tức là không sinh, có diệt tức là không diệt. Đầu trâu mình rắn khôn trông thấy ; sẻ ngủ gà dây tự khắc hay. Nơi Tây-Ngư-Hóa châu (3) có mấy ngàn thế-giới, sinh ra mấy vạn ức kiếp thân, có mấy vạn ức năm, và chỉ có không biết bao nhiêu vạn ức thân có đủ tai mắt mũi mồm mà thôi. Vậy trông đó thì là có sinh hay là không sinh?

Nói giứt lời đại-thiền-sư liền thiếp đi mà ngủ. Bác-sỹ cùng bọn học trò đều giải tán cả. Lúc đó Huyền-Quang, Thế-Tôn hóa làm muôn đoạn tường-quang bao quanh một gốc cây khô rồi cây ấy bỗng dựng nầy ra rất nhiều cành lá, lại vụt chốc nở hoa, sinh quả, quả lại sinh ra cây, thành trăm ngàn muôn ức cây thông. Lúc đó đại-thiền-sư chợt tỉnh dậy và chợt ở ngay trong ngọn núi hàng vạn cây thông, chấp tay [tờ 26b] mà làm câu kệ như sau :

« Ai thối cây khô ?

« Ai vun cây tốt ?

« Đáo đề ngàn thông

« Ngươi sinh ngươi diệt ».

Kể đó bác sỹ cùng bọn học trò tìm thấy Đại-thiền-sư ở trong núi vạn cây thông thì lấy làm hoan-hỷ và Đại-thiền-sư cũng đem lòng rất là hoan-hỷ.

Hải-Âu Hòa-thượng bàn rằng :

Đại-thiền-sư đến chơi trai-phòng của vị bác-sỹ, bác-sỹ ẵm vận y phục nhà Nho để đón đại-thiền-sư, tức là Nho với Thích cũng không phải là hai vậy. Bác-sỹ đem câu có sinh có diệt để vấn thiền-sư, tức là chưa hiểu cái nghĩa không sinh không diệt của thiền gia.

Ta hãy thử nói : Xuân đến hoa nở, thu tới hoa tàn, đó là sự sinh sự diệt của loài vật. Nếu tìm cho đến cùng cực thì cũng đều là trở về một chốn là không còn gì cả. Trước khi ta sinh thì ai là ta ? sau khi ta sinh thì ta là ai ? đó

là sự sinh và sự diệt của ta. Nếu tìm cho tới cùng cực thì lại không biết đâu là cái chốn ta đến và ta đi. [ở 27a] Thấy những cái có thể thấy được mà không thể thấy những cái mà không thấy được, đây tức là cái ý không sinh và không diệt vậy.

Đầu trâu mình rắn là vật quái lạ; sũ ngủ gà đây là vật tầm-thường, đem cái đó ra để làm chứng cho việc khó thấy và dễ biết. Tây-Ngư-Hóa châu mấy ngàn thế-giới có bao nhiêu vạn ức kiếp thân bao nhiêu vạn ức năm, chỉ có bao nhiêu thân thời thì lấy đâu làm sinh và lấy đâu làm diệt? Vậy phải theo nơi đó để hiểu sự có sinh và không sinh thì mới hiểu được sự có diệt và không diệt.

Khi đại-thiền-sư nằm ngủ thiếp, bác-sỹ cùng các học trò đều còn ngần ngại nghĩ ngợi chưa biết ra sao. Lúc đó Huyền-Quang, Thế-Tôn liền diễn ngay cảnh thực ở trước mắt, hóa ra vạn đoạn tường-quang, quanh bọc cây khô rồi bỗng nảy cảnh đâm lá, có hoa có quả, mọc đầy cây con có tới trăm ngàn vạn ức khóm thông. [ở 27b] Cây khô tức là cây diệt vậy; diệt thì không thể sinh, nhưng lại từ chỗ không thể sinh mà ra cái đạo sinh xuất vô cùng. Là Khô, là Sinh trong một nháy mắt, chỉ ở trên một thân cây tưng khô héo mà ra.

Đại-thiền-sư đọc mấy câu kệ khác nào giảng cái cây gãy vào đầu, xét tiếng sấm bên tai; bác-sỹ do đó hiểu rõ cũng là một bậc đại-tuệ-nhân vậy.

Tuy nhiên, tre khô nảy cảnh, dù Phật hóa mà cũng là ma vậy. Tâm đã sinh thì ma sinh, tâm diệt thì ma diệt, đó đều là do ở tâm người tạo ra cả. Nếu không đề ý không chạm tới thì không thể thấy. Đã không thể thấy thì tức là không sinh và không diệt vậy.

Ba tiết trên đây là cái đề-mục rất to sáng trong kinh mà là đại-thiền-sư đặc đạo rất thâm thúy và thuyết pháp rất huyền-diệu; cái cửa vào đạo cho các đồ-dệ đều phải noi theo từ đó.

Hải-Hòa-tăng bàn rằng:

[ở 28a] Phật cũng là người mà thôi. Người thì tất có

hình khí ; đã có hình khí thì ai mà không sinh và ai mà không diệt ? Duy có những bậc viên-thông trí-tuệ quảng-đại từ-bi mới có thể riêng biệt khác người. Bởi thế tây-phương gọi là Phật cũng như đông-phương gọi thánh-nhân, đều là nói lên một thứ cao vượt ra ngoài hình khí vậy. Vì cao vượt ra ngoài hình khí nên cái thân tuy sinh sau trời đất mà cái đạo thì lại ở trước cả trời đất.

Chúng khổ bị trầm-luân sao lại nở không sinh. Khi sinh thì hào-quang khắp chiếu tế-độ vô cùng, mà giáo gốc ở hư-vô thì có sự sinh nào lại coi là vui gặp ?

Công-hạnh viên mãn thì còn tiếc gì mà không diệt ? Khi diệt thì nhất-chân vẫn tự-như, vạn hóa đều tịch, mà thần-quang chu lưu hết khắp mọi nơi, thì còn sao mà nói là không ?

Phật nói bất sinh bất diệt là trở vào [10 28b] đạo-thế mà nói. Nếu bảo rằng thánh-nhân chưa sinh đạo ở trời đất, thánh-nhân đã sinh đạo ở thánh-nhân, thánh-nhân đã mất đạo ở sáu kinh, thì đạo không có lúc thịnh lúc suy, tức là bất sinh bất diệt vậy.

Ôi, đạo-thống lưu truyền đã có tự lâu, không phải cứ có thánh-nhân mới sinh ra đạo, song được có Khổng-Tử ra đời mà văn-minh muôn đời mới không thể giứt. Đạo-phái lưu-truyền vốn không cùng tận, không phải cứ đợi đức Phật sinh ra mới có, song cũng nhờ khi họ Mâu-Ny sinh mà pháp-luân thường chuyển và không lúc nào ngơi.

Khác nào cây khô không còn sống ; nhưng khi muôn đoan tường-quang quanh bọc thì vụt chốc mà sống, sống mà nầy hoa nầy quả, rồi trăm ngàn vạn ức, sinh mãi không cùng. Vậy thì có diệt chăng hay là không diệt đó chăng ?

CHÚ - THÍCH

- (1) Tên một bài thơ trong thiên Thiệu-Nam ở kinh Thi.
- (2) Chữ trong kinh Dịch.
- (3) Theo Từ-Hải : Tây-Ngưu-Hóa châu là một trong 4 bộ đại-châu đo kinh nhà Phật nói ra.

PHÁT - TƯỚNG THANH

(Tiếng Phát-tướng)

[Iở 29a] **T**RỜI sinh người đều có tính tự-nhiên. Đã có tính tự-nhiên của trời thì tất lại có cái tính của người. Bởi thế ông Nghiêu có tướng (lòng mong nghĩ), ông Di có tướng mà người Chích (1) cũng có tướng. Tuy nhiên, còn phân biệt ra người thánh người cuồng, đó không phải có lòng tướng là khó mà duy khó ở sự phát ra lòng tướng mà thôi. Cái chỗ mà thánh-hiền hơn được người thường là chỉ do ở lúc phát ra sự tướng. Từ lúc tỉnh mờ, ngồi đề đợi sáng, đó là lúc phát-tướng của vua Thành-Thang; ăn cơm rau uống nước lã, khoan tay mà gối, đó là lúc phát-tướng của đức Khổng-phu-tử. Trong lòng chỉ có một khối thiên-lý, tinh không một chút tư-dục xen vào, cho nên tướng ra chừng nào thì tức là chính-đại quan-minh chừng ấy. Đó mới gọi là cái tướng của bậc thánh hiền.

Ngoài ra hết thấy chúng-sinh phần nhiều đều tướng sự can, khiến cho trong tâm nóng nảy, càng tướng lại càng mờ tối không ra. Như vậy còn làm sao đủ để hiểu biết cái tiếng Phát-tướng của đại-thiền-sư ?

[Iở 29b] Đại-thiền-sư đương ăn mà nghẹn. Đồ đệ bạch sư rằng :

— Thầy bị nghẹn đó, có phải thầy có tướng gì chăng ?

Đại-sư đáp rằng : — Ta tướng cái không tướng, mà chưa đến chỗ không phải là không tướng. Vì thế nên nghẹn.

— Vậy là thầy tưởng đều gì ?

— Ta tưởng những việc thiên-phủ, thủy-phủ, địa-phủ mà tưởng không ra là có việc gì. Ta tưởng trông thấy những khi tóc của ta dài ra mà không thấy được lúc tóc của ta dài ra. Ta tưởng trông thấy hàm răng và móng tay của ta lớn lên mà cũng không thấy được cái lúc hàm răng và móng tay của ta lớn lên. Ta những mong tưởng mà vẫn không thấy. Thế nào mà không tưởng thấy, đó là ta tưởng nghĩ cái không tưởng-nghĩ mà không phải là tưởng-nghĩ cái không phải là không tưởng nghĩ. Và đó cũng là muốn thấy những cái không phải là thấy mà không phải là muốn thấy cái không phải là không thấy. Và như có vật gì ở trong cuống họng của ta mà người tưởng ra là ta [tờ 30a] nghẹn, nhưng cũng vẫn không thấy được là ta thực có nghẹn không. Đó là người muốn thấy được cái khó thấy mà tưởng ra cái không phải là tưởng. Đức Phật nói nếu cái tưởng nghĩ không phải là không tưởng nghĩ và nếu lấy sự thấy được cái khó thấy mà thấy được Như-Lai. Cho nên gọi là chân-tưởng và chân-kiến.

Hải-Âu Hòa-thượng bàn rằng :

Kinh Thi có nói : « Tha nhân hữu tâm, dư tồn đặc chi » nghĩa là người khác có tưởng nghĩ đều gì thì ta lượng mà đoán biết (2), đó há phải dễ đâu ? Vì nếu có sự không biết mà cho là biết, không thấy mà cho là thấy, đó tức là khua động vô-minh-thức giới.

Đại-thiền-sư đương ăn mà nghẹn, đồ-đề cho là có tưởng nghĩ gì mà hỏi. Sư đáp là vì tưởng nghĩ cái không phải là tưởng nghĩ cho nên nghẹn. Cái đó so sánh với KHÔNG-TÍNH lại còn cách xa một lần MINH-THỨC. Bằng tới chỗ không phải là không tưởng nghĩ thì lại không nghẹn. Kể đó đồ-đề lại hỏi là tưởng nghĩ điều chi thì lại càng mờ tối vậy.

Thiên-phủ, địa-phủ và thủy-phủ đều là những việc không thể thấy, dù có tưởng-nghĩ cũng không tưởng-nghĩ ra [tờ 30b] việc gì. Đến ngay như tóc của ta khi nó dài ra, hàm răng

móng tay của ta khi nó lớn lên, cũng chỉ là những việc tương-lai ở trong thân ta, thế mà khi có tưởng-nghĩ cũng đều không thể được. Đó đều do nêu ra một chữ TƯỞNG tức là đã có mắt tai mũi lưỡi thân ý, và là có chúng-sinh thọ-giả tướng. Nhưng nếu chỉ tưởng thấy mà lại tưởng không thể thấy và lại không tưởng nữa thì sự tưởng đó cũng là ngẫu nhiên mà tưởng và sự ghen đó cũng là ngẫu nhiên mà ghen, đều là những cái do ở ngoài tới chứ không phải là kết ở trong. Nói rằng không tưởng và không mong thấy thì tưởng là không phải mà ghen cũng tan hóa vậy.

Đồ-đệ không hiểu, lại cố gạn hỏi, đó cũng là muốn thấy cái khó thấy và tưởng cái không phải là tưởng; vì thế đại-thuyền-sur phải nói nhiều lời và đem lời nói của đức Phật đề tỏ rõ thêm.

[Tờ 31a] **Hải-Hòa-tăng bàn rằng:**

Thế-tục vẫn thường nói là tam-phủ công-đồng giảng hóa-giảng phúc cho mọi người. Phàm người ở đời làm ra những điều thiện hay điều ác, đó tức là chốn dương-gian. Đến như trong nơi thâm kín, thiện có thiện báo, ác có ác báo, đó tức là âm-ty. Âm-ty tức là Thiên-phủ, Địa-phủ và Âm-phủ.

Trên trời có trăng trời tinh tú, dưới đất có non núi bể sông, và dưới nước có thuồng-luồng cá giải ở đó, vậy tất nhiên phải có người chủ-trương ở đó. Nếu đã có người chủ-trương thì lẽ nào lại không có việc; nhưng có những việc gì thì lại mật-mờ âm-thầm, không ai được biết. Vậy hãy thử tưởng-nghĩ xem: Thiên-phủ ở nơi nào, ở trên trời chăng? Địa-phủ ở nơi nào, ở dưới đất chăng? và chim muông cây cỏ là do Địa-phủ coi giữ chăng? Thủy-phủ ở đâu, ở dưới nước chăng? và nước trào lên xuống, khi đầy khi vơi, đều do Thủy-phủ coi giữ đó chăng? Tưởng có việc đó mà [tờ 31b] không thể thấy có việc đó, há không phải là không nên tưởng nghĩ hay sao?

Ôi, làm thiện làm ác, chỉ ở tâm mình, họa phúc đưa đến, đều có nguyên-nhân. Ta làm thiện chẳng? như Hán-Nho nói: « Thân mình hằng ngày lớn lên mà người ta đều không trông thấy ». Cái tóc của ta khi dài lên, hàm răng và móng chân tay khi lớn lên, ta có thể trông thấy được chẳng? Kẻ làm điều ác cũng tựa như thế cả. Thiên-phủ, Địa-phủ, Thủy-phủ, tóm lại đều là do ở tâm ta mà thấy, đó chính tưởng đến chỗ không phải là không tưởng và thấy đến chỗ không phải là không thấy. Vậy bảo rằng chân-tưởng và chân-kiến là như thế, mà Đại-thiền-sư có tưởng cũng là tưởng thế vậy.

CHÚ - THÍCH

(1) Vua Thang cùng Khổng-Tử là bậc thánh, Chích là kẻ-trộm.

(2) Câu này trích thơ Xảo-ngôn, thuộc thiên Tiểu-nhã trong kinh Thi.

muốn thấy trăm ngàn vạn ức La-Hán hóa thân thì vẫn còn có một cái chân-thân của đức Thích-Ca ở đó. Vậy có khi nào trông thấy cái thân mắt sâu dài đen của La-Hán mà những bọn thân hình thanh-tú [tờ 33b] lại có thể quên cả bản thân? Lời Kệ của đại-thiền-sư nói rằng THÂN, rằng NGUYÊN, rằng THÂN, rằng CHÂN, tức là chân-thiết ở bốn chữ đó. Hoặc có người hỏi nước Hỏa-Xa ở nơi nào? thì xin thưa rằng: chỉ ở trong chỗ ngồi và chỗ đi của các người đó.

Hải-Hòa-tăng bàn rằng :

Trong tập kinh Ngọc-Hoàng Cốt-Tủy có nói: « Người đều có TINH, TINH hợp thì thân HÌNH, HÌNH đều có KHÍ, KHÍ hợp thì thể CHÂN. Tinh với khí hợp lại mà thành người, nên lấy HÌNH mà trao lại cho nhau thì cái THỂ tất nhiên phải giống như nhau. Thân của La-Hán mắt sâu dài đen, thân của trai gái cũng mắt sâu dài đen có thể lấy thể làm chân hay sao? Lại như các trai gái có cái thân hình thanh-tú khác thân La-Hán kia, có thể cho là không phải chân-thân được chăng?

Đức Phật Thích-Ca hóa hiện tự-nhiên, có thể nào câu nệ vào chỗ tầm-thường mà [tờ 34a] lý-luận?

Tóm lại, cái thân của con người nếu không phải tinh khí chân-thực hun đúc thì cái thể-tướng sau này tất bị sự tập-nhiễm và sự nuôi dưỡng mà thay đổi. Con trai con gái sở dĩ giống thân hình của cha mẹ là bởi sớm hôm cùng ở liền nhau và sự nuôi dưỡng không rời vậy. Cỗ-nhân thai-dưỡng (nuôi dưỡng từ lúc mang thai) thường muốn cho gặp những bậc vương công cao quý, nghe những câu sách vở nghĩa lý, cho nên khi sinh con ra mặt mũi đầy đặn mà tư-chất thông-minh.

Ngày nay những con nhà thế-gia phần nhiều thể-chất và hình dung có khác con nhà tầm-thường, đó không những là được có những tinh-khí tốt đẹp, những phúc-đức cao giầy, mà hơn nữa là sự ăn ở và nuôi dưỡng cũng được khác

với những nhà tâm-thường vậy. Gián-hoặc có khi nhà thế-gia mà sinh con bất-tiểu, hay hoặc những nhà tâm-thường mà sinh người con đặc-sắc, đó cũng chỉ là ngẫu-nhiên được có mà thôi. Cho nên có câu «bậc thượng-tri và bậc hạ-ngu là không thể di-dịch» chính là lẽ ấy. Vậy muốn hỏi chân-thân thì xin cứ lấy tinh-khí mà nói.

[10 34b] **HOÀN - THANH**

(Tiếng gọi)

NHỮNG bậc chi-nhân có thể giữ được thiên-chân. Cảnh-ngộ đã lặng, tâm chi hân yên, cho nên coi hết thấy sự vật trên đời, còn hay là mất, được hay là thua, đều rõ ràng từng ly từng tý. Cùng ở với vị Ngọc-Hoàng cũng không phải là chân-quý của ta. Cùng ăn với người hành-khất cũng không phải là chân-tiện của ta. Tùy lúc mà ngàn biến muôn hóa, nhưng cái toàn thể vẫn tự ở đó, tức là sự vật ở ngoài không thể đủ làm quái lạ.

Bọn người trung-lưu trở xuống, tâm không được biết chân-thực, mắt không được biết chân-thực, mờ mờ mịt mịt, như say như mê ở giữa những vòng được thua còn mất. Chỉ vì lòng mê ý loạn nên đến nổi hoa mắt ù tai. Vốn không có quý có lộn mà lại thấy quý với lộn. Đó chỉ vì những tư tưởng cần giờ không được trong sạch cho nên ma tà lữ [tờ 35a] lượt hiện ra.

Không cứ bàn đến những sự vật ở ngoài, hãy cứ coi ngay trong một cái thân con người, khi sắc buổi sáng cùng khi sắc buổi chiều cũng đã không giống như nhau. Vậy nếu không ĐỊNH thì sao có TĨNH? mà không TĨNH thì sao có thể AN (yên), LƯ (nghĩ), ĐẮC (thu lượm được)?

Trong thế gian, những người chân-kiến thì ít mà hạng bất-chân-kiến thì nhiều; cần phải gọi tỉnh ngay dậy thì tự nhiên là thấy sự lạnh-hay mà mắt hân yêu-quái, tức là chẻ đứt ra làm hai mặt nhận định khác nhau.

Đại-thiền-sư nói người là người, quý là quý, súc-sinh là súc-sinh, một câu ấy không những là gọi tỉnh những kẻ phạm phu loạn tính mà thực có thể gọi đến giấc mộng hồ-diệp của Trang-Chu (1).

oOo

Hải-Lượng đại-thiền-sư nói: Người là người, quý là quý, súc-sinh là súc-sinh. Đồ-đệ bạch sư rằng:

— Đức Phật nói « Người chết thì làm dê, dê chết thì làm người, vậy nghĩa như thế nào?

Thiền-sư đáp: — Sách Nho có nói [tờ 35b] «Thấy lợn đội đường, chở quý một xe», vậy người bảo thực là quý là lợn chăng (2)?

Mắt vốn sáng mà bị hoa, tai vốn tỉnh mà bị ù; hoa thì không có bóng, ù thì không có vang; bóng vang là cái hình khí ở ngoài mà tai mắt là cái hình khí ở trong. Đức Thích-Ca Mâu-Ny ngàn tay ngàn mắt mà đức Không Phụ-Tử thì khi trông ở đằng trước vụt chốc lại ở đằng sau... Ta ở mắt chỉ là một ta ở mắt, trước sau chỉ là một trước sau mà thôi. Người không thể tàng hình, quý không thể xuất thân, chim muông không thể nói theo như người, nếu trái thế thì tức là ngoài hình khí vậy. Cho nên hiểu Phật thì không bỏ thân mà không hiểu Phật thì bỏ thân.

Hải-Âu Hòa-thượng bàn rằng:

Người có đạo người, quý có đạo quý, súc-sinh có đạo súc-sinh. Đại-thiền-sư nói là người, quý và súc-sinh đều tự có hình khí vậy. Đức Phật nói, người chết thì làm [tờ 36a] dê, dê chết thì làm người, là ý nói người vốn có đạo làm người nhưng khi mất hết thiên-lương thì tức là diệt hết tính người mà vào tính súc-sinh; dê vốn là đạo súc-sinh, nhưng có được một điểm thông sáng thì ngiệt-căn tự tiêu-diệt mà đi vào đạo người. Thiện ác luân hồi, đó là lời ngu-ngôn của họ Thích răn đời, cũng như quẻ Khuê trong kinh Dịch nói voi, nói quý và lợn, không thể theo lời nói mà nhận chân

được. Nếu sáng rõ cái nghĩa hình chất thì cái sẵn có của chân-thân với cái ngoại-cảnh do tự ngoài đến, tự nó có hay tự nó không, đều sáng suốt mà không mờ tối.

Mắt vốn sáng để trông, tai vốn tỉnh để nghe, nhưng có lúc mà mắt tự hoa, có lúc mà tai tự ù; hoa thì không có hình, ù thì không có tiếng, đó tức là tạm thời do cảnh ngoại lại làm cho hoa và ù, song rốt cuộc rồi cái hoa cái ù cũng tự biến mất mà tai mắt thông-minh lại vẫn thường như trước. [tờ 36b] Đại-thiền-sur đem cái bóng vang cái tai mắt, phân biệt hình khi trong với ngoài để sáng tỏ ý nghĩa câu văn thứ nhất trong thiên này.

Sách nhà Phật nói đức Thích-Ca ngàn tay ngàn mắt, sách Nho xưng tán đức Khổng-Tử nói là trông ngái ở đằng trước rồi vụt chốc lại ở đằng sau... Đó cũng là cái ý đức Thế-Tôn gồm đủ muôn hạnh, tuệ-nhân trông khắp mọi nơi và đức Thánh-nhân thì thể dụng gồm đủ, không thể đo lường, tức là tỏ rõ những điều hay giỏi vô cùng vô cực của các bậc Phật Thánh vậy. Những chữ na-mô Phật và chữ đại-tai-thánh cũng tức là nghĩa ấy. Dân có phải là Đức Thích-Ca thực có cái tướng biến-huyễn mà đức Khổng-Tử thực có cái thuật phân-thân?

Hiểu rõ những lẽ nói trên thì người, quỷ và súc-sinh đều có riêng một hình khi ở trong, nhưng có khi biến đổi khác đi thì tức là cái hình khí ở ngoài. Nếu rõ được cái chân-diện-mục (bộ mặt thực) thì không khi nào lại chịu bỏ cái trong mà theo đuổi những cái ở ngoài. Duy kẻ u-mê thì lại khác hẳn. Cho nên nói rằng « Hiểu Phật thì không bỏ thân, không hiểu Phật thì mới bỏ thân ».

[Tờ 37a] **Hải-Hòa tặng bản rằng :**

Lời Phật nói câu nào cũng cao xa, mà lời Nho nói câu nào cũng cao xa. Duy nhà Nho từ sau khi vua Phục-Hy chế ra văn-tự lại được các vị thánh hiền nối dõi ra đời, đem những điều bằng phẳng giảng dạy, cho nên người ta hiểu được rõ ràng. Đến như Thiền-gia thì sau khi đức Thích-Ca truyền

trao y-bát, thấy đều theo vào những điều minh-tâm kiến-tính mà dụng công và duy có đức Đạt-Ma (3) là hiểu rõ mà để lại được một đôi câu ; bởi thế các đồ-đệ phần nhiều là không hiểu thấu. Thí dụ như nói đức Quán-Âm ngàn tay ngàn mắt, tức là tay người làm đủ hết mọi việc và mắt người trông thấy hết mọi vật cũng như tay của ngàn người và mắt của hàng ngàn người. Vậy mà người đời lại trở những tượng ngàn tay ngàn mắt để trưng ra thì thực là chưa hiểu.

Còn như nói đức Phật xã-thân, đó tức là làm lợi cho người làm lợi cho vật, không hề mưu tính riêng biệt cho mình. Vậy mà có người lại đem thân mình ra để nuôi cho thường lương hổ dữ thì thực là trái hẳn với nghĩa ở trên. Như vậy, thì khi đọc câu sách Nho nói là « minh tứ mục, đạt tứ thông » (sáng bốn mắt thông bốn tai) thì có lẽ bảo là ông Thuấn thực có 4 mắt 4 tai ? Và đọc câu « tái quý nhất xa » trong kinh Dịch thì tất vẽ ngay ông Chu-Công dong một cái xe chắt những quý thực. Lại như đọc câu « chiêm chi tại tiền, hốt yên tại hậu » (trông thì ở đằng trước rồi vụt chốc lại ở đằng sau) thì có lẽ lại vẽ ngay đức Khổng-tử biến hóa đằng trước một người và đằng sau lại cũng một người như thế, đến nỗi ông Nhan-Uyên phải hoảng hốt mà không biết trông ở lối nào. Nhà Nho có thể như thế hay chăng ?

CHÚ THÍCH

(1) Sách Trang-Tử Tề-Vật-Luận nói : Trang-Chu nằm mộng thấy mình hóa làm con Bướm.

(2) Quẻ Thiên-Phong-Cáo trong kinh Dịch nói : « 見豕負塗載鬼一車 kiến thỉ phụ đồ, tái quý nhất xa » (thấy heo đội đường, chở quý một xe).

(3) Nguyên tên là Bồ-Đề Đa-La, người ở Nam Thiên-Trúc, sau gặp sư tổ thứ 27 Bát-Nhã Đa-La mới đổi tên là Đạt Ma. Năm đầu Phổ-Thông đời Vũ-Đế nhà Lương (502) vượt biển sang Trung-Quốc. Sau tu hành đắc đạo ở chùa Thiếu-Lâm trên núi Tung-Sơn.

THUYẾT THANH

(Tiếng Thuyết)

THUYẾT là cái nghĩa giải-thoát thư-sướng (cởi-mở thỏa-thuê) vậy. Đức lớn của trời đất là ở sự SINH (sống), cho nên quý dương [tờ 38a] mà khinh âm ; đức của thánh-nhân cùng xen với trời đất cho nên thích thiện mà ghét ác. Quý dương và thích thiện tức là giải-thoát và thư-sướng vậy.

Tuy nhiên, thuyết đây không phải là giải - thoát cho người ra khỏi ngục-tù mà là giải-thoát cái gông cùm tối-lắm hôn-muội mà thôi. Con người ta đều như xúm vào ở trong hỏa-ngục, bị khi-bầm câu thúc, vật-dục lấp che, không trừ gạt được bụng tham sân nên bị tình trần cùng ái dục hãm hại ; nếu không có cái tỉnh ba của đạo nghĩa để mở mang ra thì phần nhiều đều không cựa thoát ra nổi. Bởi thế thánh-nhân dạy người là cốt ở ngăn sự tà giữ sự thành, xa lìa những hy-vọng hảo huyền, đem lại sự sáng sủa thì không đến nỗi trầm-luân nơi khổ-hải mà mới giải-thoát ra ngoài. Như thế mới gọi là THUYẾT.

Đại-thiền-sư nói là họ Hữu-Ngu lấy chữ TỈNH NHẤT để phá mà họ Thích-Ca thì lấy chữ TỈNH TIẾN để phá. [tờ 38b] Phá tức là thoát vậy. Tỉnh-nhất và tỉnh-tiến tức là đạo-lý mà thôi.

Ồi, nghe sấm sét mà loài sâu ở lỗ thoát ra, các cây cỏ này nở, đó là thuyết-thanh của trời đất vậy. Đến như nhân

nghĩa phát huy ra, nghe tới mà mở mang được những bế tắc trong tâm, đó tức là thuyết-thanh của đại-thiền-sư vậy.

oOo

Hải-lượng Đại-thiền-sư nói : Phật Thích-Ca Mâu-Ny sinh sau vua Đế-Thuấn ; riêng được có cái phép phá ngục để tế độ chúng-sinh.

Đồ-dệ liền bạch rằng :

— Vua Đế-Thuấn sai ông Cao-Dao làm quan sỹ-sư, đó là cho người vào ngục của nhân-gian, huống lại nói là phá địa-ngục sao ?

Đại-thiền-sư đáp : — Ngục của thế-gian dễ ra, còn địa-ngục thì khó ra, không phá là không thể được. Vua Đế-Thuấn có đại-lực-lượng nên phá được, đức Thích-Ca Mâu-Ny cũng có đại-lực-lượng nên mới có được cái phép để phá.

— Vậy thầy nói là vua Đế-Thuấn có cái phép gì ?

— Địa-ngục nguy, vì Phật có nói Vô-gián ngục khổ (1). Vua Đế-Thuấn dùng chữ tinh-nhất để phá, đức Thích-Ca Mâu-Ny thì dùng chữ tinh-tiến để phá. Về sau ông Nhan-Hồi nói chữ « khắc kỷ » (cố giữ mình), đức Đại-Tuệ nói « sát hại » (giết hại), cái công-phu cũng đều là ở một chữ TINH. Cho nên cái tinh-lực đã phá địa-ngục ấy là kim-cương bảo-kiếm.

— Khi vua Đế-Thuấn phá ngục thì Thập-Điện Minh-Vương đã làm việc hay chưa ?

— Đã làm việc rồi. Thập-Điện Minh-Vương là lúc đồ-thư chưa thành, bốn mặt tám phương ai ai cũng đều làm việc. Đến đức Thích-Ca Mâu-Ny là thân thứ ba của Quán-Thế-Âm Bồ-Tát. Quán-Thế-Âm Bồ-Tát phổ-độ mười phương tức là đồ-thư, do Thập-Điện Minh-Vương xuất ra mà lưu lại được cái thân kim-cương bất hoại. Đức Thích-Ca Mâu-Ny [tờ 39b] lấy đó mà dùng, cũng như là vua Đế-Thuấn.

— Vậy chúng-sinh bởi sao lại hay sa vào địa-ngục ?

— Vì chúng-sinh từ-bi, vua Đế.Thuấn không từ-bi và đức Thích-Ca Mâu-Ny cũng không từ-bi nên mới phá được địa-ngục. Chúng-sinh nếu không từ-bi thì cũng không sa vào địa-ngục. Cho nên giết cha mẹ, giết hại chúng tăng, ấy là việc bành-dãng đệ nhất của nhà Phật.

Hải-Âu Hòa-thượng bàn rằng :

Vua Thuấn sai ông Cao-Dao làm quan Sỹ-sư để sáng tỏ hình phạt đó là cái phép-ngục của người để trị tội người. Đến họ Thích nói địa-ngục, tức là cái đạo trị mình vậy. Nhân-ngục (ngục của người) và địa-ngục khác nhau rất xa. Ngục của người, nếu không phạm pháp thì không phải vào. Phạm pháp mà người khác không biết thì [ở 40a] không phải vào. Phạm pháp bị người ta biết, nhưng pháp-quan thương thì cũng được ra. Pháp-quan đã bắt hạ ngục nhưng gặp ân-xá cũng là được ra, không cần phải phá.

Người ta khi lọt lòng ra, Thập-Điện Minh-Vương đã có ngay ở trong thân thể của người; mắt trông, tai nghe, miệng ăn, hình thể vận động, đều có Minh-Vương làm chủ. Nếu tự mình nảy ra tri-thức hay ý-hướng gì thì tức là phạm tội địa-ngục. Minh-Vương ngấm ngấm ở nơi không nghe thấy không trông thấy dõi theo và rèn luyện mà cho vào Vô-gián địa-ngục. Dần dần tri thức càng tăng thì địa-ngục lại tăng thêm một tầng vách sắt, vĩnh viễn không có kỳ hạn nào là được thoát ra.

Phép phá địa-ngục, vua Đế.Thuấn dùng hai chữ tinh-nhất, giữ vững mà không di-dịch. Ông Tuân-Tử nói : « Thủ đạo bất nhị, thiên bất năng vi chi họa » (giữ đạo không hai lòng, trời không thể làm cho tai họa được), tức là như thế. Họ Thích dùng chữ TIẾN, tiến tức là hết sức theo làm mà không ngớt. Sách Nho nói « Tác chi bất [ở 40b] chỉ, nãi thành quân-tử » (làm mãi không thôi, bèn thành ra quân-tử) cũng tức là thế.

Nói rằng NHẤT, nói rằng TIẾN, công-phu đều ở trong một chữ TINH. Nghĩa chữ TINH là không tạp (không pha trộn) vậy. Nói rằng kim-cương bảo kiếm, hay là kim-cương bất-hoại thân, cũng là cái nghĩa chữ tinh mà ra.

Cuối cùng nói là chúng-sinh từ-bi cho nên phần nhiều sa vào địa-ngục, có nghĩa là nếu có từ-bi thì là phạm vào tình-ái-chướng. Ngã vào ruộng tình thì nhiều lưới mắc, đi qua bề dục thì lắm bến mê, tránh sao mà không rơi vào địa-ngục ? Vua Đế-Thuấn, họ Thích-Ca không từ-bi tức là tình-nhất và tình-tiến vậy. Đã tình thì tất là trong sạch sáng sủa, không còn chút gì che lấp vương mắc. Huệ-Năng thiền-sư có lời kệ rằng: *« Bồn lai vô nhất vật, Hà xứ nhạ trần ai. »* (Vốn xưa không một vật, Còn đâu có bụi trần ?). Chúng-sinh nếu không từ-bi thì đi tới đâu cũng có gậy sắt của tôn-giả. Giết hại cha mẹ, giết hại chư tăng, là lời ngu-ngôn vậy. Nghĩa này thấy rõ trong [tờ 41a] kinh Lăng-Già.

Hải-Hòa tăng bản rằng :

Đọc sách Thượng-thư tới một câu *« Nhân tâm duy nguy »* (Lòng người thực là nguy) bất-giác tự toát màu-hôi. Người lòa cười ngựa mù, đêm khuya xuống ao sâu không nguy. Trên chỗ nằm có sợi tơ treo hòn đá muôn cân, lại có đàn chuột tranh gặm sợi tơ có tiếng xèn xẹt cũng không nguy. Cái chày của cối khi chưa giã xuống, nước gỏi đồng khi chưa nong, vạc dầu sôi sục khi chưa ném vào, và khi đứng trông cây gươm núi đao, hơi thở hồng hộc, như là chính giữa 12 địa-ngục, đó mới là rất nguy. Nguy ở địa-ngục là thuộc về hư-huyễn, nguy ở lòng người mới thực là chân-thiết, lòng người ấy tức là lòng dục vậy. Phạm là người, đã có khí huyết tâm-tư thì ai mà không có lòng dục, nhưng không ngờ lại nguy đến thế ? Nếu không được thầy ta nói ra cái phép phá ngục thì [tờ 41b] những kẻ dẫm vào nơi rất nguy đó, làm cách nào mà giải-thoát đề đi tới chỗ bình yên ?

Ngày xưa ông Cao-Đạo làm sáng năm thứ hình phạt để giúp đỡ năm điều dạy răn, khiến cho người ta chạy theo lời giáo mà tránh khỏi vào hình, đó tức là phá ngục của người. Ngục của người trờ trờ sáng rõ có thể lập phương pháp mà tránh xa được. Đến như địa-ngục thì mờ mờ mịt mịt, chỉ ở

trong tắc da của người, nên kẻ biết được rất ít mà kẻ phạm tội thì nhiều, không phải là bậc đại-lực-lượng thánh-nhân thì không thể nào phá được.

Bởi vì người ta ai ai cũng có tấm lòng như thế, nhưng chỉ phóng ra mà không biết thu lại, tung ra mà không biết kim lại, cho nên sa vào tà-xử, hãm vào lầm lỗi, mắc vòng ân-ái không có kỳ hẹn thoát ra, đắm vũng lợi danh tự giam vào nơi khổ-não, chạy cũng không thoát, nhảy cũng không lên. Đức Phật Thích-Ca vì đó thương xót, mới dạy cho phương pháp MINH-TÂM [tờ 42a] KIẾN-TÍNH (làm sáng cõi lòng, làm rõ cái tính). Khi đã sáng được cõi lòng thì tấm lòng vốn sẵn không hư; khi đã rõ được chân-tính thì hãm không giữa giãm. Phạm nhất thiết các sự các vật trong thế-gian đều coi là bình-dẳng, tính-tiến không hề trễ nãi, bèn trở thành đạo Phật. Không nhớ, không sạch, không tăng, không giảm, hết thấy đều lìa xa chốn khổ, đó tức là pháp-môn đệ nhất phá tan địa-ngục.

Thế nào bảo là Kim-cương bảo-kiểm, thế nào gọi là Kim-cương bất-hoại-thân? Phật sinh ở phương tây, thuộc về canh-tân-kim, được cái chính-khi của loài KIM. Các vật đều thành ở mùa thu mà thoát ở phương đông, nhưng duy có kim-cương là không thể nát, cho nên Phật dùng tinh-lực cắt đứt hết thấy nghiệp-chướng mà gọi là kim-cương bảo-kiểm; và không sinh không diệt nên gọi là kim-cương bất-hoại-thân. Đó chỉ là nói ví như kim-cương mà thôi. Còn trên đời này hoặc vật gì bằng kim-cương thì có, chứ khi nào lại có cái thân người bằng kim-cương được.

«Thiên nhất sinh thủy, địa lục thành chi; địa nhị sinh hỏa, thiên thất thành [tờ 42b] chi; thiên tam sinh mộc, địa bát thành chi; địa tứ sinh kim, thiên cửu thành chi; thiên ngũ sinh thổ, địa thập thành chi» (2).

Ở trời thì là ngũ-đế, ở người thì là ngũ hành, ở âm-ty thì là Thập-Điện Minh-Vương. Từ khi có trời đất, thì có ngay

một thứ mà không bao giờ hủy hoại, đó tức là kim-cương-thân. Chỉ vì chúng-sinh từ-bi, bị sông Ái gìm đắm, tham luyến không cùng, thu dung quá nhiều, hỏa thịnh thì mộc ra tro, kim thịnh thì thổ khô ráo, mộc thịnh thì thủy ngưng trệ, thủy thịnh thì kim chìm đắm, thổ thịnh thì hỏa ngấm tắt, dùng trái ngũ-hành, sinh khắc quá mức; phạm tội ác ấy nên sa địa-ngục, rồi Thập-Điện Minh-Vương mời nhân theo những việc đã phạm mà trị tội. Trái thế, nếu biết được rõ ràng, bỏ được giết đoạt không bị từ-bi vấy bọc thì còn cớ gì mà sa địa-ngục?

CHÚ - THÍCH

(1) Vô-gián địa-ngục tức là A-Tỳ-ngục. Theo sách nhà Phật hễ phạm tội ngũ-ngạch thì phải vào ngục ấy.

(2) Tương truyền đời vua Phục-Hy bên Trung-quốc có con Long mã hiện ra trên sông, nhà vua liền phỏng theo những vết vằn trên con Long-mã mà vạch ra bát-quái (tám quẻ) và gọi là Hà-Đồ. Cái vằn trong Hà-Đồ là tất cả có 55 số: 25 số chẵn và 30 số lẻ, những số đó chia ra làm 4 phương và trung-ương: Số 1 và 6 là ở dưới cùng, số 2 và 7 là ở trên cùng, số 3 và 8 ở bên tả, số 4 và 9 ở bên hữu, và số 5 và 10 là ở chính giữa. Cũng do các con số ấy mà lập thành vũ trụ, bắt đầu sinh ra NƯỚC, thứ nhì sinh ra LỬA, thứ ba sinh loại MỘC, thứ tư sinh loại KIM và thứ năm sinh loại THỔ (tham-khảo trong Từ-Hải).

THU THANH

(Tiếng Thu)

HOÃ C có người hỏi : — Tiếng thì chỉ có phóng ra, vậy sao lại có tiếng THU ? Xin thưa rằng : — Tiếng sấm kia khởi lên từ chỗ phát ra, cách xa chừng hàng vạn dặm, nhưng do cái tai ở ngoài vạn dặm nghe thấy, đó lúc là tiếng THU vào vậy.

Ồi, cái tiếng kia đã có phát ra thì tất nhiên là phải có thu vào. Phát ra tức là phóng mà thu vào tức là THU. Tiếng nhạc tiêu-thiền (1) lọt vào tai mà trong tâm tự nhiên thông sáng, đó là tiếng thu vào tâm. Gió thổi trên sông lọt vào tai thành tiếng, đó là tiếng thu vào tai. Tuy nhiên, cũng phải là những bậc tuệ-tâm tuệ-nhân thì thấy được tiếng thu, ngoài ra những hạng nghe cũng không thấy, thấy cũng không biết thì làm sao có thể nói được ?

oOo

Hải-Lượng đại-thiền-sư nói :

— Vô-lượng-lực Đại Bồ-tát không xuất-gia, Vô-lượng-lực Đại Bồ-Tát độ [tờ 42b] được vô số trăm ngàn chúng-sinh và lấy vô số trăm ngàn chúng-sinh làm nhà. Đó là đức Bồ-Tát gồm cả trăm ngàn vạn ức người mà làm thành quyến-thuộc. Đức Không-Tử lấy ức ngàn vạn đời làm nhà nên các đế vương ức ngàn vạn năm cùng đem thần dân mà theo vào đó. Không-Tử lặng lẽ không hề động tới, duy nhờ cảm biết mà thông đạt được các lẽ ở trong thiên-hạ. Đại-thế-chí Bồ-tát

đã vào cõi vô-lượng tam-muội, tâm thân không động, phóng hào-quang soi ra phương đông mà vạn ngàn thế-giới không đâu là không khắp ; đó gọi là pháp-gia. Pháp-gia thì không xuất-gia. Nhà Nho cũng nói « Bất xuất gia nhi thành giáo ư quốc » (không ra khỏi nhà mà thành được giáo-hóa trong nước) cho nên thành-nhân cũng lấy thiên-hạ làm như một nhà.

Chúng-sinh nhiều ô-trọc, lại vì quá tham nên mới phải ra khỏi nhà. Ta nghe đức Không-Tử nói : « Điều thứ bất khả dĩ đồng quần, [tờ 44a] ngộ phi ty nhân chi đồ dĩ nhi thù dĩ » nghĩa là (chim muông khôn thể cùng đàn, nếu ta không cùng với người ấy thì còn cùng với ai). Trong kinh Liên-Hoa cũng nói : « Ta xem nhất thiết mọi vật đều là bình đẳng, không có chút lòng dầy với kia, yền với ghét ; ta không tham lam không chấp-trước, không hạn-chế không trở-ngại ». Không trở ngại tức là cái nghĩa đại-dồng của nhà Nho vậy.

Hải-Âu Hòa-thượng bàn rằng :

Trời không sinh sản mà muôn vật hóa ra ; đất không nuôi dưỡng mà muôn vật lớn lên. Cho nên nói rằng không gì thần bằng trời, không gì giàu bằng đất, nghĩa là không chỗ nào mà không có trời có đất. Bởi thế, Phật có thể lấy vô số chúng-sinh làm nhà, tâm thân không phải động mà soi suốt vạn ngàn thế-giới ; thành-nhân lấy vạn ức đời làm nhà, lẳng-lẽ không động, cảm mà tự thông suốt đại-đạo. Đó là tâm tức là trời đất, sự rộng lớn không ngoài khoảng vũ-trụ, một việc hay một vật gì không có xa cũng không có [tờ 44b] gần, đều là tâm có thể đến. Vì thế Phật gọi là Phật-gia (nhà Phật), Nho gọi là Nho-gia (nhà Nho), mà tóm lại đều gọi là pháp, cho nên mới nói là Pháp-gia.

Cái nghĩa chữ GIA (nhà) bao gồm rất rộng, khắp từ trên dưới và thế-giới không đâu không phải là nhà, vậy nếu cho có muốn xuất-gia thì xuất ra ở đâu? Cũng vì thế mà đức Bồ-Tát không hề xuất-gia, mà nhà Nho cũng không hề xuất-gia. Chúng-sinh vì nhớ đức không hiểu cái nghĩa hai

chữ xuất-gia, cho rằng học theo Phật tức là xuất-gia. Nhưng nào biết đâu Phật vốn không có Phật thì lấy đâu mà theo Phật, thân tức là nhà thì xuất vào đâu? Cái đó tất là phải tâm với thể thường sáng, chiếu ứng thường suốt, thì trí-thể lạng-lẽ, chiếu-dụng đều đều, tới đâu cũng không chút gì ngăn chặn trở-ngại. Bởi thế cuối cùng lại dẫn thêm lời nói của Phật và sách chép của nhà Nho để cho sáng tỏ các lẽ ở trên.

Hải-Hòa-tăng bản rằng :

Phàm nói là Vô-lượng-lực Đại-Bồ-Tát, Đại-thế-chí Bồ-Tát, đều là [tờ 45a] nói có sức rất lớn có thể rất lớn, thân coi thiên-hạ, đức thắm đượm-thời, ơn để muôn đời, có thể tế-độ vô-số chúng-sinh, tức là cái nghĩa bác-thí tế-chúng (rộng ra ơn, giúp quần chúng) vậy.

Lấy vô-số chúng-sinh làm nhà tức là thiên-hạ như một nhà ; và phóng hào-quang soi khắp thế-giới tức như là ở sâu trong chốn cửu-trùng mà giáo-hóa ra ngoài bốn bề. Có công có đức đến những bậc ấy mới gọi là Phật. Bằng bảo có xuất-gia mới có thể thành Phật, vậy các vị Bồ-Tát đã xuất-gia thì làm sao mà còn có được hàng trăm hàng ngàn muôn ức người cùng là quyến-thuộc? Có được trăm ngàn muôn ức người cùng là quyến-thuộc thì có khác chi là một vị nguyên-hậu (thiên-tử) đứng lên làm cha mẹ dân.

Bởi thế nên phàm đã có được thiên-hạ, hay có được một nước, thì lực và thế rất mạnh không gì mà không làm nổi ; hơn nữa là lại có thể coi hết thấy như là bình-đẳng, ngăn giữ bảy tình, tu sửa mười nghĩa, [tờ 45b] dầy việc thiện lợi, trừ việc hại, ơn đức bao trùm, không đâu không khắp. Không cần bước xuống dưới bề mà giáo-hóa tràn khắp như thần, đó tức là Vô-lượng-lực Bồ-Tát, Đại-thế-chí Bồ-Tát. Vậy có đâu mà là xuất-gia?

Mọi người thấy đức Điều-Ngự là hàng Tồ thứ nhất khi ra ở chùa Yên-Hoa thì cho ngay là Ngài xuất-gia. Nhưng có biết đâu, đương lúc bấy giờ, đức Tồ biết lấy thiên-hạ làm công-cộng, gặp lúc nước nhà yên ổn song nước láng-diềng

rất mạnh ở ngay bên cạnh chưa được yên tâm, mà việc đó không thể nói ra sợ dễ lòng người dao-động ; nhân xét thấy Yên-Tử là một ngọn núi cao, phía đông có thể nhòm mặt tỉnh Yên tỉnh Quảng, phía bắc có thể trông tới Lạng-Sơn Lạng-Giang, nên mới dựng nên ngôi tự-viện, thời thường qua lại xem sự động tĩnh, khiến cho quân giặc ở ngoài không thể gây nên những việc đáng lo. Đó thực là Vô-lượng-lực, Đại-thế-chí Bồ-Tát. Trong lúc đó duy có Huyền-Quang là hơi hơi hiểu thấu cao-ý của ngài, cho [tờ 46a] nên mới bỏ cái địa vị trạng-nguyên mà sớm khuya theo dõi với Người. Đó cũng là Vô-lượng Kiến-thức Đại Bồ-Tát vậy.

CHỮ - THÍCH

(1) Tiều-thiền là khúc nhạc của vua Ngụ-Thiếu bên Trung-Quốc.

[Iở 46b] **ĐỊNH THANH**

(Tiếng Định)

THÍCH-GIÁO không phát-minh nên người đời gièm chê càn giữ, chỉ trông ở chỗ thuyền đề (1) thô thiển, thành ra quần chúng bàn tán rối ren, không đâu là chính đáng. Thiền này nhắc đi nhắc lại, phân biệt hai loại quân-tử và tiểu-nhân ; song quay về chốt-yếu cũng chỉ ở trên tâm và tính mà thôi.

Dù Nho dù Thích, tác dụng cũng ở cái ĐẠO, tuy khác đường lối mà cùng về một chốn, tuy vạn sự khác nhau mà cùng là một gốc. Hai chữ « Phương kim » và « Tương kim » từ tiền-cổ chưa phát-minh ra, vậy lời nói đây thực là chỉ-lý, cho đâu có ai nổi lên cũng không thể nào thay đổi được. Đó gọi là ĐỊNH-THANH chẳng là xứng đáng lắm sao ?

oOo

[Iở 47a] Hải-lượng Đại-thiền-sư nói : — Nho có quân-tử-nho, có tiểu-nhân-nho ; Thích có quân-tử-thích, có tiểu-nhân-thích : Nho quân-tử thì vị-kỷ, nho tiểu-nhân thì vị nhân ; Thích quân-tử thì vị nhân, thích tiểu-nhân thì vị kỷ.

Đồ-đệ liền bạch sư rằng :

— Nhân (người khác), kỷ (chính mình) có khác nhau chăng ?

Đại-sư đáp rằng :

— Nhà Nho bàn cái mình của mình và cái người của người là theo trên tâm tính mà ra, Còn như quân-tử Thích

thì bỏ mình để giúp người, tiểu-nhân Thích thì là hai người để nuôi mình ; đó cái mình và cái người dựa trên lý-đức mà phân biệt. Cái nhân kỷ kia với nhân kỷ này tuy công-phu tác-dụng khác nhau, nhưng nói về tâm-lý thì cũng dồn về một cả. Vì thế nhà Nho nói chính-tâm (chính cái tâm mình), nói thành-tính (thành thực cái tính mình) ; nhà Phật thì nói minh-tâm (làm cho sáng tâm mình), nói kiến-tính (thấy cho rõ tính mình), đó đều cùng nói lên cái đạo của quân-tử phi (sáng sủa) mà ẩn (kin đáo). Vua Văn-Vương soạn hậu-thiên trong kinh Dịch lui vị Kiền (trời) về góc phía bắc ; nhà Phật nói phương tây-bắc có thánh hiền hóa sinh, thân như [tờ 47b] hoàng-kim không biến mà không động. Tây-bắc là vị kiền-đoài, kiền-đoài là đất vô-dụng, vậy là lui về đất vô-dụng để chứa sự có dụng vậy. Nhà Phật nói « tướng kim », nhà Nho nói « phương kim » tức là giấu kim vào nơi vô-dụng theo đúng đạo trời. Nhưng đó cũng duy có quân-tử là hiểu biết được.

Hải-Âu Hòa-Thượng bàn rằng :

Trong một chương này, tả Nho và Thích đều có quân-tử và tiểu-nhân. Quân-tử Nho thì vị kỷ, tiểu-nhân Nho thì vị nhân ; quân-tử Thích vị nhân mà tiểu-nhân Thích vị kỷ. Hai chữ nhân và kỷ kia với nhân kỷ này tuy chữ thì giống nhau nhưng nghĩa thì có khác. Mong theo thánh hiền, thân làm tâm hiền, đó là cái học vị kỷ của quân tử Nho. Đem bút mực để cung sự nói cười, lấy văn-chương để nịnh công hầu giống như chàng Trương-Như bày trò đùa (2) đó là cái học vị nhân. Dùng niết-bàn để độ chúng-sinh, [tờ 47a] hiện không-hoa để tiêu nghiệp-chướng mà mình không có gì vào đó, là quân-tử Thích vị nhân. Chùa quán nguy-nga, biến vô-tướng làm hữu-tướng mà tự mình chiếm ở ; chạy đàn phá ngục, dùng lời huyền hoặc làm hư-vấn mà mình cầu tư lợi, đó là tiểu-nhân Thích vị kỷ. Cho nên Nho mà vị nhân thì là đạo nho (Nho ăn cắp), Thích mà vị kỷ thì là đạo-tặc (giặc của đạo). Công phu tác dụng tuy khác nhau nhưng rút về đều cũng một lẽ phải.

Bởi thế, Nho nói chính-tâm, thành-tính ; nếu chính được tâm thành được tính thì không vị nhân, rồi suy rộng ra thì

tức là không cầu no không cầu yên, không cầu người nghe tiếng, không cầu được thành đạt. Phật nói minh-tâm kiến tính; nếu minh được tâm, kiến được tính thì không vi kỷ, không vi kỷ mà suy rộng ra thì có thể cắt đứt lục trần, tiêu bỏ bảy nghiệp, [tờ 47b] không giới không lừa, có thể diệt có thể định, cho tới rất lớn mà không tự biết. Nhà Nho bảo rằng cái đạo quân-tử sáng sủa mà kín đáo, ở đời mà như ra ngoài đời, cùng với vật mà xa vật, tức là dùng những cái không dùng vậy. Điều đó duy quân-tử là mới có thể biết. Quê hậu-thiên của vua Văn-Vương lui Kiền về tây-bắc; Phật nói thân thánh hiền như vàng không biến mà không động. Kiền được cái tượng chỉ dương, vàng là cái vật rất rắn, ở vào tây-bắc là nơi không dùng để giấu cái thề có dùng, đều là nghĩa ấy.

Hoặc có người hỏi: Chương trên có nói lý không thể theo hết, đục không thể giứt hết, đối với chương này nói lý và đục lại hơi khác nhau, điều đó không khỏi dễ cho học giả nghi ngờ? Vậy xin thưa: trong kinh Kim-Cương có nói « ưng vô sở trụ, nhi sinh kỳ tâm » tức là phải nên không đóng ở một nơi mà nầy cái tâm mình. Trong kinh Lăng-Già cũng có nói « Trụ vi chủ-nhân, bất trụ vi khách » tức là Thường-trụ là chủ-nhân, không thường-trụ là khách. Nghĩa chữ TRỤ này với chữ TRỤ kia là không [tờ 48a] giống nhau. Lời nói của bậc chỉ-nhân khác nào đấng hóa-công tạo ra vạn-vật, đều tùy theo từng ý mà nói, không hề ấn-định một mực bao giờ.

Hải-Hòa-tăng bàn rằng:

Nho sao lại có quân-tử có tiểu-nhân? Thích sao lại có quân-tử có tiểu-nhân? Đó chẳng qua chỉ vì khi-bẩm không giống nhau và xu-hướng mỗi người một khác mà thôi. Tóm lại mà nói thì nghĩa không thể bỏ mất mà lợi thì không thể chuyên theo. Vậy lấy nghĩa mà nói thì vi kỷ là quân-tử, vi nhân là tiểu-nhân; nhưng lấy lợi mà nói thì vi-nhân là quân-tử mà vi-kỷ lại là tiểu-nhân. Cái công phu về mặt tác dụng không giống nhau, nhưng sự phân rẽ ra công với tư và sự chia khác về được với hỏng là chỉ tranh nhau ở hai chữ NGHĨA và LỢI. Vậy muốn thấy rõ sự phân biệt về NGHĨA với LỢI, lại cần phải căn theo từ tâm-tính mà ra,

cho nên nhà Nho thì mong chính-tâm và thành-tính, nhà Phật thì cần [tờ 48b] minh-tâm và kiến-tính, đó đều là tỏ rõ cái đạo của quân-tử là sáng sửa mà kín-đáo vậy.

Nói đến ĐẠO, không phải sáng sửa là khó mà kín-đáo lại là khó. Kiền là cha của muôn loài mà hậu-thiên lại lui vào tây-bắc là nơi vô-dụng để giấu những cái kín-đáo vậy. Kỹ-thuật không kín-đáo thì không tinh, đạo-phép không kín-đáo thì không thiêng; Kiền ẩn kín ở giữa khoảng thu và đông cho nên đứng đầu cả tứ duy (3), thập can (4) và thập-nhi-chi (5).

Thường được nghe Huyền-Quang tôn-giả khi ở nhà thì là cái đình Vạn-ty mà khi xuất-gia thì ở ngôi chùa Đại-Từ, đúng như một sợi kiền-long không giốn ghép vào đầu cho nên nhang khói từ bấy tới nay vẫn làm một vị Tồ trong Trúc Lâm. Ôi, đó há không phải nơi vô-dụng là rất thần-hiệu hay sao?

Lại nói ngay đến các đồ vật cũng đều như thế mà không khác. Ngay như ngôi chùa Trấn-Quốc ở Tây-Hồ của ta, trải qua bao phen binh-biến, bao nhiêu đồ đồng đồ sắt thấy đều tiêu mất, mà riêng [tờ 49a] cái chuông vàng cùng cái khánh đá tới nay thỉnh-thoảng vẫn còn vang kêu ở dưới làn sóng và trong khóm cỏ cây. Như thế há không phải chính những thứ vô-dụng lại là bền bỉ hay sao? Phật sinh ở tây-phương, không những là bầm-thụ cái tính chất kim-cương mà hơn nữa cũng là ẩn ở nơi vô-dụng cho nên mới được trở nên bất-hoại vậy.

CHÚ THÍCH

(1) Thuyền cái nôm bắt cá, Đê cái trồng bắt thỏ. Đây nói vì như chỉ biết hai cái đó mà quên cá và thỏ, tức là tìm kiếm sự thực mà không ra.

(2) Tư-Mã Tương-Như là người ở đất Thành-Đô thuộc đời nhà Hán bên Trung-Quốc, là một tay tài lanh học giỏi, thường nhờ về những bài văn nổi tiếng mà được ra làm quan.

(3) Bốn đường mối để giữ mình và trị nước, tức là Lễ, Nghĩa, Liêm và Sỷ.

(4) Thập can là mười hành Can, tức là Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm và Quý.

(5) Thập-nhi-chi là mười hai hàng Chi, tức là Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất và Hợi.

[Tờ 49b] **TỊCH - NHIÊN VÔ - THANH**

(Tiếng Lặng - Ngắt)

CHIM phượng-hoàng thường không kêu, nhưng khi kêu lên thì tất là cho người ta phải kinh sợ. Đương lúc chưa kêu đó chính là cái Lặng-Lẽ không có tiếng, nhưng cái tiếng làm cho người ta kinh sợ kia thực đã chứa ở từ nơi lặng-lẽ mà ra. Cây đàn của Đào-Uyên-Minh (1) không có dây mà vẫn tự-dắc ở ngoài âm-luật, nghĩa là cái ý của âm-luật có thể là do ở chỗ không dây, mà không phải do ở tiếng đàn mà nảy ra được.

Phạm vật, có cảm thì phải có ứng, đến như cảm mà không ứng thì chỉ [tờ 50a] duy có một sự lặng-lẽ mà thôi. Lấy cây vỗ đánh vào chuông thì thấy oang oang nổi tiếng, nhưng lấy vỗ mà đánh ra quăng không mà tìm tiếng thì không thể thấy. Nhưng tới lúc giữa đám không-trung mà phát tiếng ra thì cả vàng lẫn sắt cũng đều kêu lên ; đó là không đợi cảm mà tự ứng, là do nơi cực kỳ tịch-diệt và sức-tích rất lớn cho nên phát tiếng ra rất rộng vậy. Hỷ-thanh (tiếng thưa thớt) của ông Thiệu-Khang-Tiết (2) và tiếng Lặng-lẽ không tiếng của Đại-thiền-sư có lẽ được trúng cái tâm của trời đất chăng ?

oOo

Đại-thiền-sư nói : — Phật nói tịch-diệt, không phải bảo là tịch-diệt vậy. Tịch (lặng-lẽ) là đối với HUYỀN (ồn-ào), DIỆT (giệp tắt) là đối với KHỞI (nổi lên). Nếu biết diệt được cái tính của người thì tức có thể khởi được tính của trời.

Phần nhiều cái tính của trời khó lòng khởi lên mà tính của người thì khó diệt hết. Nếu khi diệt được tính người thì vạn sự cảm đều lặng-lẽ mà một lẽ thực [tở 50b] tự ra. Chuông trống ở trước mắt mà tai không bị loạn, là lượt ở trước mắt mà mắt không bị mờ ; muôn quân ngàn ngựa ở trước mắt mà lòng không bị động ; như thế mới gọi là TỊCH.

Người đời đồn rằng đức Điều-ngự Giác-Hoàng cho một cung-nữ (cò gái hầu trong cung) đến đề thử Huyền-Quang. Vậy có lẽ Giác-Hoàng có thể Diệt mà Huyền-Quang không thể diệt hay chăng? Hoa tuyết không có gốc, gương nước không có đế, cái đế và cái gốc làm sao có thể làm chuyển động hoa với gương kia được ?

Hải-Âu Hòa-thượng bàn rằng :

Huyền vậy thay nghĩa hai chữ TỊCH DIỆT. Không huyền-náo thì làm sao có tịch tịch ? Không hưng-khởi thì làm sao có tuyệt-diệt ? Huyền-náo và hưng-khởi là tính người, mà tịch và diệt là tính trời, so với nhân-tâm và đạo-tâm cũng giống hệt nhau. Mừng giận vinh nhục khuây rồi trong tâm đó là cái chương-ngại của tính người vậy. Nay nếu diệt được nhân-tính [tở 51a] thì thiên-tính tự khắc được toàn. Thiên-tính toàn thì là Định, định đó tức là tịch-diệt. Sách Nho nói là vô-ngã (không có ta) sách đạo nói là tánh-ngã (chôn mất ta) đều là nghĩa ấy.

Tuy nhiên, có cảm mà lại tịch được thì mới thực là tịch. Tai cốt đề nghe, nay chuông trống ở trước không phải không nghe thấy chuông trống, nhưng mà không rối loạn. Mắt cốt đề trông, nay là lượt bày ra trước mắt không phải không trông thấy là lượt, nhưng không bị che mờ. Sống chết sợ hãi đều do tâm con người ta, nay bình mã ở trước mắt không phải không biết, nhưng không hề bợn được đến tâm. Như thế mới gọi là chân-tịch. Vì bằng không có chuông trống, không có là lượt, không có bình mã thì tai mắt và tâm không có gì chạm tới ; đã không có gì chạm tới thì con muôn kia cũng có thể có Phật-tính, như vậy mà bảo là không mờ, không động thì

[tờ 51b] không phải là TỊCH vậy. Tất là ta phải trông thấy thực-thể của ta không có chút gì chường-ngại thì những cái ở ngoài tới tức khắc lại tự ra ngoài.

Chim bay qua đầm nước, chim đi rồi thì đầm nước không còn thấy bóng con chim. Lờn ví dụ hoa tuyết và gương nước trên đây tức là thể.

Người đời đồn là Điều-Ngự Giác-Hoàng đem người cung nữ ra để thử Huyền-Quang, vậy có lẽ nào Giác-Hoàng có thể diệt mà Huyền-Quang lại không thể tịch? Huống chi mang thêm một tấm lòng ngờ vào đó thì tức là chưa hiểu biết vậy. Chuyện ấy có lẽ do kẻ ngoa-truyền mà ra.

Hải-Hòa-tăng bàn rằng:

Nhắm mắt tĩnh tâm, ngồi lặng không cự, là lúc chur tăng ta nhập-định. Có vật mà không trông thấy, có tiếng mà không nghe thấy, là cũng bởi tĩnh định mà tĩnh yên, lại cũng bởi tĩnh yên mà tĩnh định, đó tức công-phu tịch-diệt vậy.

Tịch là cái mảy của sự động, diệt là cái triệu của sự khởi; [tờ 52a] lòng dục diệt mà lẽ trời động, ý riêng diệt mà chân-tĩnh khởi. Nếu thực gạt hết bất thiết lòng dục và ý riêng thì thiên-chân của ta sẽ thò bật ra, tâm ta được sáng, tính ta được rõ, vạn sự vạn vật trong thế-gian thấy đều có thể cho là bình-dẳng, không còn ham ở thanh, không còn luyến ở sắc, không còn sợ ở uy thì chuồng trống, là lượt, muôn quân ngàn ngựa bày ra trước mắt cũng không bận gì đến ta. Chỉ vì tịch cho nên mới có thể không, chỉ vì không cho nên có mà cũng coi như không có vậy.

Trước đây Giác-Hoàng đem cung-nữ ra để thử Huyền-Quang, không phải là ngờ Huyền-Quang chưa được tịch mà chính là làm ra như thế để chứng minh là Huyền-Quang đã đi đến tịch và để cho mọi người đều tin thực mà không nghi ngờ nữa.

CHÚ . THÍCH

(1) Đào-Uyên-Minh tức ông Đào-Tiêm, người đời Tấn bên Trung-Quốc.

(2) Thiệu-Khang-Tiết tên là Thiệu-Ứng, người đời Tống bên Trung-Quốc.

TRÁC THANH

(Tiếng Dẽo)

THẾ-vị, [tờ 52b] tài-sắc, cung-thất, xa-mã, tôi đòi hầu hạ, đều là những cái khó lòng giứt bỏ. Thường-tình con người đến những cái đó chỉ những lo bị mất đi, huống chi là lại giứt bỏ được sao? Thế-vị tài-sắc rút cục là vô vị mà cùng là những thứ hão huyền. Nếu mình là con người lộn xộn, đối với hết thầy đạo pháp đều coi như là từng cảnh từng giới thì không thể nào mà giứt bỏ được. Nhưng nếu là một bậc cao-minh, thực đi tới chốn lìa có lìa không, không một mây may gì không gạt bỏ thì cho dầu các cảnh loạn-hoặc bày ra trước mắt cũng chỉ coi như mộng-huyễn mà thôi. Ngay đến những lúc đương ở vào cái cảnh có đủ thế-vị và tài-sắc nhưng cũng coi như là thường có, mà cái khoảng không của đám mây kia, đến khi mây tan thì khoảng không tự khắc lại lộ ngay ra. Những bậc chân-tu, một khi hồi-đầu lại thì bao phiêu thế-vị và tài-sắc đều coi như nắm đất thó của bọn người mọi đem đắp lên mũi mà thôi. Như thế, đáo-để lại là những sự vật rất là dễ giứt bỏ [tờ 53a]. Đó mới gọi là TRÁC-THANH.

oOo

Hải-Lượng Đại-thiền-sur nói: — Không thế-vị thì không thể thành Phật; không tài-sắc thì không thành Phật; không cung-thất xa-mã thì không thành Phật; không tôi tớ hầu hạ thì không thành Phật.

Đồ-đệ liền bạch với sư rằng: — Vậy xin trọn đời làm theo đề cho được thành Phật,

Đại-sur lại nói tiếp : — Ông Kiệt, ông Trụ, ông U, ông Lệ, Phi-Liêm, Ác-Lai, Đào-Ngột (1) cũng có thể trọn đời làm được. Mười lăm giống quý khi chưa thành quý cũng có thể trọn đời làm được. Những kẻ bần cùng đói khát khổ sở không thể kêu van vào đâu cũng có thể trọn đời làm được. Vậy có lẽ riêng các người lại không thể trọn đời làm được hay sao? Đức Điều-Ngự Giác-Hoàng bỏ ngôi vạn-thăng mà đi, chiếc thân đau khổ, chịu 36 đấm mà mình không biết đau ; cho nên đã có mà lại bỏ [tở 53b] được mới là khó.

Đại-lực-lượng Bồ-Tát coi vàng như cát sỏi, đối với kẻ nghèo chỉ cầu có được một chút vàng đến nỗi có khi bị chết lẫn lóc mà một chút vàng cũng không thể có, huống chi là thế-vị và tài-sắc? Nhà Nho nói là ĐỊNH-MẠNG, nhà Thích nói là TIỀN-KIỆP, tiền-kiếp cũng là định-mạng không thể thay đổi được vậy. Phú quý mà không cho là có được phú quý tức là bậc cao-sỹ biết chế mạng và đại-sỹ biết hóa kiếp, vì thế cho nên mới thành Phật.

Hải - Âu Hòa - thượng bàn rằng :

Sách Nho nói : không trông thấy những điều đáng muốn mà tâm chẳng loạn, đó là đề nói với những hạng người trung-lưu trở xuống. Nếu tiến bậc nữa thì là thấy có điều đáng muốn mà lòng không loạn, và lại tùy theo sự muốn mà tiến lên đến đạo. Đó tức là nhuộm mà không đen, trơ trơ không đông vậy.

Bởi thế, không có thế-vị thì sao biết nơi làm quan là sóng gió, đường đời là chông gai, và khi đã biết rồi thì coi [tở 54a] thế-vị lại nhạt nhẽo như không. Không có tài-sắc thì sao biết chừa của là giặc giữ tiền, mà hồng là cái thầy ma, và đã biết rồi thì coi tài-sắc chỉ là một vật ngoại-lai không thiết.

*« Làng xóm khi xưa đều chủ mời,
Một xe một ngựa vạn người lên ».*

Nếu hiểu được như thế thì cung-thất và xa-mã cũng đều là cái chiếu ngồi trước nơi cửa Phật mà thôi.

*«Nhiều của kinh con út,
Trái thời tớ giỡn thầy».*

Nếu biết như thế thì tôi tớ hầu hạ đều là thầy và bạn
tốt của ta.

Những bậc đại-lực-lượng xưa nay đối với những khô-
cảnh tham-luyến ái-dục ở trước mắt đều cho là những thứ
hư đức mài giũa để cho tiến lên cõi đạo. Nhà sư Tế-Điền
từ chỗ uống rượu ăn thịt mà hiểu thấu đạo. Lô-Tri-Thâm từ
chỗ phóng lửa giết người mà biết đến đạo. Mãn thiên-sư đọc
Tây-Sương-Ký đến câu «làm sao cho nét thu-ba (con mắt)
của kẻ kia chuyển sang mình một chút» mà thấy được đạo.
Đó đều là ở giữa chốn bùn lầy mà nảy ra một [tờ 54b]
hông sen đỏ, ở giữa nơi lò lửa mà mọc ra ngôi báu. Những
lời nói của Đại-thiền-sư thực là cái điều mà trăm ngàn
kinh Phật vẫn chưa nói ra.

Kiệt, Trụ, U, Lệ, Phi-Liêm, Ác-Lai, Đào-Ngột trọn đời
làm ác cho nên thành người ác. Mười lăm giống quỷ khi
chưa làm quỷ cũng trọn đời làm việc rữ cho nên thành ra
quỷ rữ. Kẻ bần cùng khốn khổ trọn đời không đời bỏ được
tướng bần cùng cho nên thành hạng người cùng. Những
hạng người đó đều như là đúng nước vấy bùn trong nơi
ngàn dặm mịt mù mà trọn đời không sao tự biết.

Đức Giác-hoàng bỏ ngôi vạn-thặng như cái giếp nát,
thân chịu đánh đau mà không biết, bao nhiêu vinh nhục
tham sân, không một mây may còn bợn trong tâm cho nên
mới thành đạo Phật. Bọn đồ đệ nói với đại-sư xin trọn đời
làm theo để thành đạo Phật, nhưng không biết rằng cái việc
theo làm đó nếu không hiểu thấu mà sa vào ác-đạo đã đành
không bỏ nói chi, [tờ 55a] nhưng nếu làm điều thiện mà
nguyện trọn đời làm và nguyện cho thành được thì lại là sa
vào hữu-tâm-tướng; vì thế nên đại - thiền - sư đem cả một
đoạn ra để giảng bảo. Cuối cùng lại nói đến định-mạng và
tiền-kiếp, tóm lại cũng là cái mạng không thể thay đổi vậy.
Bậc cao-sỹ chế được mạng, chế ấy tức là chặn lại mà không
để đến loạn; bậc đại-sỹ hóa được kiếp, hóa ấy tức là thần

mà hóa được vậy. Hóa được kiếp thì là Phật-tổ, mà chế được mạng thì là đại-nho.

Hải-Hòa-tăng bàn rằng :

Thế-vị tài-sắc, cung-thất xa-mã, tòi tở hầu hạ, không phải cứ có thể mới thành được Phật, duy có thể mà bỏ giữ được mới là khó. Cũng không phải cứ không có thể mới thành được Phật, duy có thể mà vẫn xử được thân-nhiên mới là khó. Vì thế đức Giác-hoàng bỏ sự cung phụng của một vị đế-vương, một mình đi ngao du miền đông, không mang theo một đồng một chữ, sáu mươi lần độ mà được nên danh.

[Tở 55b] Gần đây Già-nam tổ là Chuyết-công hành-cước từ phía nam lại, ở trống trải dưới gốc cây suốt ba tháng rồi sau đến nhận-tháp ở làng Siêu-loại, đến nỗi phò-mã quốc-công phải mang tàn quạt đến đón. Vậy việc sư tổ Già-nam hoặc có hoặc không cũng là định-mạng, và chẳng qua cũng là tiền-kiếp tiền-duyên báo lại mà thôi.

Những người hiền đạo, không nên lấy sự có làm vui, mà hãy bắt chước đức Giác-hoàng, suỵ rộng tấm lòng bao quát của ta cho tới mức trông lên trông xuống nhất thiết cái gì ta cũng không dự, thì cái phú quý không đủ làm cho ta trọng. Và cũng không nên lấy sự không làm buồn, mà hãy bắt chước Chuyết-công của ta, gắng nuôi cái khí hao-nhiên cho tới mức trông ra nhất thiết các sự vật đều không hề chạm đến tâm ta, thì bần tiện cũng không đủ làm cho ta khinh.

Cho hay : người đời sinh ra là bần-thụ ở trời cho nên gọi là MẠNG, bậc cao-sỹ chế được mạng thì tức là [tở 56a] người thắng được trời ; kiếp trước chuyển sang kiếp sau nên gọi là KIẾP, đại-sỹ có thể hóa được kiếp thì tức là ở kiếp sau mà lại phản được kiếp trước. Giác-hoàng hóa được kiếp phú-quý và Chuyết-công hóa được kiếp bần-tiện cho nên các bậc đó đều là thành Phật. Chân-ngôn diệu-đế của Đại-thiền-sư thực có thể khiến cho đá cũng gât đầu.

CHỮ - THÍCH

(1) Kiệt là vua nhà Hạ, Trụ là vua nhà Thương, U và Lệ là vua nhà Chu ; Phi-Liêm là bầy tôi nịnh của vua Trụ ; Ác-Lai là con của Phi-Liêm, Đào-Ngột là đứa con mất dạy của họ Chuyên-Húc đều là hạng người hung-ác.

NHẤT THANH

(Tiếng Nhất)

NHẤT có nghĩa là tinh nhất mà không tạp, hợp hết thầy muôn việc trong thiên-ha mà dồn vào làm một. Nghĩa ấy bao gồm rất là rộng rãi. Thái-cực là một âm dương, âm dương là một ngũ hành; biết bao đạo lý ở đời dù đến đâu mà không phải là nhất. Nhà Nho nói: « lý vô nhị thi » (lý không có hai phải), tức thị là nhất. Nhà Thích nói: « bất nhị pháp môn » (không hai pháp môn) cũng tức là nhất. Nhà Nho có một lý, nhà Phật có một pháp, hai cái một đó cũng chỉ [tờ 56b] là một vậy. Vì thế, làm hoàng-đế, làm vương bá cũng là một nhà Nho; làm thần thánh, làm ma quỷ cũng chỉ là một nhà Phật. Làm Nho hay làm Phật cũng chỉ một đạo mà thôi.

Đạo ở trong khoảng trời đất, tán ra thì có muôn mặt khác, nhưng tóm lại thì không thể có hai. Chương này đem Nho và Thích gộp gờ một nơi, đó tức là đại-thiền-sur hiểu thấu cái nghĩa nhất-quán mà phát ra những đại nghị-luận, đại văn-chương 24 Thanh đây, há phải lấy mắt tầm thường mà nhóm ngó nổi? Đức Khổng-Tử nói: « biết ta là chỉ ở kinh Xuân-Thu, chớ ta cũng chỉ do ở kinh Xuân-Thu ». Đại-thiền-sur cũng thường nói: Khoảng ngàn năm sau tất có người lấy việc trộn Nho và Thích vào một nơi mà bàn nói đến ta; nhưng kẻ biết thì đã không bàn mà đã bàn thì là không biết: Biết mà không bàn tới, không bàn tới là một cái vô [tờ 57a] cùng vậy; không biết mà bàn tới, bàn tới đó cũng là một cái vô cùng vậy.

Trời vì được thuần-nhất mà trong sáng, đất vì được thuần-nhất mà an-ninh, thánh-nhân vì được thuần-nhất mà thiên-hạ hòa-bình; bàn nói chẳng, không bàn nói chẳng, tóm lại đều ở trong nhất-thanh của thiên-sư ta.

oOo

Hải-Lượng Đại-thiên-sư nói: — Nhà Nho nói đến hoàng-đế, vương, bá; nhà Phật thì nói thần thánh ma quỷ, kết cục cũng chỉ là một. Ba Đại-bồ-tát là nói về đạo; Quá khứ Đại-bồ-tát, Hiện tại Đại-bồ-tát và Vị-lai Đại-bồ-tát. Nhất thiết các thánh là trở vào bậc có đại lực-lượng mà nói, có ý mà không có tượng, tức như tam hoàng là tu về ý vậy. Phạm-vương, Đế-thích, bốn Đại-thiên-thần là chuyên trở vào sự có tác-dụng mà nói, có nói mà không có hình, tức như đời ngũ đế là tu về ngôn (nói) vậy. Thập-nhị ma-vương là chuyên trở vào có sự vận động mà nói; ma-vương cùng các Đại-bồ-tát tuy về mặt [tờ 57b] dụng thì khác nhưng về mặt thể thì cùng như nhau, nghĩa là có tượng mà không pháp, như đời tam-vương là tu về tượng vậy. Thập-ngũ chúng quỷ (15 giống quỷ) là chuyên trở về sự biến-hóa mà nói, có mạng-trọc (tính mạng như bản), kiến-trọc (sự thấy như bản) và ẩm-trọc (thừa hưởng như bản) đều là giải-thoát không xong, đó là có số mà không có lý, tức như đời ngũ bá là tu về số vậy.

Thích-Ca Mâu-Ny Phật thì thống tồn cả ba Đại-bồ-tát, vận-dụng cả Phạm-vương, Đế-thích, bốn Đại-thiên-thần, chế-ngự mười hai ma-vương, sai khiến mười lăm giống quỷ; Không-Tử thì lấy tam-hoàng làm tổ, lấy ngũ-đế làm tồn, tam-vương làm con, ngũ bá làm cháu vậy. Bởi vậy, không gồm đủ tinh-thô không đủ để nói đến Phật; không sáng rõ thể và dụng không thể để nói đến pháp; không biết rõ gốc ngọn thì không thể nói đến tăng. Lớn vậy thay Phật! há có thanh âm sắc tướng chẳng? Điều-Ngự [tờ 58a] Giác-Hoàng nói: « Lấy thanh âm mà tìm cái ta, lấy sắc-tướng mà tìm cái ta, người đó là làm theo tà-đạo, không thể thấy Như-Lai. »

Hải-Âu Hòa-thượng bàn rằng :

Trong một tiết này kể tới nhà Nho thì nói đến hoàng đế vương bá, nhà Phật thì nói đến thánh thần ma quỷ, nghĩa là làm đạo đều có từng bậc khác nhau. Duy Phật Thích-Ca gồm đủ cả cái tinh-thò của thánh thần ma quỷ, và Khổng-Tử thì gồm đủ cả các thể dụng của hoàng đế vương bá. Lớn vậy thay Phật, nghĩa chữ lớn đây tức như là trời không thể nào mà đặt tên, cũng không có thanh âm sắc tướng để kiếm tìm, tức như sách Nho nói là không có hình khí phương thể có thể tìm được vậy.

Đức Điều-Ngự Giác-Hoàng nói là « lấy thanh âm mà tìm cái ta, lấy sắc tướng mà tìm cái ta, đều không thể thấy được Như-Lai » là một lời nói chi-đạo vậy.

Hải-Hòa-tăng bàn rằng :

[tờ 58b] Nhà Thích thì tu mà thành Phật, cũng như nhà Nho học mà thành thánh. Từ thừa có sinh-dân tới nay chưa có ai được như Khổng-Tử, mà từ trên trời đến dưới trời không có ai được như Phật. Hoàng đế vương bá đều được đức Khổng lấy nhất mà quán-thông, thần thánh ma quỷ đều được đức Thích-Ca lấy lục-tri mà thông suốt cả. Thuyết của nhà Nho là rõ rệt mà có hình tích cho nên hoàng đế vương bá là lấy thể biến mà nói. Thuyết của nhà Phật là ẩn kín mà không có hình tích cho nên thần thánh ma quỷ là lấy sự tu đạo mà nói.

Thống tôn cả ba Đại-bồ-tát tức là quán-triệt cả xưa lẫn nay ; vận-dụng Phạm-vương và Đế-Thích là bao quát cả trời với đất ; chế ngự mười hai ma-vương thì bốn mùa và năm hành cũng không lọt được ra ngoài ; sai khiến mười lăm giống quỷ thì những loài có mạng (tính mạng) có kiến (kiến thức) đều không thể ngang trái được. Nhỏ thì không thể lọt cái kim mà lớn thì có thể bao la thế-giới ; [tờ 59a] thấp thì có thể xuống dưới đất mà cao thì có thể lên vút tận trên không ; như thế có thể nào lấy thanh âm sắc tướng mà kiếm tìm ra được ?

đem ngôi vua mà trao lại cho nhau vậy. Nhưng sự trao lại ấy không phải là trao lại cái ngôi vị mà chính là trao lại cái tâm.

Đức Quán-Thế-Âm Bồ-tát chỉ đem cái tâm lượng rộng lớn trao cho chư Phật, rồi chư Phật đều lấy [từ 61a] tâm ấy làm tâm của mình. Căn kệ nói :

*« Ngân sông có nước ngân sông nguyệt,
« Muốn dầm không mấy muốn dầm trời ».*

Như thế mới gọi là THIỀN. Nếu bằng chỉ trao lại cái ngôi vị mà không có cái tâm tinh-nhất để trao thì có cần gì đến vua Nghiêu vua Thuấn?

Hiện nay nhất-thiết các tăng-chúng chỉ thấy ngôi lặng tĩnh tâm thì gọi là THIỀN-ĐỊNH, và dạy cho thiền-định tức là an-định, như thế thực là làm mất cái nghĩa chữ THIỀN. Mãi đến sau khi đức Đại-thiền-sư phát minh ra nghĩa đó mới hiểu rõ hai chữ thiền-định có nghĩa là đem cái tâm an định mà truyền lại vậy. Gần đây ở chùa Đại-Từ thuộc về Lâm-Sơn, phía bên cạnh có một cái am gọi là am Thụ-Thụ (chữ thụ trên là trao cho, chữ thụ dưới là nhận lấy) và bày thứ tự các tượng của các sư Tổ các đời kế tiếp, xem đó dù không biết cái tâm thụ-thụ là như thế nào, song sự trao cho và nhận lấy đó có lẽ đúng với ý nghĩa chữ THIỀN?

CHÚ - THÍCH

- (1) Lão-Tử nguyên người họ Lý, tên là Nhĩ tự là Bá-Đam, sinh vào khoảng đời Khổng-Tử, là một nhà cô-học nổi tiếng bên Trung-Quốc.
- (2) Trang-Tử tức là Trang-Chu, đã có chú thích ở trên.
- (3) Cưu-Ma-La-Thập người nước Tây-Trúc, theo mẹ xuất-gia từ năm lên 7 tuổi, đi khắp các miền Tây-Vực, rất giỏi về môn Đại-Thừa. Khoảng cuối đời Tần vào Trung-Quốc được tôn làm Quốc-sư, có dịch hơn 380 bộ kinh Phật sang chữ Hán.

[Iở 61b] **BIỂU LÝ THANH**

(Tiếng Trong Ngoài)

“**Đ**ÁNH chuông trong cung, tiếng lọt ra ngoài. Hạc kêu nơi tối, con nó họa theo» (1), đó là cái thanh biểu lý vậy. Thanh có trong ngoài nhưng thực ra vẫn là một. Bởi thế, nhà Nho có một giáo-lý ấy mà nhà Phật cũng có một giáo lý ấy, hai cái đó cùng tiến hành mà không trái nhau. Kể theo học nếu rõ suốt được trong lẫn ngoài thì : dem cái đó đề học Nho, lấy cách tri thành chính (2) làm việc mà không câu-nệ về từ phú văn chương ; dem cái đó đề học Phật, do định tuệ giải-thoát vào chỗ huyền mà không thiên về chạy đàn cúng lễ ; như thế thì đến cõi đạo cũng không xa mấy. Sách Luận-ngữ đã có nói « ngò đạo nhất dĩ quán chi » (đạo của ta duy có một đề suốt hết).

oOo

Hải-Lượng Đại-thiền-sur nói : — Nhà Phật diễn kinh Lăng-Già, tức là huyền-hư của kinh Dịch vậy. Bao nhiêu yếu-ước về đạo lý đều ở trong kinh Lăng-Già, vì kinh Lăng-Già nói về chữ TÍNH rất là rõ rệt. Đại-đề nhà Phật thường dùng những văn-tự ám-ảnh (mờ bóng tối nghĩa) không phải là người thông hiểu thì không thể hiểu, nhưng đã là hạng thông hiểu thì lập tức hiểu ngay.

Người lại nói : — Cái lối học từ-chương của nhà Nho với lối học trai-tiểu của nhà Thích, đều là chuyên tri về di-đoan. Nhưng cái mối đạo-lý của các đẳng Phật và Thánh thì không

hề có một cách gì là khác biệt (tức không hề có di-đoạn). Từ-chương và trai-tiểu (đàn chay cùng lễ) đều là cái thô-sơ của Nho và Thích, vậy không theo từ chỗ thô-sơ mà đi thì cái tinh-tủy của đạo-lý khó có đường lối mà len vào được. Những người cổ-sơ đều bầm-thu khí chất thuần-tủy cho nên học Nho và học Thích đều trước do ở lý rồi sau mới đi đến sự, nhưng người đời sau thì lại bắt đầu từ sự rồi sau mới đi vào LÝ. Từ-chương và trai-tiểu tức là SỰ vậy, nếu học-già bỏ LÝ mà theo vào SỰ thì cái hai không biết đến đâu mà kể?

Hải Âu Hòa-thượng bàn rằng :

Trong một tiết này đem giáo-lý nhà Phật với sấm kinh của nhà Nho cùng làm biểu-lý (trong và ngoài). [Iở 62b] Yếu-ước của Phật-giáo là ở trong kinh Lăng-Già mà tinh-vi của Nho-giáo thì ở trong kinh Dịch. Các Tượng trong kinh Dịch phần nhiều là ngụ-ngôn mà các kinh nhà Phật thì phần nhiều là âm-ảnh văn-tự, nếu không phải hàng người thông hiểu thì khó lòng hiểu được.

Tuy nhiên, trong đó chỉ có một chỉ-dao (cái dao rất đúng), có thể lấy ý mà hiểu chứ không thể lấy lời nói mà truyền bảo được. Huyền bí mà rất sáng sủa, vi-diệu mà rất rõ rệt, nếu một khi đã hiểu thì là thấu rõ lập tức. Bởi thế nên có câu nói « Nam-Hải Quán-Âm chỉ ở ngay trước mắt » và « một khi vứt bỏ con dao giết người là lập tức thành Phật ».

Hải-Hòa-tăng bàn rằng :

Đức Phật lập giáo cốt quý ở tự mình thấu được, không cần người ngoài biết đến, cho nên những văn-tự phô bày phần nhiều là đều theo lối huyền-hư mà nói; tất phải là những hàng người cao-minh là tự-khắc hiểu ngay; đó không phải là muốn cho người ta khó hiểu mà thực ra là không muốn cho người ta biết vậy.

Sư học của các bậc cổ-nhân là duy theo trên tâm-tính mà [Iở 63a] lý-hội, nhưng cái ý thì phải đặt ra lời văn mà cái đạo thì phải rõ ra ở sự việc. Nhà Nho có cái học từ-chương, nhà Phật có cái học trai-tiểu, đó đều là cái thô-sơ của LÝ

vậy. Kẻ theo học tất do nơi thô-sơ rồi vào cõi tinh thuần : Một đẳng nhân theo từ-chương, mà tìm hiểu nghĩa, cho tới khi rất thành thuộc bấy giờ mới có thể nói tới những việc CÁCH TRÍ THÀNH CHÍNH. Một đẳng nhân việc trai-tiểu mà giữ được sự chân thành rồi dần dần thấy được quang-minh, lúc đó mới có thể tiếp tục đi sâu vào cõi SIÊU GIÁC ĐỐN NGỘ. Nếu trái thế mà chỉ chăm chăm vào các việc học về từ-chương và trai-tiểu thì chẳng qua là hại đạo mà thôi.

CHÚ - THÍCH

(1) Câu trên «Cổ chung vu cung, thanh văn vu ngoại 鼓鐘于宮 聲聞于外» (Đánh chuông trong cung, tiếng lọt ra ngoài) là trích trong thiên Tiểu-nhã ở kinh Thi. Câu dưới «Hạc minh tại âm, kỳ tử họa chi 鶴鳴在陰 其子和之» (Hạc kêu trong tối, con nó họa theo) là trích trong quẻ Trung-phu ở kinh Dịch.

(2) Cách 格 là cách-vật (hiều suốt sự-vật), Trí 致 là tri-tri (biết cho đích xác, Thành 誠 là Thành-ý (thành thực ý chí), Chính 正 là chính-tâm (chính định tâm mình), bốn chữ này đều trích trong sách Đại-Học.

HÀNH THANH

(Tiếng Lâm)

HÀNH ấy tức là làm đạo vậy. Từ việc chúa-tể tam-tài cho tới việc duy-trì văn-hóa, không ai là đi ra ngoài mà lại không do cái cửa.

Đạo của thánh-nhân, thu kín lại thì là đạo-đức mà phát-hành ra thì là sự-nghiệp. Sự ẩn-kín [tờ 63b] khác nào như núi chồng non chất trông mà không thấy. Sự hiển-hiện thì khác nào một con đường lớn, người nào cũng có thể theo đó mà đi. Những bậc tiền-tri-tuệ nhận được những cái hiển-hiện cho nên vận-hành mà trị được nước. Riêng bậc đại-lực-lượng thì nhận sự ẩn-tàng mà giữ chủ-trương cho nên giữ được nước. Phật nói ẩn và hiển cũng như là một cho nên tóm gọi là HÀNH THANH.

oOo

Hải-Lượng Đại-thiền-sư nói: Nhà Phật quý ở giữ nước mà không quý ở trị nước. Đại-đề đã giữ được nước thì không cần phải trị nước mà nước tự nhiên phải trị. Nhưng nếu không phải bậc đại-lực-lượng như đức Thích-Ca Mâu-Ny thì không thể giữ được, vì vậy cho nên phải dùng đến việc trị nước. Vì thế đức Không-Tử phải cho các vua Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Vũ đứng vào hạng công đầu. Tuy vậy, nói tới chỗ cốt-yếu thì Ngài phải kể đến cái công-hiệu « bốn mùa vẫn chuần đều, muôn vật vẫn sinh sản, nào trời có nói gì đâu ? » và « kẻ già [tờ 64a] thì yên ổn,

kẻ trẻ thì mong mỏi». Về phần nhà Thích cũng có nói « Không từ chốn nào đến, cũng không đi tới chốn nào, cho nên mới gọi là NHƯ-LAI », chính là nghĩa đó vậy.

Hải-Âu Hòa-Thượng bàn rằng :

Thấm cho dân bằng điều nhân, mài giữa dân bằng điều nghĩa, khiến dân đi vào con đường thiện mà không tự biết, đó là cái đao giữ nước (tri quốc). Còn về phần dắt dẫn dân bằng chính-lệnh, ngăn cấm dân bằng hình-phạt, khiến cho dân sợ pháp-luật mà không dám phạm, đó tức là tri nước (tri quốc) vậy. Tri nước là tri bề ngoài, nếu không tri thì tất loạn, tức là chính sách của đời bá-giả. Đến như giữ nước thì tức nắm vững bản đẳng chuỗi, khiến cho dân cứ quay về đường thiện mà không hề có biết là theo đó hay hoặc trái đó, như thế tức là cái công phu của các đời Đế-giả vậy. Vì thế nên nói rằng Phật chỉ quý ở giữ nước mà không quý ở tri nước.

Nói rằng tri quốc (giữ nước) có nghĩa là không phải nói mà tự tin, không phải hóa mà tự động, không phải làm mà tự thành, cho nên không [tờ 64b] thấy các vết tích là phải làm mà tự nhiên bao nhiêu những chuyện vẫn đóng mở đều ngu cả ở trong những cái không phải nói không phải hóa cũng không phải làm. Nếu không phải là đại-lực-lượng như Thích-Ca Mâu-Ny thì không thể nào mà thực-hiện nổi. Vì bằng không có đại-lực-lượng như Thích-Ca Mâu-Ny mà bắt buộc làm những việc đó thì sai một ly xảy đi hàng ngàn dặm, kéo ra những tệ hai sau này không biết tới đâu mà kể. Bởi vậy chẳng thà là cứ theo phương pháp tri nước mà tri thì lại có hiệu quả về sau. Đại-thiền-sư phát ra lời nói này là cốt cho những kẻ thiền-cạn dễ biết, kẻ ty tiện dễ hiểu, tức là cái đao thường-hành xưa nay vậy.

Đức Không-Tử cho các vua Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn và Vũ đứng vào bậc công đầu, nhưng đến chỗ cốt-yếu cũng phải kể là « tứ thời hành yên, vạn vật sinh yên, thiên hà ngôn tai » (bốn mùa vẫn chuyển vận, muôn vật vẫn sinh sản, mà Trời có nói gì đâu?), và lại nói « lão giả an chi,

thiếu giả hoài chi » (kẻ già được yên ổn, kẻ trẻ được trông mong). Trời không nói mà bốn mùa vẫn chuyển vận, muôn vật vẫn sinh sản, như thế mới phải là [tờ 65a] đạo trời. Lòng người ai chẳng muốn yên, nay già được yên ổn, trẻ được trông mong, tức là đầu đó đều được thuận tiện, đó là đạo của các bậc Đế-Vương vậy. Họ Thích nói rằng « Không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, vì thế gọi là NHƯ-Lai », đó có nghĩa là đến không trông thấy mà đi cũng không trông thấy là ở nơi nào. Kinh Thư nói « vì trị vô tích, kích nhượng vô kích » (làm việc trị không có dấu vết, đánh đất mà không đánh) (1) cùng lời ca « bất tri bất thức, thuận để chi tắc » (không hiểu không biết, thuận theo quy tắc của tự nhiên), tức là ý đó và đều là cái công hiệu giữ nước vậy.

Hải-Hòa-tăng bàn rằng :

Không-Tử nói « từ thời hành yên, bách vật sinh yên, thiên hà ngôn tại », nhà Phật nói « vô sở tung lai, diệc vô sở khứ, cố danh NHƯ-LAI » cùng với họ Lão (2) nói « thanh tĩnh nhi dân tự túc » (trong sạch yên lặng mà dân tự đủ), ba giáo cùng là một nguồn, sự cốt-yếu giữ nước tóm lại đều lấy vô-vi (không làm) làm gốc, [tờ 65b] dùng sự không làm ra để giữ nước thì nước cần gì phải trị? Đời Tam Hoàng giữ Trung-Quốc, đời Lạc-Long giữ nước ta, đều dùng đạo ấy. Duy từ đời Nghiêu, Thuấn trở xuống là phải dùng cách trị để mà trị nước, khác hẳn với các thời xưa. Kể đó các tổ về tam giáo đều là cùng thời-gian và cùng muốn cứu-vãn cái phong-hóa Cát-Thiên Vô-Hoài (3), song duy có Thích-Ca Mâu-Ny là được tràn khắp bốn phương, khiến cho nước Tĩnh-Phạn biến thành nước Phật; còn Không-Tử và Lão-Tử thì lập-ngôn trừ-luận chỉ mong vì những kẻ giữ nước trong thiên-hạ đời sau nêu ra một cái chỉ-nam, nhưng không ngờ kẻ hám mộ thì nhiều mà người biết thì ít và kẻ hiểu được càng ít mà kẻ làm theo tuyệt nhiên không có, khiến cho những dân đời hoàng-hoàng (tốt đẹp) rút cục không bao giờ được thấy. Đó phải chăng châu-bộ Nam-Thiệm (4) khác hẳn phong-hội Thiên-Trúc cho nên mất chất thuần-túy mà không thể giữ lại được chăng?

CHÚ - THÍCH

(1) Theo trong Đế-Vương Thế-kỷ, khoảng đời Đế Nghiêu có 8,9 mươi ông già gõ đất mà hát câu ca : « Nhật xuất nhi tác, nhật nhập nhi tức, tác tĩnh nhi ảm, canh điền nhi thực, đế lực hà hữu ư ngã tại ? » (trời mọc mà làm, trời lặn mà nghỉ, đào giếng mà uống, cày ruộng mà ăn, thể lực của Đế có gì đến ta ?).

(2) Lão-Tử tức Lão-Đam soạn ra Đạo-Đức-kinh gồm có 2 thiên Thượng và Hạ.

(3) Cát-Thiên-Thị là danh hiệu của một vị đế thời cổ Trung-Quốc. Theo Lược-Sử Thiện-Thông-Kỷ thì trong đời Cát-Thiên trị thiên-hạ, chỉ là không nói mà tin, không hóa mà làm, bao la lộng lộng không thể lấy danh gì mà xưng tụng được. Vô-Hoài Thị cũng là danh hiệu một vị đế, đồng đời trước vua Thái-Hiệu. Theo trong Lược-Sử Thiện-Thông-Kỷ thì trong đời Vô-Hoài cách xử thế toàn lấy đạo giữ sự sống, lấy đức yên việc hình, mọi người trong lúc ấy đều ăn ngon lành, phong tục vui vẻ, cùng ở yên ổn mà trọng sự sống vạn vạn, nên gọi là dân đời Vô-Hoài (không lo nghĩ).

(4) Tên một xứ ở vùng Hàm-hải (bề mặt) về phía nam núi Tu-Đi, nguyên trước gọi là Nam-Phù-Diêm-Đề và sau đời ra là Nam-Thiệm Bộ-Châu (Phật-Học Từ-Diển).

[Iở 66a] **ĐỒNG THANH**

(Tiếng rỗng - không)

TRỐNG rỗng sáng sủa không có gì chương-ngại gọi là ĐÔNG (rỗng không). Sống và chết là việc rất lớn, duy bậc thông-đạt mới có thể hiểu biết. Tao-vật đã gá cho ta lấy cái thông-minh và trao cho ta lấy cái hình-chất, tức là không khinh-suất mà hứa sự sinh ra con người, cho nên thánh-nhân cũng không khinh-suất mà hứa sự chết cho con người. Gọi là tuấn-vỹ, gọi là thung-dung, đó đều là nói những hạng người biết giữ đúng tính mạng phú cho. Ngoài ra những hạng xất-phu xất-phu chết liều ở nơi ngòi lạch, đều là những cái chết hấp tấp bừa bãi mà thôi. Tức như Hầu-Sinh (1) bỏ mình vì Tin-Lăng-Quân và Kinh-Khanh (2) hát bài ca Dịch-Thủy, là chết một cách khinh-suất mà đều là không giữ đúng tính mạng của tự nhiên.

Phái Tiểu-thăng (thừa) trong nhà Thiền phần nhiều hay đem thân dẫn vào đàn lửa, đó đều không được đến cõi Niết-bàn,

Đại-thiền-sư nêu ra chương này tức là bảo cho người ta hiểu biết cái ý đạt-lý và tri-mạng (thông đạt đạo lý và hiểu biết tính mạng), thế tức là ĐỒNG-THANH vậy.

oOo

[Iở 66b] Hải-Lượng Đại-thiền-sư nói : — Kinh Dịch 64 quẻ, chỉ cho một quẻ **KHỐN** là đến đúng tính mạng; kinh Lăng-

Già 8 thức, chỉ cho Ý-THỨC là đến Niết-bàn. Nhà Nho không khinh-suất hứa người lấy sự chết mà nhà Thích cũng không khinh-suất hứa người lấy sự chết.

Ý-THỨC và KHỐN - TUƠNG cũng như là một : Khốn-tương thì là nước chảy dưới chằm, tức là nước đã lìa chằm ao ; còn ý-thức thì giữa bề nổi gió khua lên không biết bao nhiêu sóng còn ; bởi vậy KHỐN không đến hết tình mang là không xong mà Ý-THỨC không đến Niết-bàn là không ổn. Bởi vậy nhà Nho quý ở tình về nghĩa mà thâm kỹ về nhân, còn nhà Thích thì quý ở trí cho sáng mà ý cho cao. Nhân nghĩa không tinh thao, trí ý không cao sáng, không đạt thấu cái cửa sinh tử thì làm sao mà chế được sự sinh tử của đời người ? Khổng-Tử là ông chủ về tình mang mà Thích-Ca là người khách về tình-mang, đôi chủ khách đó là suốt từ khi có trời đất cho tới ngày nay.

[Tờ 67a] **Hải-Âu Hòa-thượng bàn rằng :**

Lớn thay là sự chết của con người ! Sách Nho nói rằng « Tử đắc kỳ sở » (Chết đúng chỗ đáng chết) ; sách Phật nói rằng « Sinh tử sự đại » (Sống chết là việc lớn), đều là những lời không thể khinh-suất mà hứa cho người ta đi vào chỗ chết. Kinh Dịch tất cả 64 quẻ, duy có một quẻ KHỐN là hứa tới sự hết mang ; kinh Lăng-Già có 8 THỨC, duy chỉ riêng một Ý-THỨC (3) là hứa cho tới Niết-Bàn. Bởi trong quẻ KHỐN có cái tượng nước lìa khỏi đầm và trong Ý-THỨC thì có cái cảnh vô số sóng còn nổi dậy, tất nhiên là phải tới chỗ Niết-Bàn. Khổng-Tử và Thích-Ca là chủ và khách của tình-mang, các cách dạy người đều cùng một lối, không phải là bậc tinh thuộc nhân nghĩa, cao minh ý trí, thông suốt cảnh cửa sinh tử thì không thể nào theo kịp. Vì thế, Nho mà khinh-suất việc chết tức là « thương dững » (thương tổn dưng DỮNG), Phật mà khinh-suất sự chết tức là « tường sinh » (làm hại đời sống). Cổ-lai những bậc trung-liệt không ai bằng Văn-Tên Quốc-công đời Tống, nhưng nếu không xảy biến cố nơi [tờ 67b] Sài-thị ở Yên-kinh thì cũng vẫn có cái nguyên mẫu vàng về chốn cố-hương (4). Đó cũng là không khinh-suất mà tự hứa đến chỗ chết vậy.

Hải-Hòa tăng bàn rằng :

Sinh tử là việc lớn, duy bậc thông-đạt mới có thể không
hai đến đến nhân không tồn đến đến dưng. Trời đất sinh ra
tính chỉ có người là quý, vì thế nên sự sống, sự chết đều có
mang định. Làm con người ta tham sự sống mà sợ sự chết
dù ai không thể, nhưng cần hỏi xem đáng sống hay đáng chết,
cốt làm sao cho đúng với nghĩa và hợp với định mạng mà
thời. Bởi vậy nhà Nho nhà Thích đều không khinh-suất hứa
 cho người ta vào chỗ chết. Nếu chưa đến thời-kỳ nước
lìa khỏi đầm và bể nổi phong ba thì không thể đề cho hết
mạng hay niết-bàn. Duy đã tới thời kỳ đó thì tất là hết mạng
 và niết-bàn, đó cũng là hợp đúng với nghĩa vậy. Vì bằng
 nghĩa không tinh đạt, ý tri không cao minh, [tờ 68a] không suốt
 rõ cửa quan sinh tử thì cũng như thầy Tử-Lộ chết vì Không-
 Lý (5) cùng những hạng tục-tăng đời nay vô cơ tự-thieu, đó
đều là giặc hai tính mạng vậy.

CHÚ - THÍCH

(1) Hầu-Sinh tức là Hầu-Doanh là ân-sỹ nước Ngụy. Tín-Lãng-Quân là con vua Chiêu-Vương nước Ngụy. Hầu-Sinh vì hẹn giúp Tín-Lãng-Quân mà tự-vẫn.

(2) Kinh-Khanh tức Kinh-Kha, giúp Thái-tử Yên hành-thích vua Tần không được nên bị Tần giết.

(3) Nhà Phật gọi 8 Thức (sự biết) là: Nhãn-thức, nhĩ-thức, tỷ-thức, thiệt-thức, thân-thức, ý-thức, mạt-na-thức và a-lại-da-thức.

(4) Văn-Tín Quốc-công tức Văn-Thiên-Tường đời Tống.

(5) Không-Lý là quan Đại-phu nước Vệ.

MINH THANH

(*Tiếng Sảng*)

Y Phục Số Chế (đồ ăn mặc và chế-độ) là cái văn vẻ bề ngoài, Đạo Đức Nhân Nghĩa là cái thể chất ở trong. Là người quân-tử tất nên làm cho sáng sủa bên trong mà không nên cầu cạnh bề ngoài. Con my ngoài nội đội da con hồ ở ngoài là chỉ có bề ngoài mà không đủ bề trong vậy. Viên ngọc tốt còn nằm trong tảng đá đỏ là có bề trong mà không đủ bề ngoài vậy. Bậc người sáng suốt không thể lấy xiêm áo và lòng gai mà phân biệt là người Kinh hay người Mọi, cũng không thể lấy cái áo xanh hay cái bát đen mà công-nhận là nhà Nho hay nhà Thích. Những rượu thịt của Tế-Điền hòa-thượng cùng những bụi bặm nhơ bẩn của Hàn-San và Thập-Đắc (1), [tờ 68b] có lẽ đâu không phải là Thiền?

Bởi vậy bậc chân-thánh không cứ phải đội mũ nhà Chu, bậc chân-nho không cứ là phải đội mũ nhà nho, bậc chân-thiền (chân tu) không cứ là phải mặc áo cà-sa.

oOo

Hải-Lượng Đại-thiền-sư nói: Y phục số chế không phải là trời để ý ở đó. Tính hạnh như ông U ông Lệ (hai ông vua gian ác cuối đời nhà Chu) mà cho đội mũ Miện của nhà Chu thì sao bằng bọn di-dịch mà có ông vua? Hàn-Thác-Tru và Giả-Tự-Đạo (2) cũng thường đội mũ nhà nho, mặc áo nhà nho, nhưng thiên-hạ ai kể hạng ấy là chân-nho?

Ý của trời là ở nơi tế-độ chúng-sinh, nếu làm ông vua mà bất-nhân, làm người cha mà bất-tử thì tức là làm trái

ý trời. Đã trái ý trời mà là nhà Nho thì gọi là tặc (giặc), là nhà Thích thì gọi là A-tỳ-ngục.

Rợ Địch mạn bắc mặc áo bằng lông, rợ Di miền đông mặc áo cụt ngắn, rợ Man phía nam mặc áo bằng cỏ lá, ba nơi đó đều không giống với Trung-Quốc nhưng có lẽ nào lại không có [tờ 69a] thành-hiến hào-kiệt sinh ra. Họ Thích mặc áo cà-sa, đại-đề cũng là tùy theo phong tục cổ lai, chứ đâu phải Phật đề ý tới.

Hải-Âu Hòa-thượng bàn rằng:

Khi có trời đất là lập tức có bờ cõi chia ra, là trung-hoa hay là di-dịch, chỗ ở tuy có khác nhau nhưng cũng chỉ trong vũ-tru này thôi. Kể đó có bậc thánh hiền nổi lên đứng ra làm quân trưởng, tạo ra y phục số chế để phân biệt kẻ dưới người trên. Trung-Quốc hay di-dịch đều có những số chế riêng của từng nước, đó đều là tự người làm ra mà không phải ý trời ở đó.

Những bậc thánh hiền ngồi trên dân chúng mà có thể điều hòa được dân, đấy tức là lẽ trời vậy. Đã theo đúng lẽ trời thì tức là ý trời ở đấy ; [tờ 69b] cho dầu ngay đời thượng-cổ ở lỗ ăn lông như các vua Phục-Hy, Thần-Nông cùng dân cày cấy mà ăn, cũng có thể gọi là ông vua thay trời lập phép, mở vật thành việc vậy. Nếu trái thế mà giống như anh phường chèo U-n-Mạnh bắt chước là Thúc-Tôn-Ngao (3) mà vua nước Sở nhận chân cho là Thúc-Tôn-Ngao thực thì phỏng có thể để cho U-n-Mạnh làm được công việc của Thúc-Tôn-Ngao chăng? Bọn con tuồng nhảy lên sân khấu đóng vai vua Minh-Hoàng nhà Đường, sau khi diễn xong lớp tuồng liền coi rẻ đồng bọn mà không chịu cùng ngồi một chỗ ; như thế tức là chỉ trông bề ngoài mà quên hẳn bề trong, mà tức là chỉ chăm chú vào y phục số chế vậy. Ông U ông Lê đội mũ Miện của nhà Chu; Hàn-Thác-Trụ và Giả-Tự-Đạo đóng bộ mũ áo nhà Nho cũng là một loại đó vậy.

Đức Khổng Phu-Tử không được có ngôi cao mà cái đạo của người có thể làm thầy dạy muôn đời; đức Phật Thích-Ca vất bỏ một nước ngàn cỗ-xe mà giáo-lý được truyền khắp

thiên-hạ, tức là có đức thì bất tất phải có ngôi cao vậy. Bởi thế, những người đã hiểu biết đạo thì không bao giờ lại tựa vào y phục số chế mà phân biệt đẳng cấp con người, hay hoặc căn cứ vào Trung-quốc [tờ 70a] hay di-dịch mà chia rẽ khác nhau.

Rợ Địch miền bắc, rợ Man bên nam, rợ Di phía đông, tuy chỗ ở cùng với Trung-Quốc không cùng một nơi, song trong đó há lại không có những thánh hiền hào-khiết hay sao ? Vậy thì những người ở các miền kia mặc bằng lông bằng lá cũng tức như áo mũ nhà Nho ở trong Trung-Quốc, nào có lạ chi ? Ngay như đức Phật Thích-Ca mặc áo cà-sa, đó tức là chế độ của nước Tĩnh-Phạn, vì cả trong nước ấy phàm người họ Thích thấy đều mặc áo cà-sa, cổ đeo chuông mạng, cũng ví như những bậc tấn thân ở nơi Trung-Quốc. Vì thế cho nên nói là sự ăn mặc đó không phải chú ý của đức Thích-Ca.

Hải-Hòa tăng bản rằng :

Tam-cang ngũ-thường (1) là ý trời thường thường đề vào đó. Còn như y phục số chế là do phong-tục từng thổ-phương mà làm ra là do từng người và từng địa-phương có khác. Cho nên, nhân nghĩa lễ trí là cùng một lòng TRUNG do trời phú cho, cho dầu đông-di tây-nhung, nam-di, bắc-dịch, nhưng cùng với Trung-Quốc cũng không có một chút khác nhau, duy có giữ được lòng TRUNG đó [tờ 70b] thì là thành nhân hào-khiết và có thể chủ-trị trong nước mà làm quân trưởng cho dân. Đức Khổng-Tử có nói « Di-dịch chi hữu quân, bất như chư-ha chi vô dã » (rợ di-dịch còn biết có đạo vua tôi, không như chốn trung-châu không có như thế). Vậy thì áo lông, áo cut, áo lá cùng với những thứ áo mũ thên thùa dài rộng là què-kệch hay không què-kệch, phỏng có ăn thua gì ?

Cứ coi đó thì họ Thích mặc áo cà-sa chẳng qua cũng chỉ là theo với thể tục của nước Thiên-Trúc mà thôi ; vậy nếu phàm những ai theo làm đồ-dè họ Thích, thiết-tượng một mặt mặc theo lối mặc của Thích-Ca, chẳng thà hãy cứ học theo giáo-lý còn hơn. Giáo-lý ấy là gì ? Thừa rằng : Chỉ ở tâm mình.

CHÚ - THÍCH

(1) Tế-Điền Hòa-thượng là người họ Lý, nguyên quán ở Thiên-Đài nước Tống, tu hành tại các chùa thuộc Tây-Hồ, Hàng-Châu bên Trung-Quốc. Nhà sư khi hành đạo, dùng hết các phương-tiện để cứu độ đời, nên sự ăn uống không cầu nệ như các nhà tu-bàn khác. Hàn-San và Thập-Đắc là hai vị cao-tăng vào đời Trinh-Quán nhà Đường bên Trung-Quốc, cả hai vị đều theo Phật-pháp, song cư xử đều phóng túng khác hẳn các vị sư thường.

(2) Hàn-Thác-Trụ là người ở An-Dương đời Tống bên Trung-Quốc; Giả-Tử-Đạo là người Thái-Châu đời Tống; hai người này đều hiền đạt làm quan chức rất cao, song tính nết đều là tàn ác và sau cùng đều bị bắt-đắc-kỳ-tử.

(3) Thúc-Tôn-Ngao là quan Đại-phu nước Sở bên Trung-Quốc, một vị quan rất thanh-liêm chính-trực mà rất nghèo, nên được vua Sở mến tiếc, đến nỗi sau khi mất đi có tên phượng chèo đống giả Tôn-Thúc-Ngao mà vua Sở mơ tưởng là Tôn-Thúc-Ngao thực và ôm chầm lấy mà tỏ ý hâm mộ.

(4) Tam-cương là ba giếng-mối. Theo trong Lễ-Nhạc-Ký: Vua làm giếng-mối cho bày tôi, cha làm giếng-mối cho con và chồng làm giếng-mối cho vợ, gọi là tam-cương. Ngũ-thường là 5 đạo thường của người đời. Theo trong sách Luận-Vệ-Vấn-Không thì năm đạo thường là Nhân, Nghĩa, Lễ, Tri và Tín.

PHÁN THANH

(Tiếng Phán-đoán)

SA O lại gọi là Phán-thanh ? Nghĩa của chữ Phán tức là quyết đoán vậy. Quyết-đoán tức như quyết-đoán rằng đạo Thích là đáng hăm-mộ hay quyết-đoán rằng đạo Thích là đáng ghét. Đời thường có những hạng chỉ hỏi đến cái sự mình hăm-mộ hay mình [tờ 7/a] ghét-bỏ là như thế nào mà thôi.

Con chim phượng-hoàng kêu trên ngọn núi cao kia, há có cầu gì cho người ta thích nghe, nhưng người ta mừng rằng gặp đời thịnh-trị mới có tiếng phượng-hoàng kêu cho nên mong thích được nghe. Nhưng nếu gặp lúc đời không có đạo thì con chim kia lại tung cao ngàn nhận rồi tự khắc bay xa mà không khi nào lại có tiếng kêu. Ngoài ra nếu dùng những tiếng con ve giống, con ếch kêu, mà giả tá làm tiếng chim phượng-hoàng thì tức khắc người ta thêm ghét mà đuổi xa ngay. Vậy những ai mong cầu cái đạo của nhà Nho hay nhà Thích, đều cần phải lấy lẽ đó mà nhận xét cho ra.

Chương này, đại ý cốt khuyên răn sư hăm-mộ hay ghét-bỏ phải cho chính-xác và cũng răn kẻ học đạo không nên cầu cho người ta hăm-mộ và cũng không nên mời chài để cho người ta thêm ghét-bỏ. Cứ cái nghĩa đó nếu không quyết-đoán cho được thẳng thắn thì không thể xong, bởi thế nên mới gọi là PHÁN-THANH.

oOo

Hải-Lượng Đại-thiền-sư nói : — Vua Thủy-Hoàng nhà Tần ghét Nho, vua Vũ-Tông nhà Đường ghét Phật, đại khái là có

[tờ 71b] cái gì đáng ghét cho nên người ta mới ghét. Còn như những bậc đại-Nho, đại-Phật thì có thể nào mà người ta ghét được ?

Ngài lại nói : — Người biết Phật là không mộ Phật, người mộ Phật là không biết Phật. Phật không mong cho chúng-sinh mộ, nhưng vì chúng-sinh muốn thành Phật cho nên mới kính mộ Phật.» Hàn-Xương-Lê (1) nói câu « nhân kỳ nhân, hóa kỳ thư, lưu kỳ cư » (coi như người thường những người nhà Phật, đốt sách nhà Phật, ở vào cả nhà của nhà Phật), cái lỗi không kính mộ Phật đó tức là giải-thoát được cái « kiến-troc » (như đục về sự trông thấy) và đã được vào vô-dư niết-bàn (2).

Đồ-đệ bạch sư rằng : — Hàn-Xương-Lê đã được tới bậc đệ-nhất phù-đồ hay chưa ?

Đại-sư đáp : — Có thể đến bậc đệ-tam đệ-tứ trở xuống, vì Xương-Lê còn có ý-tất, không bằng không ý-tất mới là hơn.

Hải-Âu Hòa-thượng bàn rằng :

Cái nôm cái trồng là để bắt cá và thả, khi đã được cá được thả thì bỏ quên nôm và trồng. Cái thuyền cái bè là để qua nơi ngập lội, khi tới bờ bên kia thì bỏ quên cái thuyền cái bè. Đạo của họ Thích là hư-vô tịch-diệt, [tờ 72a] minh tâm kiến tính, một khi đã biết Phật thì tức là đã vào được đạo, người và mình đều quên cả, An hay là cửu đều bình-đẳng ; khi đó ngay chính thân ta ta còn không biết, vậy còn kính mộ gì nữa ? Kể không biết Phật thì hàn kinh nói kệ, cố gượng phỏng đoán những điều không hiểu, nơi tình-thở, nơi liên-dải đều nhận chân vào chốn không đâu. Vậy đặt một chữ mộ vào đó là không biết Phật. Bởi thế nhà Thiền nói là « tuyệt học » (giứt sự học), huyền-môn (pháp-môn huyền-diệu) nói là « tuyệt thánh » (tuyệt bậc thánh), đều là cái nghĩa không mộ Phật vậy. Phật đã không tự mộ mình, còn mong gì chúng-sinh mộ Phật ? Chúng-sinh vì muốn thành Phật cho nên tự đến mộ Phật, nhưng mộ Phật tức không phải là Phật. Hàn-Xương-Lê nói « coi thường người, đốt sách, ở cả nhà » đó là không kính mộ Phật, so với bọn đi thì dùng gậy đen, ngồi thì nơi giường thiền, thì Xương-Lê đã là giải-thoát được troc-kiến. Tuy nhiên,

Phật không có người cũng không có sách và không có nhà, nay lại còn nói là coi [tờ 72b] thương người, đốt sách, ở cả nhà, thì tức là lại thêm một tầng chướng-ngại. Mộ Phật đành là không biết Phật mà bài Phật cũng không biết được Phật, cho nên bảo rằng Xương-Lê mới tới dưới bức đệ-tam đệ-tứ mà thôi.

Hoặc có người hỏi : — Thế nào là phù-đồ đệ-nhất cấp ?
Thưa rằng : — Lời Kệ nói « Quán-âm là Quán-âm, Hòa-thương là hòa-thương, Người với ta không cả, Ta với người không tương ». Quan thừa-tướng đời Tống làm bài biện thuyết về việc không có Phật ; bà vợ ông ta liền bảo rằng « Phật vốn là không, cần gì phải biện-thuyết ? », đó tức là phù-đồ đệ-nhất cấp. Còn như những hang tiếng Nho mà nét Mặc (3) và hang troc đầu mà tâm độc, đó là một trong làng Nho mà là giặc trong nhà Phật, nhà Nho nhà Phật không khi nào đếm xỉa đến.

Tần Thủy-Hoàng chôn Nho, Đường Vũ-Tôn giết tăng, đều là nhân có cái đáng ghét cho nên mới đem lòng ghét, nhưng ghét mà đến nỗi phải chôn phải giết thì cũng là quá đáng, hai ông vua ấy [tờ 73a] không tránh được cái lỗi thái-quá. Đến như những bậc đại-nho đã sâu vào đạo không thể chê bần, đại-Phật đã ra hấn đời không thể dò biết, đã không thấy được cái chỗ đáng yêu thì còn đâu mà thấy được cái nơi đáng ghét ?

Hải-Hòa tăng bản rằng :

Người ta nói rằng Tần-Thủy-Hoàng ghét Nho, Đường Vũ-Tôn ghét Phật, đều không phải cả. Thủy-Hoàng còn xưng làm Hoàng-đế đó là nhận biết Hoàng-đế là rất tốt ; Vũ-Tôn thương hai chủng-sinh, không nỡ để phải đến trăm-luân nơi bê khổ nên mới cấm phép phù-đồ (3), trừng trị bọn dân du-dăng, thầy đều rất đúng với diên-lý như-lai, vậy hai vua ấy đều là yêu Nho yêu Phật rất mực. Có điều nhà Nho cũng có những hang ưa thích là ưa nói xấu nói tốt người ta ; nhà Phật cũng có những hang ưa thích là ưa nói khoác lác để lèo bịp người, vậy mà bảo người ta không ghét thì không thể được.

Bởi vậy những hang người biết Phật mà chân thành ưa Phật thì bất tất là phải tỏ [tờ 73b] bảo-tượng, thỉnh kim-dụng, hằng ngày lay lục khẩn cầu, mà Phật tự nhiên đã ở

tâm. Đức Đạt-Ma thiên-sư có nói : « Tâm tức là Phật, Phật tức là tâm, không nên đem tâm làm loạn Phật, cũng không nên đem Phật để loạn tâm », vậy có cần gì mà kính với mộ ?

Đại-đề, Phật vốn không sinh không diệt, không sắc không tướng, cũng không cả những việc họa phúc báo ứng ở đời. Tăng nỳ không phải người của Phật, kinh điển không phải sách của Phật, chùa chiền không phải nhà của Phật. Người không phải người Phật, lâu ngày lai hoàn-tục hay không hoàn-tục cũng tùy họ, cần chi mà phải coi như người thường ? Sách không phải sách Phật, lâu ngày sẽ rách nát hay không rách nát cũng tùy mặc hăn, cần chi mà phải đốt đi ? Nhà không phải nhà Phật ở, lâu ngày đổ nát hay không đổ nát cũng tùy mặc nó cần chi mà phải ở vào ? Phật vốn là không mà Xương-Lê lai làm ra có rồi lại theo đó mà muốn làm ra là không thì thực là đa-sự. Như thế chỉ có thể được đến [tờ 74a] vô-dur niết-bàn mà chưa tới được vô ý vô tất tam-muội (4).

CHÚ - THÍCH

(1) Hàn-Xương-Lê tức là Hàn-Dũ, tên tự là Thoái-Chí, một nhà tài học uyên-bác, làm quan đời nhà Đường lên đến chức Lại-bộ Thị-lang ; bần tinh khẳng khái, thường thường bài xích dị-đoan, nhất là Phật-giáo, nên có công kích Phật-giáo và gồm những câu đã dẫn trên.

(2) Hai chữ niết-bàn của nhà Phật có nghĩa là viên-tịch hay là diệt-độ, đều là chết. Niết-bàn có hai loại, một là hữu-dur niết-bàn và hai là vô-dur niết-bàn. Hữu-dur niết-bàn là hành hoặc nghiệp đã hết mà còn sót lại cái thân hữu-lậu ; vô-dur niết-bàn là nói tự đấy về sau không còn khi nào sinh hay tử nữa.

(3) Phù-đồ là việc cúng tế lập đàn hay xây tháp.

(4) Theo trong Đại-thặng Nghĩa-chương : khi lìa xa tà-loạn gọi là tam-muội.

TÚC THANH

(Tiếng về - nghĩ)

TÚC - THANH là tiếng về-nghĩ vậy. Về-nghĩ làm sao mà có tiếng? Phật nói: « Pháp thanh phi pháp thanh » (tiếng pháp, tiếng không phải pháp), không phải pháp tức là về nghĩ ở nơi nghiêm trang vậy. Pháp thì các việc các vật đều có tiếng, phi-pháp (không phải pháp) thì các việc các vật đều không có tiếng. Quyền thư hạp tịch (cuốn lại đàn ra, mở đóng) đều chỉ vận dụng ở trong tinh thần, tức là không pháp mà có pháp, không tiếng mà có tiếng. Người quán-tử dùng lúc về chiều yên-nghĩ (1), dùng để định xong công việc án-âm (2). Yên-nghĩ và án-âm tất phải lấy nơi trang-nghiêm làm nơi về-nghĩ, đó gọi là TÚC - THANH.

oOo

[*Id* 74b] Hải-Lượng Đại-thiền-sư nói: — Nhà Thích dấu xá-ly, nhà Nho nói tinh khí, đó là vi-vật vậy. Nhà Thích phóng tường-quang, nhà Nho nói thần-khí, đó là phong-dinh vậy. Tinh thì thuộc thủy thuộc huyết, thần thì thuộc hỏa thuộc khí, nên nhà Thích thì giới sắc (răn kiêng sắc đẹp), nhà Nho thì viễn sắc (tránh xa sắc đẹp) tức là bảo trọng tinh thần. Khí mất đi thì làm lăng tháp miếu chùa cũng là gom chứa tinh thần. Lúc sống thì giữ cho trang-trọng, lúc chết thì giữ cách nghiêm-mật. Tinh thần chứa trong thân mình, cùng trời đất cùng là một thể vì thế không thể không giữ vậy.

Hải-Âu Hòa-Thượng bàn rằng:

Tinh là thuộc thủy thuộc huyết, đối với chủng loại thì là âm cho nên phải dấu kín. Thần là thuộc hỏa thuộc khí, đối với chủng loại là dương, cho nên cần phóng ra. Thu lại mà không thấy cái nơi còn, phóng ra mà không thấy cái đã mất, đó tức là tinh thần. Tinh thần không tan mất nhiên hậu [*id* 75a] mới còn được chân-tướng của mình. Là Nho là Thích,

cái danh tuy có khác mà chỗ tinh-vi thì vẫn giống nhau. Bởi thế, họ Thích giới-sắc, nhà Nho viên sắc cũng đều là bảo trọng tinh thần; đến khi mất đi, nhà Nho thì làm lăng làm miếu, nhà Thích thì làm chùa làm tháp cũng cùng để gom chứa tinh thần. Nghĩa là tinh thần chứa ở trong thân mình cùng với trời đất cùng một thể cho nên lúc sống thì giữ trang-trọng, khi chết thì giữ nghiêm-cần, sự không thể không giữ đó cũng là giữ lấy tinh thần vậy. Những đám tục-nho thường dùng âm dương phong-thủy (tức là môn địa-lý) để làm cái đất môi cầu phú quý, như thế tựa như là phải, nhưng thực ra thì là không phải. Lại như bọn Lão-Tử và Trang-Tử lại có thuyết cho là loài người cũng như con ếch con chiên con sâu con kiến thì lại là phóng dân vô loài, không hợp với đạo.

Xưa đây giáo-thuyết nhà Phật lấy sư viên-tịch làm giải-thoát, lấy sư xả thân làm chân-tu, trong đó tư có một ý nghĩa rất sâu, ít ai hiểu biết. [Tở 75b] Có khi những hàng tục-tăng học đòi cần bầy đến nỗi xảy có những việc đốt thân cắt thịt, thực là mất hẳn cái nghĩa thủ thân (giữ mình). Vì thế Đại-thiền-sư phải đem thuyết này để chỉnh.

Hải-Hòa tăng bàn rằng :

Tinh là người nhờ để sống, thần là người nhờ để thiêng. Tinh-khi đầy đủ mà tai mắt tay chân không thiếu, đó gọi là tinh-khi tức là vi-vật. Nhà Phật tăng trừ xá-lý là tăng trừ tinh-khi vậy. Thần-khi chu-lưu mà thì hành ra công dụng vô cùng, đó gọi là thần-khi tức là phong-đỉnh. Nhà Phật phóng trường-quang tức là hiển hiển phong-đỉnh vậy. Giữ được tinh thì có thể sống, giữ được thần thì có thể thiêng ; giới-sắc viên sắc là sống giữ cái tinh để khỏi bị hoại ; lăng miếu tháp chùa là chết giữ cái thần không để cho tan. Việc đó thực rõ ràng là thân người cùng trời đất cũng cùng [tở 76a] một thể, có tinh thần rồi sau mới có thân, nếu giữ được trang-nghiêm thì có thể cùng trời đất cùng được dài lâu vậy.

CHÚ - THÍCH

(1) Kinh Dịch nói : « 君子以嚮晦晏息 quân-tử dĩ hướng hối an tức ».

(2) Âm-âm là khi âm bé nhỏ bắt đầu vào ngày hạ-chi. Thiên Nguyệt-lệnh trong kinh Lễ nói « dĩ định âm-âm chi sở thành 以定晏陽之所成 ».

BẮT - QUẢ THANH

(Tiếng không hẳn đúng)

BẮT-QUẢ-THANH đây là lấy theo cái nghĩa ba chữ «Bắt-Quả-Phong» (gió không hẳn đúng) thuộc quẻ Tốn trong kinh Dịch vậy. Gió đi khắp bốn phương, phát ra cả bốn mùa, có thể đoán là Hẳn Đúng, nhưng cũng có sự Không Hẳn Đúng ở trong đó. Gió có thứ gió không hẳn đúng vậy. Miền đông-nam nhiều nước, miền tây-bắc nhiều núi, tùy theo từng nơi đều có những chốn có gió thổi tới. Coi gió bốn phương mà biết được vận-hội của cả mười phương.

Chương này khẩn-thiết nói tới chữ Ý. Ý trời không phải là Ý, Ý người mới là cái Ý. Vậy nghe cái tiếng Bắt-Quả lại cũng cần nên tu-chỉnh cái Ý Bắt-Quả.

oOo

[Iở 76b] Hải-Lượng Đại-thiền-sư nói : — ý trời không hẳn có ý, ý người mới hẳn là có. Có ý thì có thể nảy ra Kiến (trông thấy).

Bất cứ đất nào cũng có thánh hiền. Cái tốt về tinh-hoa là trời lấy làm trân-trọng. Cái tốt về thâm-u là trời vẫn dấu kín. Vua Nghiêu, vua Thuấn, vua Vũ, vua Thang, vua Văn, vua Vũ, Khổng-Tử và Chu-Công là nhận được cái tốt của tinh-hoa mà sinh ra. Các Phật Bồ-Tát nổi lên ở miền cực tây; các vị tổ nhà Liêu, nhà Kim, nhà Nguyên nổi lên ở miền cực-đông và cực-bắc; cũng là những ông vua thay trời mà lập cực và đều nhận được cái tốt của thâm-u mà sinh ra vậy.

Bởi thế, nói về đạo thì không gì to lớn bằng cái Ý, mà Ý thì không gì to lớn hơn là VẠN. Trời có vạn của trời, thành hiền có vạn của thành hiền. Vạn đó đi khắp trong mười phương, duy những bậc đại-phác (rất tinh-thành) là nhận được. Những nơi có vạn tự hình con trùng con cá, những nơi ngồn ngũ liu lo, cũng có những bậc đại-phác ở đó, không thể nào coi thường được.

Lời Kệ trong kinh Hoa-Nghiêm có nói : « Dĩ thi trang-nghiêm cổ, Kỳ mục thâm thanh-tĩnh. Phu-mẫu [tờ 77a] sở sanh nhân, Tất kiến tam-thiên giới. Kỳ trung chư chúng sinh, Nhất thiết giai tất kiến. Tuy vi đặc thiên-nhãn, Nhục-nhãn lực như thị. » (Vì có trang-nghiêm ấy, Con mắt rất trong sạch. Mắt cha mẹ sinh ra, Thấy hết ba ngàn giới. Trong đó bao chúng-sinh, Nhất-thiết đều thấy hết. Dầu không phải mắt trời, Sức mắt thịt như thế).

Hải-Âu Hòa thượng bàn rằng :

Ý trời không hạn có, nên sự nhận được to lớn mà không có giới-hạn. Ý người thì hẳn trông thấy, trông thấy thì nhỏ hẹp, nên chỉ quen với những cái thường thấy, mà những cái không thường thấy thì phải ngạc-nhiên. Đó là cái Ý của trời và của người không giống với nhau. Ý có thể nẩy ra sự thấy ; ý đã khác nhau thì sự thấy cũng không giống với nhau.

Ý của trời là không đâu không che chở, không đâu không bao bọc ; nói về to lớn thì không biết thể nào tả nổi, nhưng nói về sự gần thiết thì cũng chẳng khác chi cái thân của con người. Gió mưa sấm sét là hơi thở của con người ; trăm sông bốn biển là chân lòng của con người, bốn bộ đại-châu là bốn chân tay của con người ; [tờ 77b] trăm linh muôn vật là con rạn con chảy của người. Con người đã có đủ cả huyết mạch tại mắt chân tay không gì không đến nơi đến chốn, vậy thì cái ý-vạn của trời có khi nào lại làm cho hoa-hà (trung-quốc) và di-dịch có khác biệt nhau ? Cái tốt về thanh-hoa, trời vẫn trần trong, cũng có lúc mà chung đúc lại. Cái tốt về thâm-u là trời dấu kín, cũng có lúc mà phát-tiết ra. Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Vũ, Chu, Khổng, hoặc lấy chính lệnh trị thiên-hạ, hoặc đem đạo đức hóa thiên-hạ, đều là nhận được

cái tốt về thanh-hoa vậy. Các đấng Phật cùng Liêu, Kim, Nguyên hoặc lấy lời nói mở mang cho đời, hoặc dùng tài trí để chiếm thiên-hạ, đó đều là nhận được cái tốt về thâm-u vậy. Tóm lại các vị ấy đều là những bậc thánh-nhân thừa theo vận hội mà ra. Cái ý của trời không đâu mà không khắp, ý đi tới đâu là khi đi tới đó. Vận hành trong khắp mười phương, khi tới nơi đâu thì có ứng với vận hội mà được sinh ra. Dù nơi thanh-danh [tờ 78a] văn-vật hay chốn cùng cốc thâm san, nghĩa là hết thấy các nước ở trong vũ-trụ này nếu gương chia ra là trong hay ngoài là trái khác cái ý của trời.

Đời cổ-sơ thời-kỳ đại-phác, vận trời đi tới Trung-Quốc thì Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Vũ, Chu, Khổng, ứng vào, mà lập ra chế độ lễ nhạc rất đầy đủ. Mà trong lúc đó những nơi vẫn tự như hình con trùng con cá và nơi ngôn ngữ liu lo kia vẫn còn chứa dấu đại-phác của trời tại đó. Rồi tới khi vận hội đưa tới, thì có những bậc ứng vận mà ra tức là Bồ-tát, họ Liêu, họ Kim và họ Nguyên nổi lên. Cho nên nói rằng trời có vận của trời, thánh hiền có vận của thánh hiền.

Đạo không gì to lớn bằng Ý, tức là ý trời vậy. Duy người đời thường khen Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Vũ, mà cho họ Liêu, họ Kim và họ Nguyên là làm loạn Trung-hoa ; tôn Khổng phu-tử là chính-truyền mà cho chư Phật là dị-giáo. Đã đành sự tôn-sùng thì vẫn là phải [tờ 78b] nhưng sự chê bai kia thì rất là sai. Như thế có khác gì rằng lợi của con người lại chê cười các chân tay là mọi rợ, đó tức là cố-chấp theo ý của con người mà không phải là ý trời vậy. Kinh Hoa-Nghiêm nói « Thấy hết ba ngàn giới, Thấy hết các chúng-sinh. Tuy chưa được mắt trời, mắt thịt được như thế », vậy nếu bỏ buộc theo ý người thì chưa có thể lời được cõi ấy.

Hải-Hòa tăng bản rằng :

Trung-Quốc với bốn cõi phía ngoài, đều ở trong khuôn che chở của trời, tự trời trông ra thì không có gì là bỉ thử khác biệt. Vậy có lẽ nào chỉ giống Hoa là quý mà giống khác lại là hèn. Tuy rằng tập-tục có khác nhau, ngôn ngữ không cùng một lối, nhưng bầm-thụ linh-tú của non sông mà sinh ra những

bạc thánh hiền thì nơi nào mà không có, có điều khí đất phát ra tùy thời sau trước, cho nên tứ-khí chung đúc cũng không thể [tờ 79a] mà cùng một lúc. Trước đây tứ-khí chung đúc rất sớm ở đất Trung-Quốc, thì thanh-hoa tiết lộ vô cùng, nhưng tất cũng có khi phải tắt hết đi, mà những nơi cái khí tốt thâm-u lại dần thay vào đó. Vì thế những nơi vẫn tự như hình con trùn con cá và nơi ngọn ngữ lưu lo là những nơi chưa phát trước đây tất đến thời kỳ phải phát. Cho nên nói rằng tuy trăm đời về sau cũng có thể biết được vậy.

TÀNG THANH

(Tiếng giữ kín)

ĐẠO của trời đất giữ kín ở nơi không nói, đạo của thánh-nhân giữ kín ở chỗ không làm. Bởi vậy giống hay giống lợi, giống động cựa, giống cấy trồng, không một vật gì là không yên nơi yên chốn mà cái công thần diệu vẫn như không ; sự ăn sự uống, sự làm sự nghỉ [tờ 79b] không một dân nào là không thỏa thuê cách sống mà sức của trời vẫn không có. Đó mới gọi là TÀNG. Tàng có nghĩa là không trông thấy vết tích mà cũng không hiểu vì sao mà được đến thế vậy.

Đại-thiền-sư phát minh ra cái nghĩa dùng việc ÂM, ÂM ấy là TÀNG vậy. Cho tới nơi kết cấu thì nói rằng « quý có âm-đức, quý về việc làm cho người ta được ngấm ngấm hưởng-thu ơn-huê », giữ kín công-dụng mà ân-đức khắp tới mọi người, đó là tận cùng của đạo lớn vậy. Kinh Dịch 64 quẻ mà có quẻ SÚC, Viên-Giác nêu 24 tiếng mà có tiếng TÀNG, cách đặt ra lời nói tuy có khác nhưng LÝ thì vẫn là một.

oOo

Hải-Lượng Đại-thiền-sư nói : — Trời đất khéo dùng ÂM, thần Phật thánh hiền khéo dùng ÂM ; đương thì là tính mà âm thì là tình, có biết tình rồi sau mới có thể thành được tính. Trăm hoa nở bẹ vào sớm mờ, muôn cây nứt màng vào khi chập tối, đó là trời đất khéo dùng âm. Hiền đạo thì truyền đẳng (1), biết đạo thì hương-hối (2), đó là thần Phật thánh hiền [tờ 80a] khéo dùng âm. Bởi thế, đạo của trời đất quý ở U

(thâm-kín), quý ở VY (rất nhỏ), quý ở ẨN (che giấu), quý ở Bí (kín đáo). Đạo Kiên thành con trai, đạo Khôn thành con gái (3), sự rất sáng để nơi rất thâm-kín, cái rất hiển (rõ rệt) chứa ở chỗ rất ẩn (che giấu). Vạn vật không u-ẩn nên tính linh không được bằng người. Quý quái có tài làm nên yêu-quái nhưng không bằng được thần phật ; gian tà có tài khua múa xảo quyệt nhưng không bằng được thánh hiền. Không khéo dùng âm thì rút cục phải bỏ buộc vì âm cho nên lửa ngoài sáng mà trong tối. Khéo dùng âm thì âm lại sinh ra dương, nên nước ngoài tối mà trong sáng. Người quân-tử học đạo quý có âm-đức, quý cho người ta được ngắm ngẫm hưởng thụ ân-huệ. Bạc đãi-thắng phồ-thông như-lai không có tướng không có linh, chính là thể đó.

Hải Âu Hòa-thượng bàn rằng :

Thái-cực động mà sinh ra dương, tĩnh mà sinh ra âm, một âm một dương [tờ 80b] thì gọi là đạo. Nhưng dương thì hiển mà dễ biết, âm thì vi mà khó thấy. Mây nổi mưa phun người ta ai cũng có thể biết mà sự huyền-diệu khi lưu hành phẩm vật thì thực vô cùng. Mùa xuân sinh mùa thu tàn người ta ai cũng có thể rõ, mà cái nở tắt xuống lên thì không thể lường. Bởi vì đạo vốn là làm thể và làm dụng lẫn cho nhau, nhưng phải từ nơi vi (rất nhỏ) mà đến chỗ trứ (sáng rõ), từ chỗ ẩn mà tới chỗ hiển thì mới có thể thấy được cái dụng của trời.

Be mở từ lúc sáng mờ, vỡ nứt trong khi trời tối, tức là cách tạo-hóa của trời đất hiện ra các vật. Hiền đạo thì truyền đăng, biết đạo thì hương-hối, đó là cái công-dụng của thần Phật hiện ra ở mọi người. Quảng-Thành-Tử (4) nói : « Chí đạo chi tĩnh, yêu yêu minh minh. Chí đạo chi cực, hôn hôn mạc mạc » (Đạo đến chỗ tĩnh, mờ mờ mịt mịt. Đạo đến chỗ cực, tối tối tăm tăm), đó tức là cái nghĩa trời đất thánh hiền thần Phật dùng về ÂM vậy. Duy khéo dùng ÂM nên buổi tối nứt, sáng mờ nở, rồi tàn cùng lại minh bạch ; [tờ 81a] mà truyền đăng và hương hối lại càng thấy quang minh. Bởi ÂM là một đạo u vi ẩn bí mà lại có sự rất minh rất hiển ở trong.

Đây đem đạo kiên đạo khôn ra mà nói là để cho thấy MINH tất phải do từ U mà HIỀN tất phải do từ ÂN vậy. Nếu có thể làm u hay làm ần đó tức là khéo dùng âm vậy.

Vì khéo dùng âm nên cái đạo của thánh hiền thần Phật cùng với trời đất cùng xen hàng. Còn như quý quái làm ra yêu nghiệt để lèo người, lũ gian-tà làm xảo trá để lừa người; nhưng lộng lẫy lắm tất có ngày phải diệt, lẻo loét lắm tất có lúc phải thò vung đại ra; sao bằng cái đạo của thần Phật thánh hiền càng lâu càng bền bỉ luôn luôn ở người mà người không tư biết. Cho nên nói rằng đạo của quân-tử tối vậy mà ngày càng sáng thêm, cũng như nước ngoài tối mà trong thì sáng vậy.

Đại-thiền-sư nêu ra chương này để bảo các [tờ 81b] học-giả mà lại kết cấu bằng câu: « quí có âm đức, quí để cho người ta được ngấm ngấm hưởng thụ ơn huệ » để cho thêm sáng rõ cái đạo cốt yếu sửa mình và xử với người. Lại thêm đến câu « đại-thắng phổ-thông như-lai không có tướng không có linh » để tỏ rõ cái linh và tướng của Phật là không thể nào mà trông thấy. Nếu không phải là hàng người rất sâu về đạo thì có khi nào mà đã hiểu được?

Hải - Hòa tăng bản rằng :

Dương thì cương-kiên (cứng mạnh), âm thì hàm hoẵng (bao la rộng rãi), cương-kiên là thể mà hàm-hoẵng là dụng; nếu không hàm-hoẵng thì không bao bọc chứa đựng mà làm thành cái dụng để thi sinh. Vì thế, đạo âm là u-vi ần-bí mà vẫn có rất minh rất hiền gồm ở trong đó. Cũng chỉ vì không rõ rệt lộ ra, không bộc toạc bày ra, là kín đáo sâu rộng cho nên mới có chỗ để mà thụ dụng. Trời đất giao hợp, muôn vật hóa thành, đạo Kiên thành trai, đạo Khôn thành gái (5), nào ai biết được [tờ 82a] vì đâu mà trở nên như thế. Cũng như thần Phật giúp vật yên dân, công lao ở nơi không ai thấy vết; thánh hiền chính lòng thực ý, cái đạo riêng quí ở tư mình tu tỉnh lấy mình. Đó đều là khéo dùng âm vậy.

Lửa vốn gốc ở âm mà dung ra là dương cho nên ngoài sáng mà trong tối, khác nào người ta có một việc thiện đã vội mong cho người khác biết và mong trời kia báo đáp, nhưng biết đâu có đức dương sẽ bị âm khiển trách, thế là không khéo dùng âm vậy. Nước vốn gốc là dương mà khi dung lại là âm, khác nào người làm điều thiện suốt đời không cầu cho ai biết cũng không mong báo đáp của trời, nhưng có đức âm thì tất sẽ có báo ở nơi dương, đó tức là khéo dùng âm vậy. Xem đó thì biết âm tức là cái nền tảng của đức mà là gốc rễ của công vậy

CHÚ - THÍCH

(1) Nhà Phật có thể phá sự tối tăm của chúng-sinh cho nên dùng cái đèn làm ví dụ, truyền đăng có nghĩa là truyền cái đèn cho người sau, tức là truyền đạo tu hành.

(2) Hướng hối đã chú thích ở trên.

(3) Trong Hệ-từ kinh Dịch: «天地絪縕萬物化醇，乾道成男坤道成女 Thiên địa nhân huân, vạn vật hóa thuần. Kiền đạo thành nam, khôn đạo thành nữ» Trời đất giao hợp, muôn vật hóa thành. Đạo Kiền (trời) thành trai, đạo khôn (đất) thành gái.

(4) Quảng-Thành-Tử, một vị tiên đời thượng-cổ bên Trung Quốc, ở ngôi nhà đá trong núi Không-Động. Khi vua Hoàng-Đế đến hỏi về cách tu thân thì đáp là: «chớ làm nhọc hình thể của người, chớ lay động tinh thần của người, chớ làm cho phải lo nghĩ nhiều, thì tức khắc sống lâu» (theo trong sách Trang-Tử).

(Xem) chú thích số 53 ở trên.

[Tờ 82b] HƯỜNG THANH

(Tiếng Vang)

CÓ tiếng tất có VANG, đó là lẽ thường. Tiếng vang của chuông là tiếng loài kim, tiếng vang của mõ là tiếng loài mộc. Vang là cái ngon cuối của tiếng mà tiếng là cái gốc của vang. Tiếng chỉ nổi lên trong một lát mà vang thì đề mãi tới về sau. Vì thế người quân-tử tất phải chỉnh ngay từ gốc. Cây mộc-miền (cây bông goòng) đề vết chữ, đỉnh Sài-san đề vết chân, đó đều là tiếng vang của pháp-thuật vậy. Mỗi khi làm việc quái-dị có thể khiến cho những người ưa nói quái dị hưởng-ứng (ứng theo tiếng vang), nhưng tới khi tiếng vang đã hết thì sự ứng theo kia cũng tắt im ngay.

Riêng ba vị tổ Trúc-Lâm, lấy từ-bi làm thầy, lấy quảng-đại làm dung, cùng trời đất sánh đức, cùng mặt trời mặt trăng hợp sáng, cái tiếng rất chinh cho nên cái vang cũng rất lâu dài, bất cứ người hiền người ngu bậc thánh hay phàm nghe tới tiếng vang ấy [tờ 83a] cũng phấn khởi được ngay. Vì thế cho nên mới gọi là HƯỜNG-THANH.

oOo

Hải-Lượng Đại-thiền-sư nói : Nước Nam ta các bậc cao-tăng rất nhiều mà các bậc danh-nho cũng lắm. Duy phần nhiều các vị cao-tăng hay thích làm những việc hiềm-học quái-dị. Đại-khai như các vị Không-Lộ, Đại-Điên, Vạn-Hạnh và Đạo-Hạnh đều là pháp-thuật rất cao. Hiện nay còn truyền lại sự-tích khắc chữ trên cây mộc-miền và còn thấy vết in

bàn chân trên hang núi Sài-san, đó đều là các vị tăng ấy tự tạo ra cả. Việc này cũng giống như triều-đại trước đây muốn ghi tượng vũ-công mà làm ra truyện của quỷ mở ra và Liêu-Thăng quay lộn viên đá, cùng là cây vạc Phổ-Minh, cây tháp Báo-Thiên, tượng Phật Quỳnh-Lâm, cái chuông Phả-Lại cũng đều thuộc về loại ấy. Những việc như thế, các bậc chân-tu không bao giờ lại chịu làm ra. Những bậc chân-tu như ba vị Tổ Trúc-Lâm không làm gì lại có những việc quái-dị truyền đề về sau. Vì thế cho nên tu pháp không bằng tu đạo, tu thân không bằng tu tâm. Nhà Nho nói là tàng tu, tức là nói về tu-tâm vậy.

[tờ 83b] **Hải-Âu Hòa-thượng bàn rằng :**

Trong kinh sách có nói : « lượng cô thâm tàng nhược hư, quân-tử thịnh đức dung mao nhược vô » (nhà buôn giỏi giấu kín hàng hóa tốt như là trống rỗng, người quân-tử có đức tốt, nhưng ngoài mặt vẫn như không) (1) kẻ có đức còn không để hiện ra nét mặt, huống hồ lại còn hiện ra công việc hay sao ?

Trong kinh Kim-Cương nói : « phi pháp, phi phi pháp » (không phải pháp, không phải không phải pháp), pháp còn coi như không phải, huống chi còn có công việc hay sao ?

Nước ta bậc cao-tăng như Không-Lộ, Đại-Điền, Đạo-Hạnh, Vạn-Hạnh đều có pháp-thuật rất cao, nhưng cây mọc-miền đề vết chữ, núi Sài-San đề vết chân đều là hiện hiện thần-quái để đời kinh hãi ; cái vạc Phổ-minh, cây tháp Báo-Thiên, ngôi tượng Quỳnh-Lâm, cái chuông Phả-Lại, đều lưu sắc-tướng để người sau nhận biết. Đó đều gọi là pháp-thuật vậy.

Cái nghĩa chữ thuật là thao-thuật (nắm giữ thuật nghệ), đã gọi là thao-thuật thì là có ý có tất, vậy gọi là cao-tăng thì có thể được, nhưng không thể được gọi là thượng-phật. Bậc thượng-phật tất phải như ba vị Tổ Trúc-Lâm, chỉ mở dạy

cho đời [tờ 84a] bằng ngôn ngữ đạo-lý, không những không hiện ra ở công việc mà ngay đến lời nói cũng sâu xa rộng rãi, khó lòng nhòm thấy cạnh góc đề theo. Bởi vậy nên kẻ học theo thiền-học tất phải coi là bậc Tồ muôn đời. Vì cớ đó nên nói là tu-pháp không bằng tu-đạo, tu thân không bằng tu tâm. Tu pháp là chỉ tu ở chốn thô-sơ mà chưa tới nơi tinh-tế ; tu thân thì chỉ chăm ở bề ngoài mà không bằng tu tâm là trau-giồi ngay từ bên trong. Tu đạo và tu tâm tức là ngu cái rất rõ rệt trong cái rất nhỏ bé, ẩn cái có dụng ở trong cái vô dụng, nghe mà không nghe thấy, trông mà không trông ra. Sách Nho nói là « phóng ra thì tung khắp lục hợp (trên trời dưới đất và 4 phương) mà thu lại thì giấu kín trong nơi bí mật », như thế mới gọi là tàng-tu.

Hải-Hòa tảng bàn rằng :

Đức Thích-Ca là bậc thần-thông không sinh không diệt, mà khi 7 ngày không ăn hột cơm, tự thấy gầy yếu [tờ 84b] thì lại ra đi khát thực, không chịu làm những điều giả dối lạ lùng để mở cái mối quái-đản về sau. Vì thế mà ở nước ta đây các vị cao-tăng rất nhiều, nhưng duy có ba vị Tồ Trúc-Lâm là không có những truyện quái-đản truyền lại đời sau. Ngoài ra như cây mọc-miên đề vết chữ, thì duy có nhà sư Vạn-Hạnh là hiểu được nghĩa, nhưng biết đâu lại không phải là sư Vạn-Hạnh làm ra ? Hang Sài-San còn vết chân ở đá, tương truyền là sư Đạo-Hạnh hóa thân, nhưng biết đâu không phải là người đời sau đã bịa dục ra. Đại suất đều là làm những điều hiểm-hóc quái-dị cốt để cho cái thuyết thêm phần thần diệu kỳ dị mà thôi.

Hơn nữa, như nhà sư Không-Lộ chỉ một túi đồng treo trên đầu gậy mà đức nổi 4 thừ bảo-khi nước ta : cái vạc ở chùa Phổ-Minh chìm sâu xuống hàng hơn 10 mẫu ruộng, cây tháp ở chùa Báo-Thiên chất cao hàng trăm trượng, pho tượng ở chùa

Quỳnh-Lâm thì đứng ở Đờ-Sơn cũng còn trông thấy và cái chuông ở chùa Phả-Lại thì nhà vua ở trong triều cũng nghe thấy [ở 85a] tiếng. Nhưng nếu quả có những việc như thế thì hiện nay không biết là thất lạc đi đâu ? Ba vị Tồ Trúc-Lâm hẳn không có những việc như thế. Vì chưng ba vị Tồ là chỉ lấy tâm mà tu đạo và lấy đạo mà làm sáng tâm, tự nhiên trở nên thành Phật, ngoài ra những phép quái đản không chút dự vào.

CHÚ - THÍCH

(1) Trong Sử-ký Trung-Quốc chép truyện Lão-Trang nói : « 良賈深藏若虛 lương cổ thâm tàng nhược hư » (Nhà buôn giỏi giấu kín hàng hóa quý báu như là trống không).

LƯU - ĐỘNG THANH

(Tiếng Lưu-động)

LƯU-ĐỘNG là như suối chảy, như gió động, phơi-phới vậy không có gì ngăn cản, cuộn-cuộn vậy không có gì ngừng lấp. Lễ-ký nói là « lưu nhi bất tức » (trôi chảy mà không ngừng), sách truyện nói « động chi ty hòa » (động đấy mà hòa thuận), đó tức là LƯU-ĐỘNG, nghĩa là không nơi nào mà không lưu-hành, không nơi nào mà không vận-động. Có thể lưu-hành vận-động là do cái đạo được tròn. Tròn tức là cái thể mà lưu-động là cái dụng.

oOo

[Tđ 85b] Có một sa-di hỏi Hải-Lượng Thiên-sư về nghĩa luân-hồi. Thiên-sư đáp rằng: — Năm có sự luân-hồi một năm, tháng có sự luân-hồi một tháng, ngày có sự luân-hồi một ngày. Luân (bánh xe tròn) cho nên có thể hồi (quay trở lại), cũng như nhà Nho nói tuần-hoàn vậy. Hoàn (quay lại) mới có thể tuần (theo đi), nếu không hoàn thì cũng không thể nào mà tuần đi được. Nhà Phật nói LUÂN, nhà Nho nói HOÀN, luân hoàn là đạo trời vậy.

Trời lấy cái tròn làm thể, mặt trời mặt trăng các vì sao đều tròn mới có thể chu-lưu vận-hành. Thích-Ca Mâu-Ny Phật chuyển bánh xe vô-ngại, đức Không-Tử quay bánh xe khắp các nước Hầu, nghĩa là người có đạo thì mới luân-hồi, nếu không có đạo thì không luân-hồi.

Sa-Di nghe nói, cúi đầu mà ngủ. Đại-thiền-sur lại nói :

Nhà Nho nói : « biến-thông, cảm thông, hội thông », nhà Phật nói « thần-thông » cái nghĩa cũng cùng là một vậy.

Đồ-Đệ hỏi lại : — Thầy bảo nhà Phật nói thần-thông biến-hóa thì là như thế nào ?

Sur đáp : [tờ 86a] — Bốn mùa không biến đổi thì không thành năm, muôn vật không biến hóa thì không có hoa quả. Biết đạo thì thông mà không biết đạo thì không thông ; thông thì sống, không thông thì chết. Cho nên sống là thuộc về thần mà chết là thuộc về hình. Thích-Ca Mâu-Ny diệt-độ, Không-Tử nằm bệnh bảy ngày mà mất, nhưng đạo không dự gì vào đó. Xứ Tây-Ngưu Hạ-Hóa có vô số thọ-phật, châu Nam-Thiệm bộ (1) trong năm-trăm năm thì có vị vương-giả ra đời, đó tức gọi là thần-thông.

Hải-Âu Hòa-thượng bàn rằng :

Mùa xuân mùa hạ mùa thu mùa đông, trăng tròn trăng khuyết, ngày hối (ngày 30) ngày vọng (ngày rằm), buổi sáng buổi trưa, buổi chiều buổi tối, hết lại bắt đầu, tiến lui cùng thấy nhau, đó là sự luân-hồi một năm một tháng và một ngày vậy. Phật nói LUÂN, Nho nói HOÀN, luân hoàn tức là tròn, còng dưng cũng chỉ là một. Mặt trời mặt trăng các vì sao lấy tròn làm thể cho nên có thể [tờ 86b] chu-lưu vận-hành. Thích-Ca Mâu-Ny là bậc thượng-phật chuyển bánh xe vô-ngại (không vướng mắc) là dưng cái tròn nên trăm ngàn vạn ức chúng-sinh đều có thể cho vào vô-dur niết-bàn mà sám-hối tế độ. Bậc chí-thánh (tức Không-Tử) quanh xe cũng là dưng sự tròn cho nên những việc ở nước Trần nước Xái, và gặp Nam-Tử (2) cũng đều không động tới thanh sắc (tiếng nói và nét mặt) đó là dưng cái tròn vậy. Vì thế nên nói là có đạo thì mới luân hồi, không đạo thì không có luân-hồi, nghĩa là nếu không tròn thì làm không nổi vậy. Nghĩa trong câu này cùng với cái nghĩa chuyển-sinh luân-hồi của các

nhà tăng lại không giống nhau, không trách các đồ-dệ không thể hiểu nổi.

Đại-sư lại nói chữ biến-thông tức là coi sự biến mà thông đi; cảm-thông là đẳng này cảm thì đẳng kia ứng; và hội-thông là gặp lúc thích-hợp mà thông; đến như thần-thông thì là thần-diệu mà biến-hóa không gì là không thông vậy. Nho hay là Thích cũng đều như thế, cái nghĩa không khác với nhau. Nhưng phải nói riêng rẽ là [tờ 87a] biến là cảm và là hội, đó là tùy từng việc tùy tình và tùy thời mà thông, nhưng đã thần thì tới chỗ cùng tột không thể nghe thấy không thể trông thấy mà không gì là không thông vậy. Thông mà đã đến bậc thần thì tức là có thể biến được vậy.

Nay xét đạo trời hay việc người không một cái gì mà không giống như thế. Từ động-vật thực-vật, loài bay loài lặn đều là tùy thời mà biến hóa tức cũng là biến-hóa thần-thông vậy. Gồm trời đất muôn vật mà làm ngã (ta) rồi tùy nơi viên-thông không gì chướng-ngại thế là biết đạo. Nếu trông thấy mà chưa cho là phải, nghe thấy mà chưa cho là thực, che lấp trở ngại, cựa cạy không ra, tức là chưa biết đạo. Biết đạo thì thông, thông thì trống rỗng, trống rỗng cho nên sống. Trái lại không biết đạo thì không thông, không thông thì ngăn lấp, ngăn lấp cho nên chết.

Thần nguyên là tính, tính thì không thể diệt nên nói là [tờ 87b] sự sống thuộc về thần. Hình thể là chất, chất thì có sinh mà có diệt cho nên nói sự chết là thuộc về hình. Thích-Ca Mâu-Ny diệt độ, Khổng-Tử nằm bệnh 7 ngày mà mất, diệt hay là mất chỉ là cái hình mà thôi; còn về phần minh-tâm kiến-tính (sáng cõi lòng thấy rõ tính là Phật) và tận tâm tri-tính (hết lòng biết tính là nhà Nho) thì cái chân-truyền của thánh-nhân và tôn-giả vẫn luôn luôn ở trong khoảng trời đất ngàn năm không thể giứt, vì thế nên bảo là đạo không dự vào sự diệt đó.

Châu Tây-Ngư-Hóa có vô lượng thọ-phật, châu Nam-Thiệm-bộ có bậc vương-giả nổi lên tức là cái nghĩa có đạo ấy thì tất có người ấy, không thể nào mà diệt vậy.

Hải-Hòa-tăng bàn rằng :

Phàm vật tròn thì có thể chuyển đi, vuông thì đứng chừng lại, mà không thể di-động. Chuyển đi thì bắt đầu rồi đến hết, hết lại bắt đầu, chu-lưu vận-chuyển không một phút nào ngừng lại. Luân là tròn cho nên có thể hồi, hoàn là tròn cho nên có thể tuần. Viên (tròn) tức là [tờ 89a] tri-tuệ không gì là không thông mà thi-hành không gì là trở ngại.

Kiếp người có hóa có sinh, bắt đầu nhờ bào-thai mà sinh, sinh rồi đến trưởng, trưởng rồi lão, lão rồi tử, nhưng sau khi tử mà tinh-thần không diệt nên lại nhân hình mà sinh. Người ta có lúc bần-tiện, bần-tiện mới cần-kiệm, cần-kiệm mới phú-quý, phú-quý sinh kiêu-xa, kiêu-xa thì lại bần-tiện.

Những người có đạo khi sinh ra làm người, không làm các điều ác, chỉ phụng-hành điều thiện, khi chết không ngã vào ma-kiếp. Kiếp trước làm người, kiếp sau lại làm người, phú-quý mà vẫn thường cần-kiệm, có thể thường giữ bần-tiện, nên ngày nay phú-quý ngày mai lại phú-quý mà mới có thể luân-hồi. Đến như kẻ vô đạo, kiếp trước làm người, kiếp sau lại hóa súc-sinh thì sao có thể luân-hồi? Ngày nay phú-quý, ngày mai bần-tiện thì sao có thể luân-hồi? Cái thuyết của thầy ta thực là những lời mà từ Thích-Ca cho tới ngày nay chưa [tờ 89b] từng phát hiện,

Lại nói rằng : Người ta sinh trong khoảng trời đất, thể phách thì trê mà tinh-thần thì thông. Mọi người thường thì bảy phần là phách mà ba phần là hồn, hồn mà linh thiêng thì gọi là thần. Người thường không được gọi là linh mà chỉ gọi là tam hồn, duy bậc chi - nhân tri giác linh hơn người thường nên mới gọi là tam thần (ba thần). Thần thì không

gì là không thông, không gì là không biết cho nên gọi là thần-thông. Ngưng-trẻ thì chết, thông-đạt thì không chết. Người thường thì hồn không linh nên cùng với phách cùng hóa, bậc chí-nhân vì thần rất linh nên không thể cùng hóa với phách.

Tại sao lại nói là bất-tử (không chết) ? nghĩa là đạo vẫn thường ở trong khoảng trời đất vậy. Bậc tiên tri (biết trước) bảo người hậu-tri (người biết sau), tiên giác (hiểu trước) bảo người hậu-giác (hiểu sau), vì đạo vẫn còn nguyên ở đó. Bởi thế sau khi đức Mâu-Ny diệt-độ mà châu Tây-Ngưu-Hóa lại có vô lượng thọ-phật, tức là đạo của Mâu-Ny không chết. Không-Tử mất mà châu Nam-Thiệm-Bộ [tở 90a] cứ năm trăm năm lại có bậc vương-giả nổi lên, đó là đạo Không-Tử không chết. Không chết mà đạo còn, biến hóa không cùng tận, đó không phải là thần-thông hay sao ?

Vậy người ta sinh ra ở đời, nếu không lập được một lời nói hay làm được một việc gì có thể tới cõi thần-thông để đến nỗi phách chết mà hồn cũng đi theo, thì thực đáng thương xót biết bao ?

CHÚ - THÍCH

(1) Tây-Ngưu-Hóa châu đã chú thích ở trên. Nam-Thiệm bộ châu cũng đã chú thích ở trên.

(2) Trần là một nước nhỏ bên Trung-Quốc, Không-Tử lúc chu du liệt-quốc bị tuyết lương ở đó. Xá cũng là nước nhỏ Trung-Quốc, Không-Tử có lúc bị vây ở đó. Nam-Tử là vợ của Linh-Công nước Vệ vào thời Không-Tử, khi Không-Tử tới Vệ phải vào chào nàng để chiêu lòng vua Vệ.

DƯ THANH

Tiếng Thừa

NHỮNG đồ vật có hình khí (1) đều có tiếng THỪA, nhưng tóm lại chỉ nghe thấy lúc mau gấp mà không nghe thấy lúc thư-thả. Những tiếng thừa thư-thả như là tiếng vang trong hang núi khua lên mà làm thành ra sấm sét vậy. Kinh Dịch nói: « Quân tử cư kỳ thất, xuất kỳ ngôn thiện, thiên lý chi ngoại ứng chi » (người quân-tử ở trong nhà phát ra lời nói thiện thì ngoài ngàn dặm ứng theo), đó không phải là tiếng thiện thừa lại hay sao? Lại có [tờ 90b] câu « hiển chư nhân, tàng chư dụng, cô vạn vật nhi bất dự: thánh-nhân đồng ưu » (hiển rõ ở điều nhân, giấu kín ở việc dụng, cô động muôn vật mà không dự vào, thánh-nhân cùng lo) đó không phải là tiếng nhân thừa lại hay sao? Vì thế mà bậc chi-nhân đức xen cùng trời đất mà vẫn nhún nhường tự hạ thấp mình; có phúc mà không hưởng hết, có công mà không nhận hết, có quả mà không ăn hết, có cái không hết ấy cho nên mới được có thừa.

Đại-thiền-sư nêu lên hai chữ « Nhân Quả » phát minh ý nghĩa, đem cái tiếng có thừa không hết để làm tốt cho người mà truyền về đời sau. Phật nói THANH-VĂN (tiếng nghe) tiếng không phải cái tiếng nghe, tiếng nghe được không phải là nghe tiếng mà là nghe tiếng thừa vậy.

Sa-di dần tỉnh, lại đến trước Hải-Lượng đại-thiền-sư mà bạch :

— Thầy dạy rằng Phật nói nhân-quả và Nho nói thạc-quả thì là sao ?

Đại-sư đáp : Đó là sự quả-nhiên của cái quả, cũng như sự tất-nhiên của chữ Tất trong thuyết nhà Nho. Nhà Nho có [tờ 91a] nói « tich thiện chi gia tất hữu dư lương, tich bất thiện chi gia tất hữu dư ương » (nhà chứa điều thiện, tất có phúc thừa, nhà chứa điều ác tất có tai ương thừa), quả-nhiên có thể, nên phải có thể, đó tức là QUẢ, tức là thạc-quả ; công-quả hay là phúc-quả cũng là một cả. Bởi thế, phúc không thể hưởng hết, công không thể nhận hết, quả không thể ăn hết.

Đức Thích-Ca Mâu-Ny khi ở nơi tĩnh-cư, trong bụng đói, có một thiện-nữ đem quả tới cúng dường nhưng người lại đi vào trong thành xin ăn và được một đĩa trẽ đưa lạng khối đất (?). Nhà Nho nói thạc-quả (quả to) không ăn, vậy người nói ăn là tốt hay không ăn là tốt ? Sa-di từ sớm đến trưa nghe kỹ lời nói của thầy, tại ù mà đi.

Hải-Âu Hòa-thượng bàn rằng :

Nhân là lai-nhân (cái nguyên do đưa đến), quả là kết quả (kết-quả cuối cùng), cái máy cảm và ứng là phải như thế [tờ 91b]. Trời to lồng lộng mà không thấy hình dáng, Phật cũng không-không mà không có hình dáng. Thích điều thiện ghét điều ác, chưa hẳn đã ấn-định có cái nhân như thế tất có cái quả như thế, cũng như pháp luật và khoán ước ở thế gian vậy. Nhưng chạy rảo gấp thì không có vết chân ngừng, quay lại mau thì ít có tiếng ồn hòa. Cái ruộng cấy lúa lương lúa đạo thì không để cho loài cỏ thường lớn lên, các tổ loài chim di chim cắt thì không thể chứa được chim phượng chim loan. Đó tức là lấy cái ấy cảm thì có cái ấy ứng, gieo hạt giống xuống đất đợi thời sẽ mọc ra, đều là cái nghĩa hai chữ nhân quả. Biết được thế thì có thể nói đạo trời vậy.

Đạo trời là ghét sự quá đầy. Phúc quả thì tai-ương tới, lợi quả là có hoa nấp ở trong, biết được thế thì biết rằng phúc không nên hưởng hết. Sự thu được là sinh ra bởi sự mất, sự yên dẫu là sinh ra bởi sự nhúc, biết được thế thì hiểu được là còn không thể nhận hết. Sách Nho nói : « Mãn chiếu tồn » (đầy thì gây ra sự tồn bớt), rằng « Lý thịnh mãn » (Xéo vào nơi thịnh thì đầy), rằng « lưu hữu dư chi địa dĩ hoàn tạo-hóa » (lưu lại đất thừa để trả cho tạo-hóa) [tờ 92a] và « lưu hữu dư bất tận chi phúc dĩ hoàn tử tồn » (lưu cái phúc thừa không hưởng hết để lại cho con cháu). Trong sách đạo cũng nói : « Vì khê vi cốc, phạm sự giai đương lưu trước nhất địa-đầu » (làm khe làm hang, phạm việc đều nên lưu lại một mầu đất). Đại-thiền-sư nói còn không nên nhận hết, phúc không nên hưởng hết, vì với quả không nên ăn hết, thực là một lời nói to lớn biết bao ? Đức Thích-Ca Mâu-Ny không ăn cái quả của thiện-nữ đem cúng mà đi vào trong nơi thành để xin ăn, tức là nhân thấy việc mà độ chúng-sinh vậy.

Trong một thiên này Đại-thiền-sư đem văn đề dạy chúng, thực là một ngọn đèn sáng trong đêm trường, một cái bè to trong chốn bến mê. Từ xưa tới nay, những người hiểu được nghĩa ấy, ở nước Việt thì có Đào-Chu-Công, ở đời Hán thì có Trương-Tử-Phòng và ở đời Đường thì có Lý-Nghiệp-Hầu (2) vài người ấy mà thôi.

Hải-Hòa tăng bàn rằng :

Nhân làm việc này, quả có báo ấy, quả sau nhân trước, một ly một tý không sai, [tờ 92b] vậy nhân và quả phải nên coi bằng với nhau. Phúc-quả và công-quả mới có thể làm nên thạc-quả, lời của đại-sư nói thực là đến nơi và gồm hết vậy.

Phúc là thứ đối chọi với họa, phúc mà hưởng hết thì họa sẽ sinh. Công là đối chọi với quá (lỗi), công mà nhận hết thì quá tất theo ngay. Bởi thế nên đức Phật Thích-Ca ném

bồ voi ở thành Tĩn-Phạn, đức Điều-Ngự Giác-hoàng sang qua phía nam đánh phá quân Nguyên, có thiên-hạ mà mình không dự. Bậc thứ như là Pháp-Loa thiền-sư lý ứng được hưởng-thu cái phúc thanh-nhân mà lại tu trì giới hạnh, không tận hưởng cái phúc; có công làm sáng đạo giáo mà không chịu nhận hết cái công. Những bậc trên đây đều là đạo cao đức thịnh, chưa dễ mấy ai đã theo kịp. Kinh Dịch có nói « thực-quả bất thực, quân tử đức dự » quả lớn không ăn, người quân tử được lòng quần chúng (3), hoặc giả là ở ngày nay mà Trúc-Lâm nổi lên, đó cũng là cái lý quả-nhiên và tất-nhiên vậy.

CHÚ - THÍCH

(1) Trong Hệ-tứ kinh Dịch nói: 形而上者謂之道形而下者謂之氣 hình nhi thượng giả vì chi đạo, hình nhi hạ giả vì chi khí.

(2) Đào-Chu-Công tức là Phạm - Lãi ở nước Việt, Trương-Tử-Phùng là Trương-Lương đời Hán và Lý-Nghiệp-Hàn tức là Lý-Bý đời Đường, đều là những nhân vật nổi tiếng bên Trung-Quốc thời xưa.

(3) Câu này trích quẻ Bác trong kinh Dịch, ý nói cái quả lớn mà không ăn thì sẽ thấy có ngày lại nảy mầm mọc lên.

[Tr 93a] Hết tập Đại-Chân Viên-Giác Thanh

oOo

Phụng tả (người viết) :

1) Thị-nội Mật-sự Tả-trung-doãn Dược-trung-Bá Nguyễn-Hữu-Dược (Người Nhân-Mục Thanh-Trị).

2) Thị-nội Bí-thư Thư chính - tự Tích-trung-Bá Đào - Kim - Tích (người ở Tĩnh-Quang Huyện Gia-Lâm).

3) Thị-nội Bí-thư Thư Kiềm-thảo Tuấn Trung - Tử Nguyễn-Hữu-Tuấn (người ở làng Nhân-Mục huyện Thanh-Trị).

Phụng san (người phụng sửa) :

— Thái-thường Giám-Thái-chức Nho-Nghĩa-nam Phạm-Đạt-Nho (người làng Hồng-Liêu huyện Gia-Lộc).

ĐẠI-CHÂN VIÊN-GIÁC-THANH TIÊU-KHẨU

[Tờ 94a] (Tiếng Đại-Chôn Viên-Giác sẽ gõ)

(BẠCH-TÚC HÀI-ĐIÊN NGUYỄN-ĐÀM-TỬ KÍNH-HÒA-NAM KHẨU)

Thứ nhất: **KHÔNG THANH**

(Tiếng không)

MỘT Âm một dương gọi là đạo, vì đó mà lý (lẽ ở đời) có thuận và có nghịch vậy. Đem kinh Dịch ra mà khảo sát thì, bức-dờ ngang là bày theo lối thuận để phân biệt thứ-tự sinh-thành; bức-dờ tròn là đếm lối ngược để thấy rõ cái cơ-quan thăng giáng (lên xuống). Thuận nghịch cùng nhân với nhau là lẽ tự-nhiên vậy.

Người đời xưa đã có làm theo như thế đó : Vua Thuấn nhà Hũu-Ngu không cáo với cha mẹ mà lấy vợ ; vua Đại-Vũ nhà Hạ bỏ quên cha mà thờ kẻ thù (1) ; vua Thành-Thang nhà Thương, vua Vũ Vương nhà Chu người thì đuổi vua, người thì giết vua ; ông Chu-Công giết anh và em, (2) như thế việc trái ngược nào mà không phải là thuận. Gỗ thuyền ở trong nước, loài chim nghe thấy [tờ 94b] mà bay cao để tránh, loài cá lặn sâu để nấp, sự chạy lên chạy xuống có khác nhau nhưng đều là được tiện lợi cả.

Lý ấy là có danh mà không có hình ; tâm ấy là có hình mà không thể lường được vậy. Thầy Chu-Tử nói :

(1) Bố vua Đại-Vũ nhà Hạ là ông Cồn bị vua Thuấn dầy ở Vũ-sơn mà ông Vũ lại giúp vua Thuấn.

(2) Anh Chu-Công là Xái-Thúc-Độ và em là Quân-Thúc-Tiên.

« thái-cực nhi vô cực » (thái cực mà là không cùng cực) ; kinh Thi nói : « thượng thiên chi tái, vô thanh vô xứ » (trời cao che chở không có tiếng không có hơi), thực là đến nơi đến chốn vậy.

Thứ hai : NGỘ - THANH

(Tiếng ngủ)

Lửa là dương mà gốc ở âm, nước là âm mà gốc ở dương, cho nên có Lý thì tất có Dục (thích muốn). Dục là đề chuyên chở lý vậy. Phạm dục hợp với lý thì là tốt lành, trái với lý thì là xấu rữ. Lão-Tử nói : Không thấy những cái đáng muốn mà khiến lòng không rối loạn, bậc người ấy chỉ có thể thuyết-pháp vào hàng tiều-thặng ; duy những người thấy có cái đáng thích muốn mà lòng không rối loạn mới là thực đúng vậy. Ngoài ra còn đến bậc cùng với sự vật mà cùng hóa như không thì ta không biết sẽ đi tới bậc nào ?

[Iở 95a] Thứ ba : ẨN - THANH

(Tiếng ầm)

Động và tĩnh không có đầu mối, âm và dương không có bắt đầu ; nếu không phải là người biết đạo thì ai mà có thể hiểu được (Lời nói của Trình-Tử tức Trình-Hao đời Tống) ?

Thứ tư : PHÁT - TƯỚNG THANH

(Tiếng Phát - tướng)

Nam-Quách-Tử-Cơ (1) ngửa lên trời mà hắt hơi, đại-thiên-sư đương ăn mà ghen, hai cái đó cũng một diện-tướng như nhau. Thiệu-Tử (2) nói rằng : Tư lự chưa nổi lên thì quỷ thần cũng không biết, vậy đó không do tư ta thì còn do tư ai ? Ồi, đã có do tư tức thì là tư lự đã phát ra rồi, nhưng nếu còn nói ta hay là ai thì sao bằng ta và ai cũng đều quên bỏ cả.

(1) Theo sách của Trang-Tử.

(2) Thiệu-Tử là Thiệu-Ung đời Tống, hiệu là Khang-Tiết.

Thứ Năm : KIẾN - THANH*(Tiếng Thấy)*

[Tờ 93b] Dương-khi tới mà tro màng lau bay lên (1), sự trông thấy đó mà không phải là tiếng hay sao ? Chương này với bức Thái-cực đồ trong đoạn thư năm cùng tham vào mà xem (tức là chân-thực của vô-cực v.v.)

Thứ Sáu : HOÁN THANH*(Tiếng Gọi)*

Vua Hoàn-công nước Tề cảm về thơ Uy-đà mà sinh bệnh ; Lê-Khâu trượng-nhân bị mẹ hoặc về người giống con mình mà giết con thực của mình. Thực là quá quẩn, người đời thấy được thực thì rất hiếm mà thấy không được thực thì thường nhiều. Một tiếng này của Đại-thiền-sư gọi tỉnh giấc mơ trong cơn mê mộng. (Việc Tề Hoàn-Công thấy trong kinh Nam-Hoa. Việc Lê-Khâu thấy trong Lã-Thị-Xuân-Thu (2).

Thứ Bảy : THUYẾT THANH*(Tiếng Thuyết)*

Cái thuyết phá ngục rất là không được đúng, bởi vậy Đại-thiền-sư đem một đoạn giảng rõ thì mới thấy được thư sương. [tờ 96a] Kinh Dịch có nói « Thiên địa giải nhi lôi vũ tác, lôi vũ tác nhi bách quả thảo mộc giai giáp tích » (trời đất cởi mở mà mưa sấm lên, mưa sấm lên mà trăm quả và cây cỏ đều nứt bẹ nứt vỏ), đó phải chăng là Thuyết-thanh của Đại thiền sư ?

Thứ Tám : THU THANH*(Tiếng thu lại)*

Đức Trọng-Ny nói rằng : Lấy sự khác nhau mà nói thì gan với mật cũng xa nhau như nước Sở và nước Việt ; nhưng lấy sự cùng như nhau mà nói thì muôn vật cũng đều là một

(1) Lối thử khi-hậu thời cổ, đặt tro lau đầu ống, khi tới tro bay.

(2) Theo sách Lã-Thị Xuân-Thu, ở bộ Lê-khâu nước Lương có giống quỷ hay giả dạng giống người thật, làm cho một ông lão say rượu khi trông con thực của mình lại tưởng là quỷ mà giết chết.

vậy. Có nơi ra thì tất có nơi vào, không nơi vào thì cũng không có nơi ra, đó mới gọi là đại-đồng.

Thứ Chín : ĐỊNH THANH

(Tiếng yên định)

Chương này nói nhà Nho và nhà Thích tác-dụng tuy khác đường song rút về cũng chỉ là một. Hai chữ tương-kim và hai chữ phương-kim, riêng [tờ 96b] phát minh được cái bí mật từ ngàn xưa. Bởi vì KIM trong ngũ sự (1) thì là NGŨN, mà Phật lại chủ trương về tán-thân; trong bát âm (2) thì không gì đáng chuộng bằng tiếng KIM mà nhà Phật lại chủ trương về thanh-âm. Hai-mươi-bốn tiếng của đại-thiền-sư tức có thể bảo là kim-thanh mà ngọc-chấn vậy.

Thứ Mười : TỊCH-NHIÊN VÔ THANH

(Lặng vậy không tiếng)

Tiền-nho có nói : sống tức gọi là tỉnh. Con người sống mà tỉnh trở lên thì không cần nói. Đã nói đến tỉnh thì tức thì là không phải tỉnh vậy. Đại-thiền-sư nói : Nếu diệt được tỉnh người thì có thể làm này được tỉnh trời, đại ý cũng giống như nhau.

Thứ Mười một : TRÁC-THANH

(Tiếng đẽo)

[Tờ 97a] Phàm người ta cần phải nếm trải mùi đời mới có thể thấy được những cái không thể làm động tới người. Ông Minh-Đạo (tức Trình-Hạo một đại học giả đời Tống bên Trung-Quốc) nói với ông Y-Xuyên (cũng một nhà đại học giả đời Tống tên là Trình-Dy) rằng : « Ngày hôm qua

(1) Ngũ sự là năm việc. Thiên Hồng-Phạm kinh Thư nói 5 việc là : Mao (nét mặt), Ngôn (nói), Thị (trông), Thính (nghe), Tư (Nghĩ).

(2) Bát âm là tám tiếng trong nhạc khí : Kim, Thạch, Thổ, Cách, Bào, Ty, Mộc, Trúc.

trong bữa tiệc có ca-kỹ, nhưng trong lòng ta không có ca-kỹ. Ngày nay trong bữa chay không có ca-kỹ mà trong lòng người lại có ca-kỹ» đó tức gọi là TRÁC-THANH.

Thứ Mười hai : NHẤT-THANH

(Tiếng duy nhất)

Một sinh ra hai, hai sinh ra bốn, chương này cốt ý nói về tượng-số, cũng như kinh Dịch có 4 tượng vậy. Từ đây trở đi, không gì không phải là trong bốn cái ấy, song sở dĩ làm ra bốn cái ấy thì cũng là một mà thôi. Trong sách Luận-ngữ há không nói rằng : « Ngô đạo nhất dĩ quán chi » (Đạo ta chỉ có một mà bao quát cả)?

Thứ Mười ba : KHU-THANH

(Tiếng then chốt)

[Tờ 97b] Chương này phát minh tinh-nghĩa của chữ THIỀN cho tới mức thần-diệu, mà cái then chốt là chỉ ở cõi lòng. Ôi, kẻ cưỡi thuyền bị mê man không phân biệt đông tây, khi thấy được ngôi sao Bắc-dần thì là yên ngay. Vậy tâm (lòng) của con người tức là then chốt sao Bắc-dần, cho nên gọi là KHU-THANH.

Thứ Mười bốn : BIỂU-LÝ THANH

(Tiếng trong ngoài)

Chương này nói về Nho và Thích cùng có chỗ hợp như nhau, thể với dụng cũng cùng một nguồn, gốc với ngọn cũng cùng nêu lên, vậy học giả phải nên hết lòng vào đó.

Thứ Mười lăm : HÀNH-THANH

(Tiếng làm)

Cái đạo của người quân-tử là sáng sửa mà kín đáo. Lời bàn của ông Trang-Fủ chỉ riêng một mặt vô-vi (không làm) thì sao đủ đề hiều [tờ 98a] thấu cái thần-diệu của thứ tiếng này?

Thứ Mười sáu : ĐỒNG-THANH*(Tiếng Rỗng-không)*

Đức Không-Tử nói : « vi tri sinh, yên tri tử? » (chưa biết được sự sống thì làm sao biết nỗi sự chết). Sống chết là việc lớn, duy bác đạt-đức gồm đủ trí, nhân và dũng mới có thể biết được.

Thứ Mười bảy : MINH-THANH*(Tiếng sáng)*

Trong thời thượng-cổ chưa có y-phục, phải lấy da của các loài chim muông để che đắp vào người. Lúc ấy phong-tục thuần-hòa rộng rãi, thì có cần tới áo dài đai rộng, xiêm thêu mũ đẹp làm gì ? Khi ta mới lọt lòng ra cõi đời, toàn là sạch không trơn trượt, tịnh không hề có y-phục và [tờ 98b] số chế nào. Vậy nghe đại-sur ta nêu lên tiếng này thì những người theo học tất nên thể theo ý trời mà dùng vào việc người, và soi xét phân biệt là nên do ở trong mà không do ở ngoài.

Thứ Mười tám : PHÁN-THANH*(Tiếng phán đoán)*

Thực là quá đáng, người đời ghét bỏ hay hãm-mộ đều do ở tấm lòng tư-kỷ sinh ra mà không hề căn-cứ nơi đạo lý. Ôi, hãm-mộ cái này thì ghét bỏ cái kia, hãm-mộ bên giáp thì ghét bỏ bên ất, đó tức là lòng tư-kỷ vậy. Khác gì như đám mây ngừng ở một nơi, nếu mình đứng ở phương đông thì bảo đám mây ấy là ở phương tây, mình đứng ở phương tây thì cho là đám mây đó ở về phương đông ; như thế dù có một tay biện bạch giỏi cũng không thể nào mà định rõ được. Cũng ví như mặt trời mặt trăng đi ở không gian ... [tờ 99a] không thể dời phương hướng và ngàn dặm cũng không đổi được ánh sáng vậy. Những ai nghe tới phán-thanh của đại-thiên-sur có lẽ có thể vượt lên con đường chính của sự ghét bỏ và sự hãm-mộ kia chăng ?

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
— Lời giới thiệu	3
— Ngũ Lục (ghi lời nói)	5
— Bốn đồ Hai mươi bốn thanh hợp với khí ứng với sơn	6
— Hai mươi bốn vị Bồ-Tát trong Tướng Thanh	7

TAM TỔ HÀNH TRẠNG.

Vị tổ thứ nhất	11
Vị tổ thứ hai	18
Vị tổ thứ ba	22

ĐẠI CHÂN GIÁC THANH

Không Thanh	39
Ngộ Thanh	46
Àn Thanh	52
Phát-tướng Thanh	56
Kiến Thanh	60
Hoán Thanh	64
Thuyết Thanh	68
Thu Thanh	74
Định Thanh	78
Tịch-nhiên vô Thanh	82
Trúc Thanh	85
Nhất Thanh	89
Khu Thanh	92
Biểu Lý Thanh	95
Hành Thanh	98
Đồng Thanh	102
Minh Thanh	105
Phán Thanh	109
Túc Thanh	113
Bất-quả Thanh	115
Tàng Thanh	119
Hưởng Thanh	123
Lưu-động Thanh	127
Dư Thanh	132

ĐẠI-CHÂN VIÊN-GIÁC THANH TIỂU-KHẨU

(Bạch lúc Hải Điện Nguyễn-Đàm-Tử Kinh-Hòa-Nam khẩu).

NGUYỄN TÁC

Bản sách viết số MC 4207 TG

Chi Nhánh Văn Khố Dalat

In tại nhà In NGUYỄN-VĂN-HUẤN
205, Trương-Minh-Giảng — Saigon

ĐÍNH - CHÍNH

TRANG	DÒNG	CHỮ SAI	SỬA LẠI
14	5	Sáng ngày 12	Sáng ngày 17 ✓
16	15	Vua Thái - Tông	: Vua Nhân - Tông ✓
21	20	... có mấy cân có mấy câu ... ✓
26	30	... nguyệt tam can nhật tam can ✓
41	26	, trăm thứ choa ...	, trăm thức hoa ... ✓
32	25	疑	疑
43	3	... thực hay như. thực hay hư. ✓
44	7	cho nên nó	cho nên nói ... ✓
55	30	... thiên Thiệu-Nam	... thiên Thiệu-Nam ✓
84	20 ta se thờ ta sẽ thờ ... ✓
98	5	lại không do ...	lại không do ... ✓
114	37	An - âm	Ấn - âm ... ✓

不能移其方千里不能易其晷也聞大禪師之判
聲者其亦超然於惡慕之正哉

數制聞吾師此聲務修者當體天而任人鑑別者當在內而忘外

第十八判聲

甚矣夫世人惡慕之各生於其心而不根諸理也夫慕此則惡彼慕甲則惡乙心之私也如傳雲所在居東則謂之西居西則謂之東雖大辨者不能定其處若夫可慕之慕慕必無可惡可慕惡之惡必無可慕是理之極至也當猶日月行天

知此聲之歟哉

第十六洞聲

孔子曰未知生安知死死生大事惟達德智仁勇者
爲能知之

第十七明聲

上古未有衣服取禽獸之皮以自掩蔽當辰聖

風風俗淳庀豈必袞衣博帶襪委章甫哉

我初落地時渾縣縣亦灑灑何曾有許多衣服

此章發明禪字精義八神其要樞只在箇心上夫
乘舟者迷其東西見斗樞則寤矣心者人之斗樞
也故謂之樞聲

第十四表裏聲

此章言伏羲釋昭合處體用一源本末該舉學者宜
盡心焉

第十五行聲

君子之道費而隱莊生之論無爲而已矣豈足以

凡人湏於世味閱過方見此種種不能動人明道
語伊川曰昨日筵中有妓我心無妓今日齋中無
妓汝心有妓是之謂斲聲

第十二一聲

一生二二生四此章意言象數猶易之有四象也
從此以往無非此四者然其所以爲此四者則一而已
矣傳不云乎吾道一以貫之

第十三樞聲

發千古之秘蓋金於五事爲言而佛主讚歎八音莫
尚乎金而佛主聲音大禪師二十四聲所謂金聲
而玉振之者耶

第十寂然無聲

先儒曰生之謂性人生而靜以上不容說才說性時便
是已不是性也大禪師言能滅人之性便能起天之性
大旨畧同

第十一斷聲

易曰天地絪而雷雨作雷雨作而百果草木皆甲坼
斯吾大禪師之說聲乎

第八收聲

仲尼曰自其異者視之肝膽楚越也自其同者視
之萬物皆一也有所出者必有所入無所入亦無所
出是之謂大同

第九定聲

此章言釋儒作用殊途而同歸方金相金二字獨

氣至而後反欲何見非聲也此章當與太極圖五
改參看 無極之真云云

第六喚聲

齊桓公感於委蛇而病蔡丘丈人惑於似子而殺真
子甚矣夫世人真見者最少不真見者常多大禪師

一聲喚醒夢中之夢

南桓公事見南華經
蔡丘事見呂氏春秋

第七說聲

破獄之說最爲不經大禪師一改闡明便覺舒暢

第三殷聲

動靜無端陰陽無始非知道者孰能識之

程子說

第四發想聲

南郭子綦仰天而噓大禪師當食而噎同是一般

妙想邵子云思慮未起鬼神莫測知不由乎我更

由乎誰夫既有所由便是已發曰我曰誰苟若誰

我之兩忘

第五見聲

而高飛魚聞之而深八所趨各異而皆得所便理者有名而無形也心者有形而不測也周子曰太極而無極詩曰上天之載無聲無臭至矣哉

第二寤聲

火陽根陰水陰根陽故有理必有欲欲所以乘載此理也凡欲適於理則吉違於理則凶老子言不見可欲使心不亂只可爲小乘說法惟見可欲而心不亂者方爲真也若夫與之俱化吾又安知其所至

大真圖覺聲小叩

白足海顛阮侯子敬和南叩

第一空聲

一陰一陽之謂道此理所以有順逆也以大易考之
橫圖順排所以辨生成之序圓圖逆數所以見升降
之機順逆相因自然之理也古人蓋有行之者虞
舜不告而取大禹忘親事雙言湯武放殺弑其君
周公誅兄及弟何逆之非順者擊舟水中鳥聞之

大真圓覺聲終

奉寫

侍內密事左中允樂忠伯阮有樂

青池仁睦

侍內祕書署正字錫忠伯陶金錫

嘉祿惜光

92a

侍內祕書署檢討俊忠子阮有俊

青池仁睦

奉刊

大常監太祝儒義男范連儒

嘉祿
紅夢

因果當平看福果功果方可作碩果師說至矣盡
矣福者福之對福盡享則福福生功者過之對功
盡居則過生故釋迦文佛擲象浮飯城中調御覺
皇南渡破元有天下而已不與焉次焉者如法螺禪
師諺受清閑之福而加持戒行不盡享其福有明
道教之功而特明餘地不盡居其功道高德盛皆
未易及易曰碩果不食君子得輿或者當在今日
竹林興起亦是果然必然之理

留有餘不盡之福以還子孫道書曰爲谿爲谷凡
事皆當留著一地頭大禪師功不可盡居福不可
盡享譬之果不可盡食大哉言乎釋迦牟尼佛不
食女人供果而往城中乞食以見事度眾生也大禪師
一篇說以文覺眾生也真長夜之明燈迷津之巨筏
古來知此義者在越陶朱公在漢張子房在唐李
郭侯教人而已

海和僧曰因行此事果有此報後果前因毫髮不爽

也天恢恢無物也佛亦空空無物也善善惡惡未必
 印定如此因必如此果如人間法律印券一般照急
 趨無善迹促枉曲和聲稻梁之田不長莓菜鷄鵲
 之巢不伏鸞鳳所謂以此惑以此應所謂投種於地
 待時而發皆因果之義也知此可以語天道矣天道
 惡盈福過災生利令福伏悟此則知福不可盡享得
 失生於失寵生於辱悟此則生功知不可盡居伏書曰
 滿招損曰復盛滿曰留知有餘不盡之功以還造化

說積善之家必有餘慶積不善之家必有餘殃
果有是語有是便是果碩果就是功果福果一般
故不可盡享功不可盡居果亦不可盡食釋迦年
尼佛遊於淨居人天腹饑而有人善女人供果釋迦
牟尼佛乃就城中乞食而有童子與之塊土伎家說
碩果不食你道食是好麼不食是好麼沙彌自旦
至哺飽聽師言耳鳴而去

海鷗和尚曰因來因也果果然也感應之機該如此

諸仁、藏諸用、鼓萬物而不與聖人同憂、夫非仁聲之餘乎？是故至人德參造化、謙謙自卑、有福而不盡、享有功而不盡、居有果而不盡、食有不盡、然後有餘。大禪師提出仁因果二字發明旨趣、以有餘不盡之聲淑諸人、而傳諸後。佛說聲聞聲、非聲聞聲、聞得非聞聲、可以聞餘聲矣。

汝猶尋醒、又向海量大禪師、而白師言佛說因果、仗說碩果時如何。師答言此乃果之果、如仗說必之必、仗

瞻洲五百年又有王者興是孔子之道不死不死而
能變化道無終窮非神通放然則人之生也不能立一言
述一事以求至於神通使魄死而魂隨之豈不可痛之
甚哉

餘聲

形器皆有餘聲要之聞其疾而不聞其舒舒之所餘
如山谷之響鼓之爲雷霆是也易曰君子居其室
出其言善千里之外應之非夫善聲之餘乎又曰顯

所未發又曰人在天地間魄者滯神者通常人七分
來是魄三分來是魂魄而得其灵者爲神常人
不靈故但喚做三魂惟至人知覺灵於常人喚做三
神神無不通無不知故謂之神通滯者死通者不死
常人魂不靈魄者不死與魄俱化至人神靈不與魄
俱死何言乎不死道常在天地間也先知覺後知先
覺覺後覺道之所在故牟尼佛滅度而西牛賀洲
又有無量壽佛是牟尼佛之道不死孔子沒而南部

智無不通而行無所碍也。劫有生化其始托胎而生生而長長而老老而死死後精神不滅復受形而生人有貧賤貧賤乃勤儉勤儉乃富貴富貴乃驕奢驕奢復貧賤有道者生而為人諸惡莫作眾善奉行死後不墜魔障往劫爲人來劫爲人富貴而常勤儉能保其無貧賤今日富貴明日又富貴乃能輪迴無道者曩劫爲人化劫爲畜何能輪迴今日富貴明日貧賤何能輪迴我師輪迴之說真是釋迦以來

曰生屬神形質也質則生而有滅故曰死屬形釋
迦佛滅度孔子寢疾而沒滅沒其形也而明心見
性盡心知性聖人尊者之真傳常在天地間亘千古
而不泯故曰道不興焉西牛賀洲有無量壽佛南瞻部
有王者興有是道便有是人不得而滅亦此義也
海和僧曰物之圓者能行方者能止止者住著而
不可移動行者始而又終終而復始周流運轉而
無一息之停輪以圓故能如環以圓故能循圓也者

變曰感曰會隨其有事有情有辰而通之神則極
至於不可聞不可知無乎不通通至於神斯能變矣
稽之天道人事何莫何不然陰陽寒暑迭運而
歲功成動植衆潛隨時變化神通變化之義也兼
天地萬物爲我隨處圓融了無凝滯知道者也
見而猶以爲未是聞而猶以爲未真故錮膠滯礙
脫不去不知道者也知道者通通則洞洞故生不知
道者不通不通則障障故死神性也性不得而滅故

周流運行釋迦牟尼佛之上佛轉無碍輪用其圓
 也故百千萬億眾生皆能令八無餘涅槃而憾度
 之至聖轍環用其圓也故陳蔡陽鹿南子之事皆
 不動聲色以圓行也故曰有道者輪迴無道者不
 輪迴非圓行不著也此與僧家說轉生輪迴義異宜
 沙彌不悟又曰變通者觀變而通之也感通者此感
 彼應感而必通也會通觀其會之所適而通之也神
 通者神而化之無所不通儒釋皆然其義則一然曰

四時不變歲功不成萬物不化品彙不生知道者通
不知道者不通通者生不通者死是故生爲神死
爲形釋迦牟尼佛滅度孔子寢疾七日而沒道不興
焉西干賀洲有無量壽佛南瞻部洲五百年有王
者興是之謂神通

海陽和尚曰春夏秋冬盈虧晦朔旦朏宵暮終而
復始進退相代此一年一月一日之輪迴也佛說輪
說環輪環圓也爲用則一日月五星以圓爲休故能

一汝彌向海量大禪師而問輪迴師答言年有一年
 之輪迴月有一月之輪迴日有一日之輪迴輪故能迴如
 儒家循環一般環乃可循不環便循不上佛家說輪仗
 家說環輪環天道也天以圓爲体日月五星皆圓乃
 能周流運行釋迦牟尼佛轉無礙輪孔子轍環諸侯
 轍環輪迴也有道者輪迴無道者不輪迴汝彌垂頭
 而睡大禪師又言仗說亦通感通會通佛說神通具
 義一也徒弟曰師言佛說神通变化辰如何師答言

聲設使未有其事不知何處下落竺林三祖却無此等事蓋其以心取道以道明心自然成佛法之怪誕何與焉

流動聲

流動也譬如泉之流風之動沛沛乎無所壅滯洋洋乎無所停滯記曰流而不息傳曰動之斯和是之謂流動無所不流行無所不運動能流行運動其道在圓圓其體也流動其用也

瘦復行乞食不肯過爲詭異以開怪誕之端故我國
 高僧甚多而獨推竹林三祖者以其無怪誕之傳也
 他如木綿震跡唯萬行能解其義安知非萬行之
 所爲柴山谷頂脚痕俗傳道行托生安知非後人
 之所鑿大都行險作怪以神其說奇其事且如空
 路杖頭一鉤中鐵錡爲安南四器今普明鼎遺跡陷
 下深田十餘畝報天塔俗傳高百丈瓊林佛則塗
 山猶望見其跡頂普賴鐘則天朝大皇帝聞其

言語道理上非唯不見於事求其言亦宏遠濶大曠
 然不見其廉隅宜學禪者祖之故曰修法不如
 修道修身不如修心蓋修法者得其粗不如修道
 之得其精修身者務其外不如修心之務其內富
 至顯於至微隱有用於無用聽而不可聞望而不
 可見儒書曰放之則彌六合卷之則退藏於密
 是之謂藏修

海和僧曰釋迦神通無生無滅而七日一粒自覺羸

海鷗和尚曰經云良賈深藏若虛君子盛德容
魏若無有德者猶不見於魏况見於事耶金剛經
云非法非法法猶曰非何事之有我國高僧徑路
大顛道行萬行之徒法術最著然本綿震跡柴
山石痕顯神怪以夥普明禹報天塔瓊林佛普
賴鐘留色相以貽後此所以爲法術術之爲義
操術之謂也有操術便有意必謂之高僧則可謂
之上佛則不可上佛者須如竹林三祖覺世只在

莫不興起是以謂之聲響

海量丈禪師言安南高僧甚多名儒亦甚多然高僧
好行險作怪空路大顛道行萬行之徒法術最著今
所傳本綿震迹柴山谷頂脚痕是皆僧自爲之恰
似鬼門關昇柳倒石一般乃前朝象武功所作普明
鼎報天塔瓊林佛普賴鐘大都如是真修者不過
也真修如竹林三祖何嘗有怪誕傳來是故修法
不如修道修身不如修心修道修心儒家謂之戰修

鄉音聲

八十三

有聲必有響音理之常也鐘之聲爲金響鐘之聲
 爲木響響音者聲之末而聲者響之本也聲作於
 一時而響及於後世故君子必先正其本本綿震跡
 紫山頂脚痕皆法術之聲響也一眚辰行怪可使
 語怪者響應之有不響則其應息矣三祖以慈
 悲爲休廣大爲用與天地同其德與日月合其明
 其聲甚正故其響甚長無賢愚聖凡聞斯響者

所以然神佛之佑物康民其功斂於無迹聖賢之
正心誠意其道貴於自修皆善用陰者也火根於
陰而用之以陽故外明而內暗如人有一善事便求
知於人責報於天有陽德者必有陰譴不善用陰
者也水根於陽而用之以陰故外暗而內明如人行善
終身不求知於人不責報於天有陰德者必有
陽報善用陰者也然則陰也者具德之基而功之
本歟

者而又終之曰貴有陰德貴使人陰受其賜以明修
已治人之要道曰大勝普通如來無相無是以明佛
之灵相不可得見其有非深於道者孰能識之

海和僧曰陽者剛健陰者剛健合弘剛健其体而合
弘其用非合弘無以蘊蓄它蘊藏而爲施生之用
也故陰之爲道出微隱秘而爲顯至明至顯存焉
惟其不昭昭以露不暴暴以陳淵奧宏深方有受用
處天地絪縕萬物化醇乾道成男坤道成女孰知其

而傳燈嚮晦者愈見其光明蓋陰之爲道微隱
 秘而有至明至顯存焉舉乾道坤道言之以見其
 明之必由於顯之必由於隱也能顯能隱是善用
 陰也善用陰故聖賢神佛之道與天地參若鬼怪
 興妖以惑人姦邪弄巧以欺人然赫赫者終有異自滅辰
 營營者終有見拙處不若神佛聖賢之道愈久恒
 貞在人而人不知者也故曰君子之道闇然而日章
 水外暗而內明此其喻也大禪師揭出此章開示學

謂道然陽者顯而易知陰者微而難見雲行雨施
人所共知也而品物流行之妙不可窮春生秋殺人
所共知也而生消升降之機不可測蓋其道則相爲
休用然自微而著自隱而顯可以見天地之用處焉
辨開於泰甲拆於昏天地之造化見於物悟道傳燈
知道嚮晦神佛之功用見於人廣成子曰至道之精
窈窈冥冥至道之極昏昏默默此天地聖賢神佛
用陰之義也惟其善用陰故昏析泰開終於明白

佛聖賢之善用陰也是故天地之道貴幽貴微貴隱
 貴貴祕乾道成男坤道成女至明存於至幽至顯藏
 之於至隱萬物不肖隱性灵不如人鬼怪能不興妖不
 不如神佛姦邪能弄巧不及聖賢不善用陰者終困
 困於陰火外明而內暗善用陰者陰反生陽水外暗
 而內明學道君子貴有陰德貴使人陰受其賜大
 勝普通如來無相無靈其斯之謂歟

海鷗和尚曰太極動而生陽靜而生陰一陰一陽之

一民不遂其生而帝力何有夫是之謂藏藏也者不見其迹莫知其然也大禪師闡明用陰之義陰者藏也其歸宿處乃曰貴有陰德貴使人陰受其賜藏其用而澤及於人大道之至也易六十四卦有畜卦圖覽二十四聲有藏聲言雖殊而理則一海量大禪師言天地善用陰神佛聖賢善用陰陽者性而陰者情知情而後成性百花辦開於黎葛樹甲拆於膏天地之善用陰也悟道傳燈知道嚮悔神辨

之所鍾有先後香氣之發爲清華其始在中國清
 華大露當有已辰於是得深之香起而乘之得深
 者其香之未露也然則窮陬僻壤之處出魚文字
 侏離言語又其香之未發者亦當以辰而發所謂
 百世可知者如此

藏聲

天地之道藏於何言聖人之道藏於無爲故飛潛
 動植無一物不得其所而神功若無飲食作息無

而深排之者則非何異齒牙之虫笑指節爲吏狄
局於人意而非天意也華嚴經云悉見三千界悉
見諸眾生雖未得天眼肉眼力如是局於人意未
造此地

海和僧曰中國與四裔皆在天覆地之中自天
視之本無彼此豈必此爲華而貴彼爲夷而賤雖
其習尚之不同語言之有異然各禀其山川之秀
而爲聖賢者何地無之但地之然也有時故其香氣

文物之地深山窮谷。一。坤輿化外之國強從此中
分別內外。非天意也。古者大禘天之運在中國。則
堯舜禹湯文武周公孔子堂之制。禮樂既極具
文而玉帛文字侏儻言語。獨存天之大樸焉。運
之所在。會逢其適。而有菩薩遼金元起焉。故曰天
有天之運。聖賢有聖賢之運。道莫大乎意。天意
然也。世人徃徃以堯舜禹湯文武而以遼金元爲亂。尊
尊夫子爲正傳。而以諸佛爲異教。其尊之者同。是

百靈萬物人之蟲虱也人之血脈耳目手足無所不至則天之意運豈以華夏夷狄爲岐別哉清華之香天之所珍有辰而毓焉繄深之香天之所藏有辰而發焉堯舜禹湯文武周孔或以政治天下或以道化天下皆得清華之香也諸佛遼金元或以言覺天下或以才智取天下皆得繄深之香也均之爲乘運而出之聖人蓋天意無乎在示意之所至氣亦至焉運行十方所在則有應運者生焉聲名

所生眼處見三千界其中諸眾生一切皆悉見雖未得
天眼由眼力如是

海鷗和尚曰天意不必受之者大而無所局限也人
意必見所見者小習於所常見而愕於不所常見
也天人之意不同意能生見意不同則見亦異天
無所不覆時無所不包會語其大則不可得而名
狀然就近言之亦猶一巨人身耳風雨雷霆人之
喏息也百川四海人之毛竅也四大部洲人之四体也

海量大禪師言天意不必人意必意能生見聖賢
何地不生清華之香天之所珍幽深之香天之所藏
堯舜禹湯文武周公孔子得其清華之香而生諸佛
菩薩起於極西遼金元之祖起於極東極北亦爲繼
天立極之君乃幽深之祖之所生也是故道莫大乎意
意莫大乎運天有天之運聖賢有聖賢之運運行
十方則大樸者當之出與文字侏儻言語天之大樸存焉
不可忽也華嚴偈云以是莊嚴故其目甚清淨父母

體有精神而後有此身能莊嚴以守之可與天地
同相爲久長也

不果聲

不果聲蓋取易兵卦不果風之義也風行乎四
方發於四辰可卜其果然亦有不果存焉風有不
果風南東多水西北多風山隨處有受風之分觀
四方之風者知十方之運此章喫噉意字天意非
意人意意之聞不果聲者又當修夫不果意

偈僧學之而流遂有燒身割體之事甚失守身之義故大禪師以此說正之

海和僧曰精者人之所以生也神者人之所以靈也精氣克盈而耳目手足皆其所謂精氣爲物也依藏舍利藏其精氣也神氣周流而施生作用不窮所謂神氣風霆也依放相光顯其風霆也能守其精則生能守其神則灵戒色遠色生守其精而使之不壞陵塔寺廟死守其神而使之不散誠以此身與天地同

自己之真相爲仗爲釋其色則異而精微處未嘗
 不同故其存也釋氏戒色仗氏追色所以保重精神其
 沒也儒爲陵廟釋爲寺塔所以萃聚精神蓋精神
 藏於集身與天地同体故其生守之莊死守之嚴
 不敢不守之亦守其精神也俗儒以陰陽風水爲求
 富求貴之地固似是而寔非莊老鷹鷂螻蟻之說
 則又曠誕不倫非適於道古來禪教以圓寂爲超
 脫以捨身爲真修其中自有一箇深意識之者鮮

海量大禪師言釋藏舍利儒言精氣爲物是也釋放
相光儒言神氣風霆是也精爲水屬血神爲火屬氣
釋氏戒色儒者遠色所以保重精神其沒也爲之陵
塔寺廟亦以萃聚精生守之莊死守之嚴精神藏於
身身與天地同體不敢不守之也

海鷗和尚曰精屬水屬血於類爲陰故宜藏神屬
火屬氣於類爲陽故宜放收之而不見其所存放之
而不見其所忘亡此所以爲精神精神不散然後能存

餘涅槃未到得無意無必三昧

宿聲

宿聲歸宿之聲也歸宿何以有聲佛言法聲非法
聲非法者歸宿於莊嚴之地也法則事事事物物都
有聲非法則事事_{四句}都無聲卷舒闔闔只在精神
之運非法而有法無聲而有聲君子以嚮晦晏息
以定晏陰之所成晏息晏陰必以莊嚴為宿是之
謂宿聲

寶相奉金容亟念亟拜而佛自在其心矣達摩禪
師云心即佛即心不可將心亂佛不可將攸亂心又何
用敬慕他大抵我佛本無無生無滅無色無相亦無
禍福報應之事僧尼者非佛人經典者非佛書寺
院者非佛舍人非佛徒久目還俗不還由他何必人
其人書非佛書久自煨爛不爛由他何必火其書
居非佛住久自頽壞不壞由他何必廬其居佛本
無而昌黎有之又從而欲無之還多事了能八無

之過也大佞造道而不可識大佛出世而不可知不得見其可愛又要見其可惡哉

海和僧曰人說秦怡皇惡佞唐武宗惡佞非也始皇稱皇帝是真知皇帝之爲美唐武宗憐憫眾生不使沉淪苦海削浮屠之法懲遊惰之民最得如來妙理二君者好佞好佛之至者也但佞有一種好自是好是非人佛亦有一種好自是好爲大言以欺人教人不惡他不得故知佛而誠好之者不心枉

多一重理障慕佛固不知佛排佛亦安能知佛故曰
鄒昌泰還到第三四級下來或問如何是浮屠第
一級偈云觀音是觀音和尚是和尚你我總空空
都無人我相宋張丞相夫人其夫著無佛解夫人
曰佛本無何須辨是浮屠第一級若夫儒名墨行之
伎頭禿心毒之釋是爲伎之靈釋之賊亦儒門
禪門所不齒秦始皇坑伎唐武宗殺僧蓋因其有
可惡而惡之然惡而至於坑殺則已甚矣二君夫

滅明心見性知佛則已得其道人已都忘恩仇乎
等我且不知更有何慕不知佛者談經說偈強情
其不可知淨土蓮臺認真於無何有著一慕字便
不知佛故禪家曰絕學玄門曰絕聖皆不慕佛之義
也佛不自慕豈要眾生慕眾生要成佛故求慕佛
慕佛者即非佛昌黎曰人具人火具書庠具居足
不敬慕佛此之行走緇是坐破禪床等輩是解脫
見濁熱佛無人亦無書亦無所住曰人曰火曰廬還

惡惡之道焉然後人惡之大儒大佛何人惡得又曰知
 知佛者不慕佛慕佛者不知佛佛不願眾生慕眾生
 生要成佛來敬慕佛韓昌黎曰人其人仕其居火其
 其書廬其告不敬慕佛是解脫見濁人無餘涅槃徒
 弟白師言昌黎已到浮屠第一級磨師答言還到
 第三四級下來昌黎也有意必却不如無意必是好

海鷗和尚曰登蹄以求魚兒兒得魚兒而忘登蹄舟
 筏以濟不通達岸則忘舟筏矣釋氏之道虛無寂

以惡之何如耳鳳凰鳴矣于彼高崗豈求人之喜
聞哉人喜其瑞世而願聞之然而非其道也則鳳凰
翔于千仞今故自引而遠去若夫蟬噪蛙鳴假借
于鳳聲之近似者寔人之惡之而欲逐之也求儒釋
之道當如是看此章諷惡慕之得其正亦以戒學
道之士無求人慕以媒人以媒人之惡也此義也非
直裁判不了故曰判聲

海童大禪師言曰秦始皇惡儒唐武宗惡佛大抵有可

則爲聖賢豪傑皆能主持其國君長其民孔子所謂夷狄之有君不如諸夏之亡也至旒衣馬褂升服與夫袞衣博帶而不隔何與焉釋氏袈裟衣亦天竺國之服耳凡爲釋氏之徒與其服其服苟若遵其教其教云何曰在其心

判聲

何以謂之判聲判之爲言斷也斷然以釋爲可慕斷然以釋爲可惡世有人焉但問其所以慕之所

狄爲岐別哉北狄南蠻東夷所居之地與中國異
耳其中豈無聖賢毳衣馬褂卉服即中國之衣
冠周冕也釋氏迦袈裟乃淨飯國之制蓋其國有
釋號者便著袈裟披瓔珞譬則縉紳之類故曰
佛意之所在

海和僧曰三綱五常天意之所存也衣服教制則
從其土俗而皆出於人爲故仁義禮智同此降衷
東夷西戎南蠻北狄本與中國無異其能全是衷者

上古穴居野處義畧並耕而食謂之繼天立極開
 物成務之君可也優孟學叔孫教楚王以爲真叔
 教是豈可使之爲叔教之事哉戲子登場裝唐明
 皇曲終不肯與同輩坐此則見其外而忘其內務
 於衣服數制之末者也雋厲之同冕倭韓侂侂冑賈
 似道之衣冠亦此類也夫子無位而其道爲百世師
 釋迦佛捨千乘之國而其教傳於天下有其德者
 不必有位也知道者豈以衣服數制爲等級中國吏

豪傑聖賢釋氏袈裟大抵從其俗耳亦非佛意之所在

海鷗和尚曰有天地便有疆域爲華爲夷其居各別而皆在際藩之內於是人之聖賢者起而爲人之君長爲衣服數制以辨上下之等差中國夷狄各有其國之數制此則人自爲之非天意之所存也居萬物之上而生物此天意也聖賢居民物之上而有和物即天理也得其理斯得其意矣雖

謂非禪哉故真聖不必服周冕真佞不必著侈冠
真禪不必衣絮裘

海量大禪師言衣服裁制非天意之所存行如鷲鴈
服周之冕何如夷狄之有君韓侂冑賈似道亦嘗
儒冠侈服天下豈以真佞呼之天意之所存者以其
能濟渡眾生爲人君而不仁爲人父而不慈違天意
也違天意者侈謂之賊釋謂之阿鼻獄北狄之毛毳
衣東夷之馬褂南蠻之卉服不與中國並其中豈無

不達生死間如子路死於孔悝與今之俗僧無故
自燒者此皆性命之賊也

明聲

衣服數制外之又也道德仁義內之體也君子當
明於內而不須求於外澤麋蒙鹿皮有於外而不
足於中也良玉藏於璞有於中而不足於外也明
者不以爲貴韞玉者不以爲珍是以青衫緇鉢認
佛標濟顛尚和之便肉寒山拾拾得之垢汚大哉

市之變亦有黃府故鄉之願蓋亦不輕以死而自許者

海和僧曰生死事大惟達者能無害仁亦無傷勇蓋天地之性人爲貴生死有命焉貪生畏死誰無是心但問其可生可死如何爲能以義而合命耳故攸釋皆不輕許人以死未至如水齏澤海鼓風之時不肯致命涅槃到得此辰亦不得不致命涅槃當於義而已矣苟於義不精義智意不高則

海鷗和尚曰大哉死乎。攷書曰死得其所。攷書曰生死事大。皆不輕許人。以死。易六十四卦只許一困卦致命。攷如八識只許一意識。涅槃樂。蓋困卦有水離乎澤之象。意識有無數波浪之境。非致命涅槃不得。孔子釋迦性命之主賓。所以示人之道。皆出於注賓。一自非仁精義甚。智明意高。遠得生死間。安能及此。故攷而輕死。則爲傷勇。釋而輕死。則爲成生。古來大忠烈。莫如宋文信國公。非燕京樂

海量大禪師言易六十四卦只許一困卦致命樽如八
識只許一意識涅槃不輕許人以死釋亦不輕許人
以死意識與困象一般困水漏澤下水離乎澤意
識如海鼓風鼓出無數波浪來困非致命不得意識
非涅槃不得是故仗者貴義精仁義釋者貴智明
意高仁義不精義智意不高明不達生死開安能
制人生死命孔子性命之主釋迦牟尼佛性命之賓
此一對主賓天地開闢以來

洞聲

空明無障礙之謂洞死生事大阻達者爲能知之
 假我以聰明賦我以形質造物原不輕許人以生故聖
 人亦不輕許人以死曰俊偉曰從容此之謂能致命
 匹夫匹婦自經於渴瀆是死得輕者不能致命禪家小
 陵荆卿之歌易水是死得輕者不能致命禪家小
 葉來自起火坑是不能涅槃大禪師此章益示人
 以達理知命之理旨是之謂洞聲

以無爲爲之國何須治三皇之時中國騞龍居之時
我國皆是道哉自堯舜以下不免把治治去三教之
祖同辰而辰皆欲挽回萬天無依之風惟釋迦行於
四方卒使淨飯成佛國孔子老君立言著論但爲天
下後世之持國者作指南無乃慕之者多而知之
者少悟之者尤少而行之者絕無皇皇之民終不復
見是豈南瞻部洲與天竺國之風會異故溥澆質
喪欲持之而不能故

天道也人情莫不欲安老者安少者依順而已矣
此帝王之道也釋氏曰無所從來亦無所去故名如
來言如來不見其去來之所書曰爲治無迹擊壤
無擊歌曰不知不識順帝之則即是此意皆待國
之衰

海和僧曰孔子曰四皆衍行爲百物生焉天何言哉
釋氏云無所從來亦無所去故名如來與老氏所謂
清淨而民自足三教一源其持國之要總以無爲爲本

見其作爲之迹而自有無數運量開闔存於不言
不化無爲之中自非大力量如釋迦牟尼佛都了
不得此無大力量而效其所爲則妄之毫釐謬
之千里流蕩廢弛之弊有不可勝言者不若把
治治去大師禪此言使近者易知卑者易見常行
之道也孔子以堯舜禹湯文武爲首功至其要處
乃曰四辰行焉百物生焉天何言哉曰老者安之少
者休之天無言而四辰自行百物自生此所以爲

安之少者依之釋氏云無所從來亦無所去故名如
來此之謂也

海鷗和尚曰漸民以仁摩民以義使民遷善而
不自知所謂持國道之以政齊之以刑使民畏法
而不敢犯所謂治國也治者治其外不治則亂伯
世之政也持者得其把柄使民自然向善不見其
從違持帝者之功也故曰佛者貴持國不貴治國所
謂能治國者不言而信不化而動無爲而成故不

如重山疊嶂望而之不得見其顯如一條大路人皆
得而由之小智慧者得其顯而通行是治國者也大
力量者因其隱而主張是持國者也佛說隱顯如
一故通謂之行聲

海量大禪丈師言佛貴持國不貴治國大抵國能持
便不須治而自治然非大力量如釋迦牟尼佛却持
不得還須把治治去故孔子以堯舜禹湯文武爲首
功至其要處乃曰四辰行焉百物生焉天何言哉曰老

理會惟是意必達於文道必形於事仗之有詞章
釋之有齋醮皆理之粗者也學者由粗而入精因
詞章而求其義做到精熟方可與語格致誠正之
功因齋醮而存其誠漸見光明方可與入超覺頓
悟之境若局於詞章齋醮而已斯害也道

行聲

行者行其道也主宰三才維持萬化誰能出而不
由戶者聖人之道通之為道德行之為事業如隱

伏羲之要約在楞迦伏羲教之精微在周易象多寓言
伏羲經多暗影文字非曉人便曉不得然其中一箇
至道可以意會不可以言傳玄而甚明微而甚著
總曉得便是曉了故曰南海觀音只在眼前放下
屠刀立地成佛

海和僧曰我佛爲教但貴自得於己不要人知故
所用文字多從玄虛說過須高明者有悟非是欲
人難知寔不欲使人知也古人之學但從心性上

楞伽楞伽說性甚分曉大抵佛家好用暗影文字非曉
了人便曉不得總曉得便是曉了又言儒家詞章之學
釋家齋醮之學是攻乎異端也佛聖道理之端何嘗
有異然詞章齋醮仗釋之粗非始於粗則道理之
精無自而入古者人稟純粹學仗學釋皆先理而後
事後世但先事而後理詞章齋醮者事也學者捨理
而從事則其害不可勝言

海鷗和尚曰此一節以佛家立教與儒家六經相表裏

表裏聲

鼓鐘于宮聲聞于外鶴鳴在陰其子和之表裏聲也聲有表裏其定則一故儒有是教釋亦有是教二者並行而不相悖學者須表裏洞達以之學儒就格致定正從事而不局於詞章以之學釋由定慧解脫八玄而不偏於齋醮如是則去道不遠語不云乎吾道一以貫之

海量大師言佛演楞伽易之玄虛也道理要約在

其心爲心偈云千江有水千江月萬里無雲萬里
天這方謂之能禪若徒禪之以位而無精一心法
以禪之亦可取於克弊況區區床座能不愧人之
尊信也哉今我一切僧眾但見靜坐息心謂之禪定
便謂禪定爲安定大失禪字之義有大禪師發明之
後方知禪定者以心之靜定相傳近見覽山大悲
寺旁有授受圖列諸代祖師像雖不知授受之心
爲何如然所以相授受者其禪之謂歟

能悉經義又要能識佛心故所言多不經惟鳩摩罽
什譯組摩詰所說經其言皆出於正故以得禪門
而八與之

海和僧曰帝者之世天下爲公不自私其子孫而
必傳諸聖賢是以有禪之說禪也者迺相傳授之
謂也今後師繼前祖師曰禪床曰禪座以床與坐相
禪亦猶帝者之以位用禪耳豈知禪不以位而以心
觀世音菩薩唯以心量之廣大禪諸伏諸伏各以

其斯之謂歟

海量大禪師言梵音甚玄譯出華音已不能悉其
義後末門品繁多僧家各持一說只一禪字大都
不解惟堯舜能禪觀世音菩薩能禪堯舜以心德
禪百王觀世音菩薩以心量禪諸佛諸家各以其心
爲心所言不經者多經者少故得其禪門而八者鳩
摩異什一人

海鷗和尚曰此一節後世釋經多不悉經義既不

福則爲絕聖棄智，琢其樞也。此豈足以語夫禪之
 義乎？禪者，唯聖人爲能堯舜存心，天下百姓以堯
 舜之心爲心，觀世音菩薩憐憫眾生而功德及於
 一切，是皆公天下之心。公故能禪堯舜以禪之，百王
 者此心也。觀世音菩薩以禪之，諸佛亦此心也。心之
 德至盛，心之量至廣，至盛至廣，夫是之謂聖人大
 禪師。發明禪字，謂之樞聲。上應十二聲，下接十
 一聲，而樞居中。天子曰北辰，居其所而眾星拱之。

八地而其高迥出於太虛是豈可以聲音色相求之哉

樞聲

心爲萬事之樞紐能開闔能收放故謂之樞樞者心也人各有心聖人有聖人心衆人有衆人心聖人之心同乎人而無我故能兼善天下衆人之心桔於所聞見故獨善其身如老子之知白守黑知雄守雌則爲冲退自守私其樞也莊子之齊生死一禍

海和僧曰釋家修而成佛猶仗家學而爲聖生民
 以來未有如孔子而天上天下無如佛皇帝王伯孔
 子一以貫之神聖魔鬼釋教六智以通之仗說顯
 於有迹故皇帝王伯以世變言佛說隱於無形故神
 聖魔鬼以明道言統宗三大菩薩貫乎今古者也
 運用梵王帝釋諱乎穹壤者也御制十二魔王
 則四辰五行不能外役使十五種鬼則有命有見總
 不能違其小不容針而其大乞羅乎世界其卑可

御覺皇云以聲音求我以色相求我是人行邪道不能見如來

海鷗和尚曰此一節言仗說皇帝王伯佛說聖神魔鬼爲道各有差等釋迦仗具聖神魔鬼之精粗孔子具皇帝王伯之体用大哉佛乎大之爲義如天之不可名無聲音色相可求猶仗書所謂無形氣方体可求也覺皇云以聲音求我以色相求我不能見如來至道之言也

指有運動者言魔王與諸大菩薩諸天神王異用
 而同体有象而無法三王修夫象是也十五種鬼專
 指有變化者言有命濁見修濁陰濁大都解脫不去
 有數而無理五伯修夫數是也釋迦牟尼佛統尊三
 大菩薩運用梵王帝釋四大天神剎禦十二魔王
 役使十五種鬼孔子祖三皇宗五帝子三王孫五伯
 也是故不具精粗不可以言佛不明體用不可以言法
 不知本來不可以言僧大哉佛乎聲音色相云乎調

窮也不知而議議亦一無窮也天得一以清地得一以寧聖人得一而天下和平議歟不議歟總在吾禪師之一聲中

海量大禪師言儒說皇帝王伯佛說聖神魔鬼其致一耳三大菩薩言其道過去大菩薩現在大菩薩未來大菩薩一切聖眾專指有力量者言有意而無象三皇修夫意是也梵王帝釋四大天神專指有作用者言有言而無形五帝修夫言是也十二魔王專

一也是故爲皇帝爲王伯一儒也爲聖神爲魔鬼
一釋也爲伎爲釋一道也道在天地間散之則有
萬殊統之則無二教致此章把儒釋一途透會此
大禪師心得一貫之旨發爲二十四聲之一大
段文章大段議論豈可以管窺蠡測之哉吾夫
子曰知我者其惟春秋乎罪我者其惟春秋乎大
禪師亦嘗言千載之下必有以混伎釋議我者然
而知者即不議議者即不知知而不議不議一無

人勝天前之輪於後者爲劫大士化劫則能以後而反前覺皇化富貴劫拙公化貧賤劫故能成佛大禪師真言妙諦能使頑石點頭

一聲

一者指一不雜合天下萬事而一之其義所謬甚廣太極一陰陽陰陽一五行渾淪底道理何往而非一儒言理無二是無二者一也釋言不二法門不二者亦一也攸有一箇理釋有一切法一之與一皆

迦南祖之拙公行脚南來露居樹下者三月卓
錫超類之鴈塔至使駘馬國公爲之擁扇前驅今
之迦南祖之則有之無之莫非定命不過爲前劫因
緣之報耳達者不當以有爲奉且法吾覺皇克吾
淡然之心至於俯視一節切吾無與焉則富貴能豈
爲吾重亦不以無爲戚且法吾拙公養吾浩然
之氣至於反觀一切吾無嫌焉則貧賤亦豈能爲
吾輕乃知人之受於天者爲命高士制命則能以

終身行善而願行願成亦還墜有心相故大禪師
以此一偈告之末言命是言前却總言命不可易也
高士制命制之而不亂之謂大士化却神而化之之
謂也能化却成佛祖能制命爲大儒

海和僧曰勢位財色美宮室好車馬佞臣僕便奴
婢非必有此乃能成佛有而能捨之爲難非必無此
不能成佛無而能處之若有爲難故覺皇享帝王
之奉而單身東遊不帶一文錢使六十渡得名今

蓮火坑生寶座大禪師此言益千佛經文未言之
秘架紂屬彩簾惡來椅杌終身行惡故爲惡人
十五種鬼未爲鬼辰終身爲屬故爲屬鬼貧窮
困苦者終身不離窮相故爲窮人背帶水拖泥
在十里霧中行終身不自覺調御覺皇棄萬衆
如脫履受痛打而不知貪嗔榮辱的念頭一毫都
不著故能成佛徒弟白師言願終身行之以成佛
道而不知所行之謂行而墜八惡道故固不足論

勢位自淡泊無財色則安識積金爲錢虜紅粉是
骷髏知之則財色爲外木舊辰鄰巷背新主一
車一馬幾人騎知此則美宮室好車馬省蒲團
禪床矣金多恭季子辰平僕弄師如此則侯且僕
便奴婢皆好師良友矣大力量者凡眼前貪戀愛欲
苦境者所以鎔陶琢磨我而使進之於道濟顛從
飲酒食肉悟道智深從放火殺人悟道志禪師讀
西廂從忘當他秋波一轉句悟道皆自垢泥出紅

捨能爲難大力量菩薩揮金如沙貧者所願不過一金然終轉死渴洩一金且願不得況于勢位財色伎言定命釋言前劫前劫也者不可易之定命也富貴而不自有者制命高士制命大士化劫化劫故能成佛

海鷗和尚曰儒書言不見可欲而心不亂是爲中行以下人說進於是則見可欲而不亂又從欲而進於道焉所謂澹而不緇如如不動也故無勢位則安識仕路爲波濤世途爲荆棘知之則視

事是之謂斷聲

海幢大禪師言無勢位不能成佛無財色不能成佛無美宮室好車馬不能成佛無佞臣僕使奴婢不能成佛徒弟白師言願終身行之以成佛道師答言桀紂幽厲彰廉惡朱稽杌亦能終身行之十五種鬼未爲鬼辰亦能終身行之貧窮饑餓困苦無告者亦能終身行之而獨爾能行之云乎哉調御覺皇捨萬乘而行單身茹痛六十拳而身不知痛是故有而

勢位財色美宮室好車馬倭臣僕使奴婢是極難捨物事常情到此惟恐失之而況捨之乎勢位財色畢竟爲無是公爲烏有先生顛倒人於一切法作種種境界故捨不得高明人真造得離有離無第一級無纖毫不淨想亂惑雖種種現視之如幻夢境像而已方其處勢位財色辰若固有之然而雲中之空雲去而空自露真修一回頭便將勢位財色作巴人塗鼻之壘到底又是極易捨物

之兆欲心滅而天理動私意滅而真性起誠使欲
心私意一切淨盡我之天真呈露明得自己心見
得自己性世間萬事萬物皆作平等觀無所慕於
聲無所恋於色亦無所怖於威則鐘鼓綺羅千兵
萬馬在前何與於我惟其寂故能空惟其空故有
之而若無也昔覺皇以宮女試玄光非疑玄光之
不能寂將以信其能寂而使人之不疑也

斷聲

非寂也。須見得我真体不生障礙。外來仍從外去。
鳥過清潭。鳥過去而潭不留影。雪花冰鏡之喻。
也。世傳調御覺皇。以宮女試玄光覺皇。能滅豈疑。
玄光不能寂。况著一疑心。便是不覺。恐是造說者。
之訛。

海和僧曰。照目息心。兀然不動。緣我僧家。入定時。
有物亦不見。有聲亦不聞。由情定而性定。省又由。
性省。而情定。寂滅之工夫也。寂者動之機。滅者起。

礙也能滅人性則天性全性全則定定者寂滅之
謂儒書曰無我道書曰喪我皆其義也然感而能
寂方是真寂耳以司聽鐘鼓在前非不聞鐘鼓也
而不亂目以司視綺羅在前非不見綺羅也而
不眩死生驚惧皆由人心兵馬在前非不知也而
不八於胸中如此謂之真寂若無鐘鼓羅綺無
兵馬則爲耳爲目爲心原不曾著一箇感無感
辰則徇子皆有佛性而亦曰不亂不眩不動焉則

自如鐘鼓在前而耳不爲亂綺羅在前而目不爲眩
千兵萬馬在前而心不爲動夫是之謂寂世傳調御
覺皇以宮女試玄光覺皇能滅豈疑玄光不能寂
雪花無有蒂水鏡不安臺臺與蒂如何動花得
鏡得

海鷗和尚曰玄哉寂滅之義乎無喧何以有寂無
起何以有滅喧起何以有人性也寂滅天性也與人
心道心相似喜怒哀辱交戰於胸中人情之障

然爲能以從音春擊擊于鐘鏘鏘然作聲以從擊空
 欲尋聲而不可得及其空中發聲金鐵皆鳴不
 待感而應由天寂滅之至蓄之鉅故其發之宏也
 邵康節之希聲大禪師之寂然無聲其見得天
 地之心乎

海量大師言佛說寂滅非夫寂滅之謂也寂與喧
 對滅與起對能滅人之性便能起天之性大都天性
 最難起人性最難滅滅得人性便是萬感俱寂一真

銅鑄石磬時敲於波心樹影間夫非無用之爲壽
 故佛生於西方非特粟之剛亦以隱於無用而能
 不坏也

寂然無聲

鳳凰不鳴鳴必驚人方其不鳴辰寂便是寂然無
 聲而驚人之聲已自不鳴辰蘊畜得來陶淵明素
 琴無絃自得於音律之外蓋音律之意可由無絃得
 不可由琴聲得也凡物感必有應感而無應惟寂

誠性釋者要明心要見性者所謂君子之道貴而
隱也道也者非貴之爲難而隱之爲難乾父萬類
而後天退於西北無用之地藏諸隱也術非隱不精法
非隱不灵乾隱於秋冬之交故能爲四維八^十十二
反之首堂閔玄光尊者地居宅爲萬斯亭出家爲
大慈寺一線乾龍八首並無夾襖是以香火至今永
爲竹林之祖夫非無用之爲神放在物亦然如今西
湖東之鎮國寺經兵亂後銅鐘鐵器盡歸烏有惟

同至人造言如化工造物各隨其意而爲言原無印
定底

海和僧曰儒何以有君子有小人釋何以有君子有小人
蓋氣稟之不齊而趨向之各異耳要之義不可失
利不可專以義言則爲己爲君子爲人爲小人以
利言則爲人爲君子爲己爲小人外面工夫作用不
同而公私之判得失之分只爭義利二字欲看得義
利分別又須從自己心性上求是故儒者要正心要

不說不欺能減能足極其大而不可知儒家所謂君子之道貴而隱處世而出世與物而棄物無用之用也惟君子足以知之文王後天退乾於西北佛言聖賢身如黃金不變不動乾得至陽之象金爲堅利之物處於西北不用事之地以藏有用之体省其義也或問上節言理不可盡猶欲不可盡斷與此言理欲頗異學者或致疑焉曰金剛經云應無所住而生其心楞嚴經曰住爲人主不住爲客此之住與彼之住不

現空花消業障而已無意焉君子釋之爲人也
寺觀巍峩幻無相爲有相而已居焉登壇破獄借
玄文作虛文而已私焉小人釋之爲已也故儒爲人
則爲盜俠釋爲已則爲賊道作用工夫不同而理欲
判焉穷究而推之則指歸本出於一是故仗說正心成
性能正心成性則不爲人矣不爲人則克之無求飽
無求安不求聞不求知佛說明心見性能明心見性則
不爲已矣不爲已則克之爲割斷六塵消磨七業

不變不動西北乾兌之位乾兌無用之地退於無用而藏諸用焉佛家相金儒家方金藏金於無用天之道也惟君子足以知之

海鷗和尚曰此一章仗釋皆有君子小人君子儒爲己小人仗爲人君子釋爲人小人釋爲己彼之人已與此之人已爲文則同爲義則異述聖希賢躬行心得仗者爲己之學筆硯供談笑碑鼎媚公侯文似相如殆類俳爲人之學也以涅槃度眾生以

海量大禪師言曰儒有君子儒小人儒釋有君子釋
小人釋君子儒爲己小人儒爲人君子釋爲人小人
釋爲己徒弟白師言人己有異麼師答言仗論己之
己人之人是說就心性上起見君子釋舍己以濟人小人
釋怵人以養己是人己理欲上分判彼之人己與此之
人己工夫作用不同心理之指歸一耳是故儒說正心說
成性佛說明心說見性皆所謂君子之道費而隱文王
後天退乾於北隅佛言西北方有聖賢化生身如黃金

意捨狀元之貴與之朝夕以成之真箇是無量見
識大菩薩

足聲

釋教不明世人妄作諱謗但就筌蹄粗迹上看眾
議激亂無所折衷此章反覆於君子小人之辨其歸
宿處只在心性上儒釋作用只箇道雖殊途而同
歸萬殊而一本方金相金二字前古所未發至哉
斯言雖有作者不可易也謂之足聲不亦宜乎

興其便除其害思澤瞬隊無遠弗暨亦下階陛
 而化馳若神這便是無量力菩薩大勢至菩薩
 何出家之有人見調御第一祖居華安寺煙說是出
 家豈知我祖當辰能以天下爲公國內無事獨強
 隣未在北未可忘情此意又不好明言恐人心搖
 動占得安子最高峯東顧安廣北瞰二諒建爲
 寺院辰遊幸愔動靜尤使外侮不能爲之憂真了
 是無量力大勢至菩薩當辰惟玄光尊者識得此

是以大力大勢臨莅天下澤及當辰思齊萬世能
度無數眾生者博施濟眾之義也以無數眾生為
家者天下一家之義也放毫光焰世界者深居九
重之中而化行裨海之外也有功有德亦復如是是
之謂佛若出家而後可以佛則出家菩薩何有
百千萬億人眷屬米其眷屬百千萬億人非元
右作民父母而何故凡有天下者有一國者力無不
可為勢無不可行能作平等觀治七情修十義

通若心所到故佛曰佛家仗曰仗家而總謂之法
故曰法家家之爲義所諺甚廣上下世界無不是
家即欲出家即欲出家何住故曰菩薩不出家仗
不出家眾生垢重不知出家之義以役仗爲出家
不知佛本無佛從何處投身即是家從何處出須
是心体常明照應常徹智体寂寂照用如如到處
盡無限礙故本引佛說仗書以明其理

海和僧曰凡言無量力大菩薩大勢至菩薩皆

同群吾非斯人之徒與而誰與蓮花經云我觀一切
普皆平等無有彼此愛憎之心我無貪著亦無限礙
無限礙者儒家大同之義也

海鷗和尚曰天不產而萬物化地不長而萬物育
故曰莫神於天莫富於地無所在而非天地也故佛
能以無數眾生爲家心身不動始見萬千世界聖
人能以億千萬世爲家寂然不動感而遂通大道
者心即天地其大無外宇宙之間一事一物無有遠

薩能度無數千百眾生以無數千百眾生爲家如是
等菩薩各以其眷屬百千萬億人俱孔子以億千萬
世爲家億千萬世帝王各以其臣民俱孔子寂然不
動感而遂通天下之故大勢至於菩薩八於無量義
處三昧心身不動故眉間白毫相光照東方萬千世
界靡不週遍是之謂法家法家者不出家儒言不出
家而成教於國故聖人耐以天下爲一家眾生垢重爲
貪疾故自出其家如是我聞諸孔子曰鳥獸不可與

收聲

或問聲有故何能有收曰雷從起處起聲在萬里而萬里之耳聞之是收聲也夫聲有所出必有所入出爲故入爲收蕭韶之樂聲入而心通聲之收於心也江上之風耳得之而爲聲聲之收於耳也然必慧心慧耳然後有收聲若夫聽之不聞聞之而不知者何足以語此哉

海
量大禪師言無量力大菩薩不出家無量力大菩

之天三生木地八成之地四生金天九成夫五生土地十
 成之在天爲五帝在人爲五行在司爲十敎冥王
 有天地未便有亘古窮今不壞這是金剛身緣眾
 生慈悲爲愛河所汨貪戀不止取用過多火盛木
 灰金盛土燥木盛水滯水盛金沉土盛火過適用
 五行生競非受犯此罪惡乃墮地獄十敎冥王得
 隨其所犯而治之若識得破捨得斷不爲慈悲所
 困何緣墮地獄

見性明得心辰心本空虛見得性辰性無倚著凡世
間一切物事作平等觀精進不懈乃成伏道不垢不
淨不增不減皆離苦趣此是打破地獄第一法門
何謂金剛寶劍何謂金剛不坏身佛生於西方屬
庚辛金得金之正氣物成於秋說於兌惟金剛能
不坏故佛用精力割斷一切業障曰金剛寶劍不
生不滅曰金剛不坏身設言如金剛耳或有金剛
劍那有金剛身天一生水地六成之地二生火天七成

蹈至危者何能解脫而就安處乎昔臯陶明于五
刑以弼五教使人趨教既不八刑是破人獄人獄明
明設法可畏而避地獄黑岸岸只在方寸知之者
寡而犯之者多非大力量聖人不能破得益人皆有
是心惟放之而不知收縱之而不知檢是以入於邪侈
陷於過尤纏思愛者未無解脫之期溺名利者自
受焦熬之苦在煩惱中處憂畏境冥冥八此地獄
跳不出走不上釋迦牟尼佛為此憐憫教人明心

楞伽經

海和僧曰讀尚書至人心惟危一句不覺捏一把汗
盲人騎瞎馬黑夜臨深池不危也寢上絲懸萬鈞
石鼠爭嚼絲聲索索不危也搥杵未下時銅汁
未飲辰油鼎百沸未投辰睨立刀山劍樹之旁喘息
欬吁時如十二地獄之設至危也危在地獄爲虛
幻危在人心最切真人心者欲心而已有血氣心思
誰能無欲不意其危若是非我師言破獄之法則

作之不止乃成君子是也曰一曰進工夫却在精字
 上精之爲義不雜也曰金剛寶劍金剛不壞身亦
 精之義也末言眾生慈悲故多墜地獄慈悲則犯
 情愛障墜情田多觸網渡愛海多迷津那得不墜
 地獄有虞氏釋迦氏不慈悲精一精進之謂也
 極其精則瑩潔光明了無罣碍惠能禪師偈曰
 本來無一物何處惹塵埃眾生若不慈悲便到處
 皆有尊者錫杖殺害父母殺害僧寓言也義見

八犯法爲人所知而得法官憐者出法官既下獄
 而遇赦赦者亦出不待破也人生落等辰十級冥王
 已具在人身上目視耳聽口食形體運動皆冥王
 主之稍有知識意向便犯地獄罪業冥王在不聞
 不見中從而鍛鍊之便落無間地獄知識日增地
 獄便加一重鐵壁永無出期破地獄之法有虞以
 精一一者守之不移荀子曰守道不二天不能爲
 之禍是也釋迦氏以進進者力行而不輟儒書曰

尼佛就取用他亦與有虞氏取用一般徒弟又白師
三十一
 言眾生何多墜地獄師言緣眾生慈悲有虞氏不慈
 悲釋迦牟尼佛亦不慈悲故能破得地獄眾生若不
 慈悲便不墜地獄是故殺父母殺害僧是佛家第一
 平等

海鷗和尚曰虞舜使皋陶爲士師以明刑乃人獄
 治人之法也釋氏言地獄治己之道也人獄與地
 獄大異人獄不犯法者不入犯法而人不知者亦不

弟白師言有虞氏有何法師言地獄危伏說無間獄
 苦有虞氏以精一破之釋迦牟尼以精進破之後來
 顏回言克己大慧言殺害工夫全在精字上故打破
 地獄精力是金剛寶劍徒弟又白師言有虞氏破
 獄十斂眞王已用事麼曰已用事十斂眞王就是
 圖書未成時四面八方都箇箇用事釋迦牟尼佛
 是觀世音菩薩第三身觀世音菩薩普度十方
 便是圖書十斂眞王出來留得金剛不坏身釋迦牟

之破者脫也精一精進者仁義道德而已矣夫聞
雷霆而伏蟄昭蘇天地之說聲也仁義道德之發
越請之聽之而茅塞頓開者斯大禪師之說聲乎
海量大師言釋迦牟尼佛生於帝釋有虞氏之後
獨得其破獄之法以濟度眾生徒弟白師言有虞氏
使臯陶爲士師是八人獄況破地獄大禪師言人獄易
出地獄最難出非破不得有虞氏大力量乃能破得
釋迦牟尼佛亦大力量亦能破故得其破之之法徒

賤陰聖人德與天地參故善善而惡惡貴陽而
善善者以其解脫而舒暢也說者豈真脫人於獄
說其昏蒙之徑告耳一切群有在火宅中爲氣稟
所拘物欲所蔽貪嗔不除多爲情塵愛流所陷若
非仁義道德之精以開其障蔽大都擺脫不得聖
人教人要使之開却存誠遠離虛妄以復其光明
則不至沉淪苦海而得一切解脫夫是之謂說大
禪言有虞氏以精一破之釋迦牟尼氏以精進破

捨身是利人利物不私其身却至有生身以飼蛟
飼虎者使讀仗書至明四目達四聰將謂虞舜真
箇四目四耳則載鬼一車處必壽周公驅一車真
鬼去使人疑惑在前在後處必壽孔子變化在
前一箇相在後一箇相令顏回恍惚不可爲像儒
家寧有是乎

說聲

說者解脫舒暢之義天地之大德曰生故貴陽而

悟佛者捨身

海和僧曰佛說句句高遠儒說亦句句高遠但儒家自伏羲有文字之後世出大聖大賢從平正的實處謁說是以人見得破認得真禪家自釋迦之後衣鉢相傳只從明心見性上用功惟一達摩稍爲辯析僅有些少言語故其徒不曾解得如說觀音佛千手千眼是手無不爲眼無不見若千人之手千人之眼却真了塑出千手千眼佛來如說

在大禪師以影響耳目分別内外形氣以明此章
第一言之義佛書言釋迦攸千手千眼儒書讚夫
子貼之在前忽焉在後蓋亦謂世尊萬行具足慧
眼遍觀聖人休用兼該不可測量皆以形容具至
處耳曰南無佉大哉夫子即其義也非釋迦真有
幻化相夫子真有分身術也悟此則人鬼畜生各有
有内形氣有辰而反之皆外形氣也悟得真面目
則不肯捨内以從外迷者反是故曰悟佛不捨身不

羊羊死爲人意蓋謂人本人道天良喪盡則人性
滅而八於畜羊本畜道一隱光明則孽根自斷而
八於人道善惡輪迴乃釋家覺世寓言猶易睽卦
象說鬼豕不可以辭認真也明乎形質之義則真
身之固有前境之外來自自無靈者不林眼本
明用以視耳本聰用以聽有辰而自花有辰而自
鳴花是無形鳴是無聲雖辰外來暫爲其眩聾
然花究竟無花聲究竟無聲只有耳目聰明常

見承負塗載鬼一車你道是真鬼承麼眼本明而花耳
 本聰而鳴花無影鳴無響影響是外形氣耳目是外
 內形氣釋迦牟尼佛千手千眼孔子瞻之在前忽然
 在後手眼一手眼也前後一前後也人不能藏形鬼不
 能出身禽獸不能作人言反此者外形氣也悟佛者不
 捨身不悟佛者捨身

海鷗和尚曰人有人道鬼有鬼道畜生有畜生道
 大禪師言人鬼畜生各自有形氣也佛說人死爲

崇種種自見無論外物且看人身上朝氣暮氣已
 自不同非定何能靜非靜何能安慮得世間真見者
 少不真見者多直須喚醒出來自然興祥亡妖孽
 閑兩截看是大禪師曰人爲人鬼爲鬼畜生爲畜
 生這一句非真直喚得亂性九夫直可喚莊周千古

蝶夢

海量大禪師言人爲人鬼爲鬼畜生爲畜生徒茅白
 師言佛說人死爲羊羊死爲人辰如何師答言儒說

上認

喚聲

至人能守其真境智既寂心慮安然故視一切世事
存亡得喪了了然於胸中玉皇同居非吾真貴
乞丐同食非吾真賤時有千萬變化而全体自在
外物何能作怪中人以下心無真知眼無真見皇
皇然如醉如夢於得喪存亡局中心迷意亂故眼
花耳鳴本無鬼承而見鬼承只緣邪妄想不淨邪

理論要之人之有身真非精氣所萃其体相則所居之
染習而所養之遷移男子女兒像其父母身者旦夕
之相與而居養之相安也古人胎教必欲見王公大
人聞詩書義理故生子狀貌端正而資稟聰明今
之世家子弟資質体面自與凡庶不同非特精氣
之清純福澤之隆厚亦所居所養之異凡庶也有
世家而生不肖子凡庶而產奇特兒亦是偶得間
氣所謂惟上智與下愚不移他問真身請就精氣

都自忘却本身或大禪師偈言曰神曰身曰元曰
真真切在此四箇字或問海陽曰火車國在何處
只曰在爾我行堅處

海和僧曰玉皇骨髓經云人各有精精合神形形各
有氣氣合體真精氣合而爲人其以形相禪者體
亦相像羅漢深目黑脅身男子女兒亦深目黑脅
身以是爲真乎男子女兒神清體秀不像羅漢身
以是爲非真乎釋迦牟尼佛化現自然豈可泥常

牟尼伏見釋迦牟尼伏身不見百千萬億羅漢身男
子女兒乃各認真身大禪師合掌而作偈言元精吾
神元氣吾身神降其元吾身乃真

海鷗和尚曰人身自有本面目百千萬億黑髻
深目身乃百千萬億羅漢化身也神清体秀男女
身乃火車國男女真身也大禪師念佛見釋迦不
見羅漢須見百千萬億羅漢化身還有一箇釋
迦真身在奈何見羅漢黑髻深目身而神清体秀

真了聖人乃曰予聞如何見亦何嘗無聲俗人之
見不真故爲無聲高明之見甚真是以有見聲也

火車國城中有無數善男子善女人頂禮釋迦牟尼
佛而願生男子女兒釋迦牟尼佛乃化作百千萬億
羅漢身生出百千萬億男子女兒羅漢深目身女兒
男子女兒亦深目身羅漢黑髻身男子女兒亦黑髻
身而有男子女兒身神清體香不像羅漢身各各拈
香頂禮毗盧海幢大禪師而問真身大禪師念釋迦

聲高明之見與俗見異見利而忘義者見之見也
 見金夫不有躬者見之見也夫如是非惟無聲亦
 無見也至於見義而勇爲勇之見也見可欲而不
 亂定之見也器近乎道故聞鼓則思勇聞鐘則思
 定傳曰見而知之又曰聞而知之所聞是道理之聲
 則所見與所聞者同此聲耳道理是無形可見道
 理之發越者就是發越之聲一本散而萬殊萬殊散
 而一本可見而知之故亦可聞而知之堯見得舜是

不見有是事非非想故夫爲善爲惡只在心頭福之應各以類至我爲善耶漢儒曰猶長日益而不見我髮長時我齒牙永甲長巨時還見得麼有爲惡者亦復如是天府地府水府要從吾心上起見這是想到非非想見得非非見所謂真想真見大禪師有想亦想是耳

見聲

見聲非所見之聲乃見之聲也見本無聲何以有

海和僧曰世俗相傳三府公同降人禍福人生所
行善惡是曰陽間冥冥之中善有善報惡有惡報
是曰陰司曰陰司者天府地府水府之事也天有
日月星辰地有山岳河海水有鼃鼃蛟龍魚鼈生
焉是必有主宰之者有以主宰之夫豈無事而其
事則渺茫非人所經見試想天府何在在天上故
地府何在在地下故草木鳥獸地府掌之故水府何
在在水中故潮汐乾澁水府職之故想有是事而

事我髮長時我齒牙永甲巨特我身中過去之事
也亦我身中將來之事也有想時亦還想不得端由
著一想字便爲有眼耳鼻舌身意便爲有眾生想
壽者相然徒想見又想不見又還不想來則想亦偶
然想噎亦偶然噎從外來而非非結於內曰不想不
要見則想亦非而噎亦化矣徒勞不知強生問難是
亦要見難見想出非想來故大禪師反覆致告而
以伏說明之

噓還見不得我真噓是爾要見難見想出非想來佛
說若以想非想非若以見難見如未故曰真想真見
海鷗和尚曰詩云他人有心予忖度之忖度人心豈
易哉要其不知以爲知要其不見以爲見則爲弄
無明識界大禪師當食而噓徒弟以有想爲問師
答言緣師想非想故噓與空性其猶隔一重明識
若到非非想則無噓徒弟又以何想爲問則愈悔
矣天府地府水府則不可見之事有想還想不出何

聲哉

海童大禪師當食而噎徒弟白師言師噎有想麼
 師答言我想非想未到非非想故噎曰師想何想師
 答言我想天府地府水府事還想不出有何事我
 想見我髮長時還見不得我髮長時我想見我齒
 牙永甲巨時還不見得我齒牙永甲巨時我徒想見
 又想不見來何如還不想來是我想非想不想非非
 想要見非見不要見非非見且如狗在喉中你想我

天降衷於人有恒性有天之性便有人之情故竟能
 想衆亦能想更能想殆亦能想乃有聖狂之分者
 能想非難發想爲難聖賢出人處只在於發想辰
 昧與丕顯望以待旦成湯之發想辰也疏食飲水
 曲肱而枕吾太子之發想辰也心中只是一團天
 理無一毫人欲之私故想出一層便得一層光明正
 大是之謂聖賢之想一切眾生多作妄想徒令心
 中熱惱愈想愈不出此豈足以知吾禪師發想之

道體而言若曰聖人未出道在天地聖人既出道
在聖人聖人既沒道在六經道無陰污即不生不
滅之謂也天道統之傳有自永不以聖人而生得
孔子生而萬世文明可以無滅辰道派之流無終
窮不以佛而生得牟尼氏生而法輪常轉可以無滅
辰如枯樹本無生底祥光纏繞忽然而生生而爲
花爲寔百千萬億生生不窮滅麼不滅麼

發想聲

海和僧曰伏亦人耳人有形氣囿於形氣者誰能
無生亦誰能無滅惟其圓通智慧廣大慈悲獨有
以異於人故在西方謂之佛猶東土謂之聖人以其超
出於形氣者言之耳能超出於形氣故身在天地
後而道在天地先眾生苦沉淪何忍不生其生則光
明普照濟度無邊而教本虛無何生之爲徇功行
圓完何惜不滅其滅則一真自如萬化俱寂寂而
神光無不周遍何說之爲空佛說不生不滅是猶

稍枯樹滅也滅則無生從無生中幻出生生不窮之
道爲枯爲生卒焉剎焉瞬息間只在枯松身上大
禪師作偈如劈頭作喝棒提耳震雷博士以此悟
真亦有大慧眼者然枯竹生枝佛化而亦魔也心生
魔生心滅魔滅都自人心造出無意無觸者不見
也不見辰便是不生不滅右上三節爲經中大明
題目大禪師得道之淵邃說法之玄妙徒弟八道
之門皆當於是觀

之處見其見而不見其不見此不生不滅之旨牛首
蛇身怪異之物龍眠鷄起尋常之事以此爲難見易
知之証西牛賀洲大千世界有無數萬億劫身無
數萬億年只有無數萬億身於何爲生於何爲滅
須從此處悟得有生無生方悟有滅無滅大禪師入
定昏睡辰傳士門徒一番思議未能遽悟爾云玄
光世尊就眼前真景境點化萬段祥光纏繞枯樹
而大生枝葉而有花實而生樹子而作百千萬億松

而作偈言誰吹未枯骨噓來榮到底松身爾滅爾生
博士門弟尋見師於萬松山中乃大生歡喜心師乃
大生歡喜心

海鷗和尚曰大禪師遊博士齋博士以儒服謁禪
師儒釋無二致也博士以有生有滅難大禪師益未
明不滅不生之義試言之春到花開秋到花謝物之
生滅也極求之總歸於無何有之鄉我生之初誰是
我我生之後我是誰我之生滅也極言之不知其去來

礼拜大禪師而白師言佛說不生何以有生佛說不滅
何以有滅師答言有生是不生有滅是不滅牛首蛇身
難得見雀眠鷄起自然知西牛賀洲有大千世界生
無數萬億劫身有無數萬億年只有無數萬億身耳
目口鼻具足爾看未有生無生大禪師乃昏然而睡墀
士門第一辰退散爾辰玄光世尊化作萬段祥光纏
遶枯樹枯樹乃大生枝葉卒然有花有寔寔生樹子
化作百千萬億松梢師忽省悟乃在萬松山中合掌

昏然而睡辰爲至靜忽然祥光化枯樹生至靜而後
至動是之謂殷聲夫空侗一氣混沌未分萬象始
於空空一太極也陰陽之氣凝爲兆朕發機於寤寤
者太極生兩儀也形氣既分則天氣下降地氣上
騰有變化無窮之機此如天上有雷其体爲大壯其
德爲殷殷者兩儀生四象也天人一理故以三祖現
身起見觀此可以知天

海童大禪師雲遊於博士齋中博士與其門弟儒服

浮漚是不好世尊現作浮漚浮漚却是好指浮漚
 而念佛浮漚非佛國中變化之一最好放師自在
 世尊自在山師手指浮漚辰在坎放在山坎西方伏
 教白毫光焰東土其斯之謂坎夫法螺世尊猶以渴
 而飲水渴則思解解了便休到得濺蕩水中空空
 自性又何欲之可斷

殷聲

殷者殷然而發詩云殷其雷在南山之陽是也禪師

故知看水是寒而寒者非真水一陽初至泉水先
 溫可以寒而言水欲看火是溫而溫者非真火木
 未鑽辰石未擊辰冷冷清清如也可以熱而言火欲
 古人有言天下無正色天下無正聲有可欲者便
 是好否則商環周鼎難售於田夫冬葛夏裘必違
 於物性如不可好則好矣如不可欲何試思口渴辰
 而飲水水是好蛇是不好無水而見長蛇可欲在蛇
 蛇却是好有水而得世尊不可欲在水水却是不好

禪師以手指浮漚念釋迦文殊普賢觀音會得千
 佛爲一佛三身是一身世尊是諸佛浮漚是世尊
 爲天爲水爲蛇爲龍幻者有幻真者有真南無大
 慧眼菩薩眾僧合掌歡喜亦歡喜大禪師認得
 世尊自明白易見大禪師認得世尊故恐未易知
 海和僧曰調御尊居萬乘妃嬪滿側珍寶盈前平
 而視六宮如微塵棄天下如敝履竟無一毫留戀
 世亦有刻苦持齋者到小小利害處便割捨不得

投鵲羅刹國以掀鼻獠牙爲美見眉清目秀者則
 號哭而奔避之動桎板而山鳥飛襲衣冠而狙猿
 裂引而伸之所謂有好不好有不好好此之謂也此一
 段以顯上文之旨然天下之事有常有變制變而不
 失其性又非有大力量者不能法螺世尊暑極口渴
 探穴求水見一長蛇取蛇吞之亦惟世尊能吞蛇耳
 蛇乃化龍噴水而浮世尊則魔障愈高世尊現作
 浮漚蕩漾水中將不復見世尊亦不見浮漚矣大

爲了爲悟爲定爲慧了悟定慧無欲之上乘也無
 欲者無性晦冥之則爲昏爲蒙爲蠢爲愚昏蒙蠢
 愚有欲之惡根也反覆對言以明不斷斷斷不斷
 之旨天下無物不是好好性也可欲是好不可欲是
 不好隨其性而應之物原無定好定不好也故山谷
 之人所好者卉衣土窟語之以衣冠文物則愕矣
 獠獠之人手食而鼻飲茹生而飲血見方丈列鼎
 則唾矣秦割十五城以易寸趙璧而荆山之人用以

菩薩僧眾合掌師乃說法如初

三二

海鷗和尚曰書曰天生人有欲曰所欲與聚欲性也日用常行如饑食渴飲之不可無惟欲而不爲欲蔽即欲斷矣必曰予斷欲使之無欲是欲斷欲也無中生有更深一重魔障滾滾水其大也任其性而使流則涸矣星星火至微也欲其滅而遽撲則熾矣水質陰而性本陽火質陽而性本陰火能寒水能溫方其陰陽性質有欲者有性空白之則

是火乃是實火真水能溫真火能寒是故有欲者無
 欲無欲者有欲徒弟又白師言天下何物是好師答
 言物物都好物有可欲是好有不可欲是不好故有
 好不好有不好好徒弟不喻爾辰法螺世尊在瓊林
 萬松山中暑極口渴而無水飲探窟求水見一長蛇
 取蛇吞之以解焦渴蛇乃化龍噴水而淨世尊世尊
 化作浮漚蕩漾水中師以手指浮漚念南無釋迦牟
 尼佛南無文殊菩薩南無普賢菩薩南無觀世音

笑之云乎爲龍爲蛇爲浮漚爲世尊皆所未常聞
 之聲是之謂寤聲歐陽子言星月皎潔明河在
 天四無人聲聲在樹間天之寤聲也吾大禪師
 之寤聲夫非天籟鳴之聲歟

海董大禪師望石碑垓說法徒弟又白師言理不可
 盡猶欲還可盡斷麼師言不斷斷不斷滾滾水
 流流去涸星星火撲撲來烘徒弟白師言何水非水
 師答言看水是水不是真水又白何火非火曰看火

至微於色發於聲眾人功行未深魔障猶重一聞
師言至於背案而坐非極力爲言何緣曉會是故
設爲問答與眾辨疑是亦慈悲一段苦心

寤聲

人之爲人宿興夜寐興而作作而動動故有聲言
話嘖笑凡聲之所發人皆得而知之若夫寐而息息
而靜靜則無聲無聲之中忽然有聲寐者所不自
知也是聲乃造化渾然不露之聲豈尋常言語嘖

知物物有自然之天而循理不通反成滯滯又現
出青鳥與花变幻不常佛法神通亦復如是鳥不
不必其爲鳥花不必其爲花橫一理於其間已爲
贅瘤而又何循乎雖然理有順逆不可盡循而凡
順之可循乃所謂理不見竹梢向上自然之理至
截而爲杖手握其本梢反在下理乎非理乎師倒
持竹杖理乎非理乎昔本師拈花迦葉微笑契機
頷肯不待言傳今真空無障礙佛與徒弟說法乃

是理之外惟其見得真是以說得破調御覺皇爲
 竹林第一祖至于今五百餘歲虛空顯現乃在瞿
 曇樹下人何從而見之惟我師與我二僧心心是依
 是故見佛世之口念南無依而心中果無佛者何足
 以語此相傳優曇樹無花優曇花降弥陀出釋迦
 惟皇陳朝三次開花逮今復僅見耳事出希奇有
 佛眼光明方能見得見得辰便是正印曇花開謝
 自與風雨無干風乃開雨乃謝者覺皇慈心只要人

儒者家說爲說者誠以道一而已儒家玄妙處便是禪禪家作用處便是儒捨伎倆文辭尋常戒行之外而求所謂道者可一以貫之矣說理云何益從事上得來合當如此說欲云何益從心上得來也要如此理之爲理有橫斜有曲直如水之理然使理而可畫循則繩墨規矩可以不設又何必求如魯般離婁公輸若而使之哉師處世以儒出世以禪豈肯過爲驚世之辭益漫游於是理之中而超出於

不誤當前應接亂羽花真幻大禪師觀鳥而認羽
 花識鳥身非鳥花魄非花花含飛鳥仍飛去不斷曇
 花自在花鳥自爲鳥花自爲花過眼去來閑人甚
 事於是伴僧以此悟色空以此知無執著師乃倒
 持竹杖進庵而禮世尊全副精神又在倒字進字
 上此節說明理欲順逆之辨屈伸行止之宜隨遇而
 安與物俱化雖已無與焉而真性原不昧也

海和僧曰叩明理與開示心局禪家第一事也必把

舟險途按轡會得先物我膠固之趣然喜順水而
 行舟驚險途而按轡亦未造無意識界非一番大
 點化則悔者不幾於愈悔欣覽皇化作無數瞿曇
 花曇花千年不開不謝之花乃其開以風其謝以雨
 瞿曇究竟亦有不自由時理不可盡循觀此可以
 明白了悟然雖理不可盡循應事者然也事而不
 事於事物而不拘於物唯真性菩薩能之鳥含花
 去花化鳥羽幻景繽紛眩迷心目非灵根慧業幾何

理也東爲吐吸之地故凡水皆歸春爲生育之時
 故凡升皆發弱水能沉羽毛介而不容物也菊花
 能雪霜傲而不齊物也剛故介繫於西爲堅剛之
 地強故傲閑於秋爲肅殺之辰非水中之水花中之
 花曷能挺然獨異於眾此粗發理不可盡循之義然
 亦惟大力量者能不盡循理也打不起罵亦轉蒼蒼
 發前言未盡之意曰水東西輻轉軸花開早晚蟻
 磨盤似得循理之意而未到不盡循之旨順水行

上

伴僧偏袒右臂而作答言坦路是馬順理二繫根是本
 逆理理有順逆是無執無著便循不上著師乃倒持竹
 杖進庵而禮世尊

海鷗和尚曰理如木節之理該有是理也理一而已
 語常則理無二是男女不親授受理也叟溺叔援
 亦可以非理觀之故君子於惡人則援之陳寔吊
 張讓以救黨錮康海見劉謹以出魯陽皆不循理
 也此特可爲悟者道耳萬水東流理也百花春發

驢轉軸花開早晚
 蹴磨盤師乃作聲
 起起起打不起
 睡睡睡罵乃睡
 右伴僧離席而進
 曰順水行舟險
 途按轡一止一行
 並非吾意爾時調
 御覺皇在瞿曇
 樹下化作無數瞿
 曇花開不開風乃
 開雨謝不謝雨
 乃謝而有青鳥含
 花飛去花忽八鳥
 鳥羽盡皆生花
 師乃觀鳥而認羽
 花偈言鳥身非鳥
 花魄非花行止
 饒他我奈吾何
 右伴僧合掌念是
 色非色是空左
 伴僧上前云馬
 逢坦路行無礙
 不到槃根解不
 開右

謂空空也者上天之載無聲之聲也

海重大禪師頂礼竹林三祖於玄天觀中左伴僧海和右伴僧海淨與其徒弟二十四人俱徒弟白師言儒家說理所謂理師答言理如木節理之理又白說欲何謂欲師答言欲如木走下火炎上之欲曰然循理辰如何曰理不可盡循於是僧眾背案而坐師作欠氣而屈一足左伴僧向師言師何偏屈一足師言萬水皆東弱水西菊花不與百花齊左伴僧進云水去東西

大真圖覺聲

空聲

聲發於叩大叩則大鳴小叩則小鳴皆有所因而發也發有所因便有時而息空中而有聲則其聲無所從來亦無所去迎之不知其所始隨之不知其所終鏗鏗然鏘鏘然無一息之或停子未聞丑未聞聲在混沌陽既降陰既昇聲在際蟠古今行識盡在空聲中可得而聞不可得而尋夫是之

花開處即重陽 又年年和露向秋開月淡風光沒寸
 懷堪笑不明花好處滿頭隨例擇歸來又花在中庭
 人在樓焚香獨坐自忘憂主人與物渾無覺花向
 羣芳出一頭 又春秋黃白各芳菲憂艷怜香亦似特
 徧界繁花金墜地後凋顏色屬東籬諸作皆禪隱風
 致俗所著國語玄光行者事多滑稽今削之

十五

流水急相催何如小隱林泉下一榻松風茶一盃

題淡水亭

淡水亭邊野草多空山雨霽夕陽斜欲因輦路投禪

室推梵獻鍾棟落花

早秋作

夜氣分涼八萬井蕭蕭庭

樹報秋聲竹堂忘適香初燼

欠四字

調目明

菊花作松聲

蔣翊先生徑梅景西湖處士家義氣不同難苟合故

園隨處吐黃花

又

大江無夢浣枯腸百詠梅花讓好

粧老去悲秋吟未穩詩瓢寔爲菊花忙又忘身忘世

已都忘望久蕭然一老僧榻涼歲晚山中無曆日菊

身山二字然枕絲羅已是成憚心一片蛩聲唧唧焉

誰多

良得易作

劉血書成欲寄音孤飛寒鴈塞塞雲

深幾家愁對青宵月西處茫然一種心泛舟作小艇東風

泛渺茫山青水綠又秋光數聲漁笛蘆花外月落

波心江滿霜

題洞軒鉉越似山

籠煙罩月落花寒花上不寒

綠種作山從茲念慮都無俗贏得清風一種安枕過萬劫作

諒州人物水流東百歲光陰撚指中回首故山凝望

處數行歸鴈帖晴空

贈仕途子弟

富貴浮雲遲未到光陰

雲野思多南樓北館夕陽斜春無主惜詩無伴愁絕

絕東風幾樹花

地即事作

煨餘梢獨黃香口答山童問

短章手把吹商和不鐸從教人道老僧忙

因事題完蘭寺

德薄常慚繼祖燈空教寒

字一

起冤憎爭如逐伴歸

山去疊嶂重巒萬萬層

作極花

欲向蒼蒼問所從漂

然冰峙雪山中折木不為遮青眼願借春思慰病

翁

書作

祖父田園任目勑千青盤屈繞吾廬木犀

牕外千鳩寂一枕清風晝夢餘

山宇作

秋風午夜拂簷

延祐寺作
今一柱寺

上方秋夜一鐘聞
月色如波楓樹丹
鴉吻倒眠

十三

方鏡冷塔光雙峙
玉失寒萬緣不擾
城遮俗半點無

憂眼放寬參透是
非平等相魔宮佛
國好生觀

安子山
庵舊作

庵逼青宵冷門開
雲上曾已竿龍洞
日猶尺虎溪水

抱拙無餘策扶衰
有瘦藤竹林多宿
鳥過半伴閑

僧

午庵
作

雨過溪山淨楓林
一夢涼反觀塵世
界閑眠

醉茫茫

石室
作

半間石室和雲住
一領毳衣經歲寒
僧

在僧禪床經在案
爐殘楷拙日三竿

次慶
寶寺
荒草煙

接玄光曰調御遺囑汝知之其忘之乎玄光始相隨
 參學明宗大慶四年二月法螺病革以調御所傳
 衣及寫心偈付玄光法螺病尋愈其年十二月創瓊
 林院居之開泰元年裕宗八歲玄光遵教住持山院
 傍靈瓊洞庵做調御住山辰所作退院說法之報輒
 寄情吟詠調思壯雅有王羲集行于世今不傳見存

古體詩一章

舟中作

一葉扁舟湖海客撐出葦行風撼

孤機茫四顧晚潮生江水連天一鷗白近體詩二十

釋子空無人所著自參禪指要金剛場陀羅尼經
 完法花經科疏般若石心經科疏及發願文
大畧云諸佛菩薩
 所有行願一切眾生或毀讚或敬慢或施予
 或侵奪觸目同名皆舍之令其善惡等語
 香海寺十具遺跡也

第三行

玄光尊者九歲能詩文習舉子業十九歲入空門舉
 三教比丘不受官乞四山修持隨抱璞受戒瓊林寺仁
 尊章具寺見而品之法螺乃引為侍者帝崩後法螺

轉則寐語不睡則不寐語玄光曰安得睡與覺一還
 不病時法螺曰病也不干他不病也不干他玄光曰爭
 奈既有語聲何法螺曰管甚麼風過樹聲礙人亦有
 惑於樹聲者疾至玄光曰古人到這裏皆有示偈師
 何獨無良久乃起索筆大寫曰萬緣截斷一身閑四
 十餘年夢幻間珍重諸人休借問那邊風月更遶
 寬示寂辰年四十四加號淨智大尊者弟子舉就青
 梅山安置英宗爲詩挽之曰自從法螺去世後天下

音唐
道也

海印皆得其法術創瓊林院及壺天真衆庵使其弟
 子分徃住持又開崑山及青梅山所至輒成名一藍有
 恋青山詩曰踈瘦竈秋水崦嵫落照中昂頭看不
 盡來路又重重大慶四年疾革以仁宗所傳衣及寫
 心偈付玄光法器拄杖付景願佛子付景徽竹篋付
 惠觀法書付惠鑑燃金鈴付海印金柝付惠燭病勢
 愈詔赴法祈雨立應尋命赴安樂會病復作玄光來
 見法螺睡時呬呬三聲玄光曰尊者寐語耶法螺曰

仁宗登法堂演說法雅法螺登座合掌問難授法衣披之十二月仁宗八減法螺奉舍利八大內安置歸作石室寤語語頌述仁宗退居院時法語十九年增置天下伽藍八百餘所王公貴人爭施田庄供施金錢供施三年一度僧至千餘人法螺每減其數賜官船及棹夫給常辰往來辭不受寶慈皇太后及司徒文文惠王並出家受戒英宗有書祇法螺輒稱弟子四方從學者蓋眾弟子玄光最著景願景徽惠燃惠燭

滿室移月不絕母喜命名金剛聖及長聰慧過人不嗜
 葷肉隆興十二年陳仁宗出家幸南柵江今改見而
 奇之此子有道眼後必有法器且喜其來賜名善
 來命參性覺和尚受戒性覺終不爲開示法螺乃保
 取海眼經看閱更深因見燈花落忽然大悟自此誓
 脩十二頭陀行後隨仁宗往靈山麒麟寮受戒賜號
 法螺十六年仁宗上臥雲山嶺住庵命法螺嗣法住持
 闍堂行傳授禮英宗駕至立客位宰執席僚立庭下

訖乃獅子臥崩於山庵法螺遵遺囑奉玉骸入火
 垓得舍利一千粒以歸莫宗以一分舍利塋德陵一分
 鎮其山之金塔遍修山寺安金像事之課虛集所
 記我調鄉指仁宗出離塵俗捨棄王宮坐御山門儼
 然常住山門龍洞寺也

第二行

法螺尊者姓同氏夜每夢異人授以神劔喜而依之
 及有娠惡其生女多用藥墜之竟不下生時異香

甚處去了速向來前寶刹曰日面佛面九月佛月九音旨如
 何帝屬聲曰五帝三王是何對曰只如花簇簇兮
 錦簇簇南地竹分兮北地木又怎麼生帝曰瞎却尔
 眼殺便休數日天地晦冥暴風大作雨雪擁木猿猱
 繞庵山禽哀鳴十二月初一日夜明星朗然帝曰此
 何辰也寶刹答曰子時帝以手撥開牕牖視之曰是
 吾辰也寶刹曰調御何處去帝曰一切法不生一切法
 法不滅若能如是解諸佛當現前何去來之有也言

生竒特峰秀林寺覺頭痛乃謂子滿完中二僧曰吾
欲上臥雲峯而脚力不能行奈何二僧應曰弟子能
助矣總至臥雲謝二僧快下山修行去切勿以生死
爲閤事十九日差侍者法空上紫霄庵遇寶刹速
來寶刹去至瀛泉見黑雲一陣從臥雲峰過磊石山
至泉下大水暴漲高數丈既而復平見二龍頭大如
馬舉頭高丈餘兩眼如星須臾而沒二十一日至臥雲
帝見米芾爾曰吾將去矣汝米何晚乎汝於佛法有

法命脉何帝答曰將來辰至矣欲作長往計耳興隆
十六年十月初五日天瑞公主家僮上山奏曰天瑞
公主病篤願得調見調御帝喟然曰特節而已矣乃
杖策而下唯侍者一人隨行十日至京十五日付囑了
還山宿超類寺絕早步行至古法鄉寺帝自題云世
教一息默時情西海銀魔宮渾管甚佛國不勝春
十七日宿崇嚴寺宣慈皇太后請就平陽庵設齋
帝欣然曰此是最後供也乃受之十八日又步行至安

非有非無互不回互笠雪靴花守株待兔有句無句自
古自今孰指忘月平地陆沉有句無句如是如是八字

打開全無已鼻有句無句顧左顧右阿刺刺地開昭

昭地有句無句

音刁內興阿利天此天四方各八
中史帝釋共三十三

但但截

斷葛藤彼此快活法螺得心印帝乃命開堂住持爲

講傳燈錄既而并却淨人及三寶奴與俱上紫霄庵

傍築石室寤語院唯上足弟子寶刹侍焉帝徧行諸

巖寶刹白曰尊德春秋高邁而衝骨霜雪其如佛

是三十二相八十種好曰若以色見我以聲音求我是
人行邪道不能見如米問如何是佛曰碓下糟糠問

如何是祖師西來意曰同坑無異土問有句無句如藤

倚樹時如何帝曰有句無句藤枯樹倒幾了衲僧撞

頭磕

音慨兩石相擊聲楊雄甘泉賦云豈
長平弓雷鼓磕天聲起兮勇力厲

腦有句無句體

露金風琬似

琬音乾似河名西域起何驢達池在香山之南
雷山之北同八百里東南流八海者曰琬似河沙數

紀刃傷鋒有句無句立宗立旨打馬鑽龜登山涉水

有句無句非有非無刻舟求劍索驥按圖有句無句

三祖行狀

第一行

調御覺皇爲太子時嘗從聖宗駕幸安子山求避位
八山帝不許既即位日興大燈惠忠謁究佛典內禪
後銳意投禪自號調御頭陀遍遊諸道除淫祠施法
藥得法螺來歸帝嘉其有道肯携上山謂曰啼鳥血
流無用處西山依舊暮雲橫法螺進曰萬里雲收時
如何曰雨漫漫萬里雲鎖辰如何曰月皎皎又問如何

南無餘令四果得果觀世音菩薩

× 南無不果得如是意觀世音菩薩

藏聲相

南無藏觀世音心秘密與願觀世音菩薩

響聲相

南無響聞其聲音而得解脫觀世音菩薩

流動聲相

南無流動具神通力觀世音菩薩

餘聲相

王

南無洞不爲非自分害死觀世音菩薩

明聲相

南無明普明照世間觀世音菩薩

判聲相

南無判以寔觀眾生觀世音菩薩

宿聲相

南無宿常住藏觀世音菩薩

不界聲相

南無一一切妙具皆自莊嚴觀世音菩薩

四

樞聲相

南無樞禪定藏觀世音菩薩

表裏聲相

南無表裏所聞正法悟甚深義觀世音菩薩

行聲相

南無行能令國還政治觀世音菩薩

洞聲相

南無收所有眷屬和順觀世音菩薩

定聲相

南無定興我速得戒定道觀世音菩薩

寂然無聲相

南無寂然無無爲心觀世音菩薩

斷聲相

南無斷無染心觀世音菩薩

一聲相

南無發想其不可思議威神觀世音菩薩

見聲相

南無若欲見佛當與見佛觀世音菩薩

喚聲相

南無喚速令聲聞證果觀世音菩薩

說聲相

南無說能令地獄門開罪人解脫觀世音菩薩

收聲相

相聲二十四菩薩

空聲相

南無空空觀心觀世音菩薩

寤聲相

南無寤現作菩薩觀世音菩薩

殷聲相

南無殷遊諸國土度脫眾生觀世音菩薩

發想聲相

相聲二十四菩薩

空聲相

南無空空觀心觀世音菩薩

寤聲相

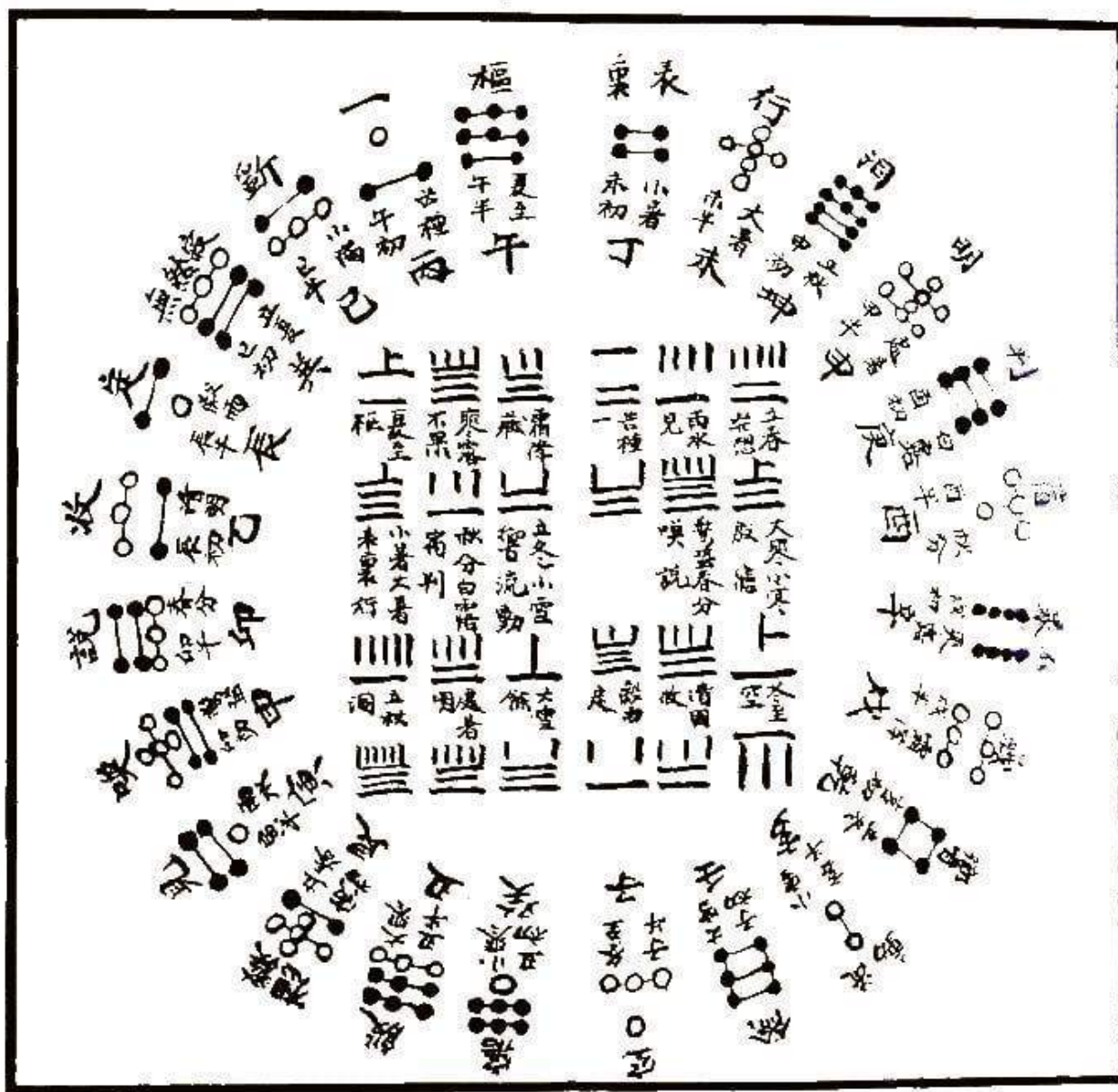
南無寤現作菩薩觀世音菩薩

殷聲相

南無殷遊諸國土度脫眾生觀世音菩薩

發想聲相

IV III
圖之山應氣配聲四十二



三祖行狀

語錄

玄光尊者李道載京北嘉定人天資明渙早悟禪
理舉陳朝三教狀元棄家求道從調御覺皇住持
安子山中示寂寂後徒第_弟尊焉竹林第三祖偈云

大覺人天

南度三傳

契悟空虛

玄之又玄

三祖行狀

三祖行狀

PHỦ QUỐC VỤ KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN HÓA
XUẤT BẢN

1971



Giá bán: 580\$